BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 1705 /QĐ-BGDĐT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét kết quả thẩm định nội dung và kinh phí đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 243 đề tài, tổng kinh phí 112.235 triệu đồng *(NSNN: 111.585 triệu đồng; nguồn khác: 650 triệu đồng)*, danh mục kèm theo.

Điều 2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện đề tài nêu ở Điều 1 theo quy định quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ ban hành tại Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, Vụ KHCNMT.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Đại học Bách khoa Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 1705 /QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Tính chất định tính nghiệm của một số lớp phương trình đạo hàm riêng phi tuyến.	- Chứng minh được tính bị chặn của nghiệm đối với một số lớp phương trình đạo hàm riêng như: Phương trình Ginzburg-Landau, Phương trình Chern-Simon-Higgs trên không gian Euclide hoặc trên đồ thị hữu hạn địa phương có trọng. - Thiết lập được sự tồn tại và không tồn tại nghiệm, nghiệm trên của một số lớp phương trình hoặc hệ phương trình elliptic và parabolic trên đồ thị hữu hạn địa phương có trọng. - Chứng minh được sự tồn tại và không tồn tại nghiệm ổn định, nghiệm trên của phương trình hai pha chứa toán tử suy biến, hệ phương trình chứa toán tử phân thứ và số hạng bình lưu, hệ phương trình chứa toán tử suy biến và số hạng bình lưu.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 02 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công).	PGS.TS. Dương Anh Tuấn	400	400	0

2	Nghiên cứu, chế tạo vật liệu nano hydroxyapatite (HAp) pha tạp kim loại đất hiếm định hướng ứng dụng trong lĩnh vực đánh dấu huỳnh quang Y Sinh.	- Chế tạo được vật liệu nano HAp pha tạp hoặc đồng pha tạp (Eu, Er, Yb, Tb…) bằng phương pháp hóa học có đặc tính như là cấu trúc tinh thể: đơn pha; hình thái: có kích thước cơ nano mét (<100 nm) có khả năng phát quang mạnh trong vùng ánh sáng tử ngoại đến khả kiến dưới kích thích của bước sóng hồng ngoại gần (NIR) và có khả năng tương thích sinh học cao. - Xây dựng được quy trình đánh giá các đặc tính (cấu trúc, hình thái, quang học) của vật liệu nano HAp pha tạp kim loại đất hiếm được tổng hợp bằng phương pháp hóa học - Xây dựng được quy trình kiểm tra khả năng tương thích sinh học của vật liệu HAp pha tạp kim loại đất hiếm RE được tổng hợp bằng phương pháp hóa học	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 1 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Quy trình công nghệ chế tạo nano hydroxyapatite (HAp) pha tạp đất hiếm (Eu, Er, Tb, Yb…) bằng phương pháp hóa học - 50g sản phẩm bột nano HAp pha tạp ion đất hiếm (có kích thước < 100 nm) 4.Các sản phẩm khác: - 01 Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn;	TS. Cao Xuân Thắng	670	670	0

3	Nghiên cứu, phát triển các thuật toán phân bổ tài nguyên mạng hiệu quả để tối ưu hóa việc sử dụng phổ tần và đảm bảo QoS cho người dùng mạng 6G	- Đề xuất được các thuật toán phân bổ tài nguyên mạng mới hiệu quả hơn cho mạng 6G. - Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất của các thuật toán phân bổ tài nguyên mạng trong mạng 6G. - Đề xuất được các giải pháp để tối ưu hóa hiệu suất của các thuật toán phân bổ tài nguyên mạng trong mạng 6G.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 chương trình mô phỏng hiệu suất sử dụng phổ của mạng truyền thông 6G với ứng dụng lý thuyết tối ưu (Đầu vào của chương trình mô phỏng là các thông số của kênh truyền vô tuyến, thông số mạng, và các tiêu chí phần cứng của thiết bị như giơi hạn công suất. Đầu ra của chương trình mô phỏng bao gồm tài nguyên cần tối ưu ví dụ như công suất cấp phát tín hiệu. Chương trình mô phỏng có khả năng chỉ rõ ưu điểm, đóng góp của ứng dụng tối ưu trong quy hoạch chất lượng dịch vụ mạng 6G).	TS. Trịnh Văn Chiến	650	650	0
4	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo bộ biến đổi AC/DC 3 pha 4 dây với mô-đun trung tính điều khiển độc lập cho các bộ sạc EV có chế độ V2H	- Đề xuất được phương pháp ổn định điện áp điểm trung tính của bộ biến đổi AC/DC 3 pha 4 dây với mô-đun trung tính điều khiển độc lập (ICNM) làm việc trong điều kiện lưới điện/tải không cân bằng; - Thiết kế và chế tạo thành công bộ biến đổi AC/DC 3 pha 4 dây với ICNM	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2 - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: -01 bộ biến đổi AC/DC 3 pha 4 dây với ICNM có khả năng ứng dụng cho EV có chế độ V2H: + Điện áp dây định mức: 380 V + Điện áp một chiều định mức: 650 V + Công suất định mức: 5 kW + Tần số cơ bản: 50 Hz/60 Hz + Công nghệ van bán dẫn SiC MOSFET + Điều khiển số Digital Signal Processing (DSP).	TS. Nguyễn Anh Tân	700	700	0

5	Nghiên cứu một số phương pháp tối ưu tài nguyên cho mạng di động thế hệ mới 5G/6G sử dụng công nghệ cắt lát mạng (network slicing)	- Đề xuất được mô hình đánh giá tổng nhu cầu về mặt tài nguyên của các lát cắt mạng. - Đề xuất được các thuật toán phân bổ tài nguyên động cho các lát cắt mạng. - Đánh giá được hiệu năng của các thuật toán phân bổ tài nguyên cho mạng đi động thế hệ mới 5G/6G sử dụng công nghệ cắt lát mạng (network slicing).	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2 - 01 bài báo đăng tại hội nghị quốc tế có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 hệ thống testbed triển khai công nghệ cắt lát mạng 5G ứng dụng các sản phẩm mã nguồn mở.	TS. Lưu Quang Trung	600	600	0
6	Nghiên cứu chế tạo hợp kim entropy cao (HEA) cấu trúc nano bằng phương pháp luyện kim bột	- Chế tạo được bột hợp kim HEA Alx-kim loại chuyển tiếp (Co, Cr, Fe, Cu, Mn, Ni, Mo, Ti, …) có cấu trúc nano đơn pha (FCC, BCC) hoặc đa pha và/hoặc cấu trúc vô định hình bằng phương pháp MA và nghiên cứu đánh giá đặc trưng của bột hợp kim trong quá trình nghiền. - Chế tạo được mẫu khối HEA bằng kỹ thuật SPS và đánh giá sự ảnh hưởng của các thông số công nghệ như nhiệt độ thiêu kết, lực ép đến độ bền cơ học của mẫu khối.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 50 g bột hợp kim entropy cao cấu trúc nano. - 10 mẫu khối hợp kim entropy cao có độ bền nén ≥ 800 MPa. - 01 quy trình công nghệ chế tạo vật liệu khối HEA (High-Entropy Alloys) sử dụng phương pháp hợp kim hóa cơ học và thiêu kết xung điện plasma.	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Việt	600	600	0

7	Nghiên cứu phát triển các thuật toán dẫn đường và điều khiển cho robot thông minh phù hợp với các hành vi và hoạt động của con người sử dụng công nghệ học sâu và xử lý ảnh	- Đề xuất được các thuật toán điều khiển và định tuyến dành cho robot với ưu điểm là linh hoạt và hiệu quả khi sử dụng thông tin từ các hệ thống cảm biến như Lidar, camera 2D/3D; - Tạo ra được cơ sở dữ liệu cho các mô hình học sâu có thể áp dụng vào robot thông minh để điều chỉnh các mô hình cho phù hợp với các nhu cầu và hành vi của con người. - Đề xuất được một quy trình toàn diện bao gồm thiết kế, tính toán, mô phỏng và thử nghiệm cho robot thông minh, sử dụng công nghệ học sâu và xử lý ảnh để đảm bảo tính hiệu quả, phù hợp hành vi và hoạt động của con người.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 02 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn); - 01 mô hình robot trang bị các cảm biến thông minh (cảm biến rplidar a1m8 hoặc tương đương trở lên, camera 3D D435i hoặc tương đương trở lên) với nhiều tính năng nổi trội phù hợp với các hành vi và hoạt động của con người sử dụng công nghệ học sâu và xử lý ảnh. 01 bộ hồ sơ và tài liệu về các thông số của robot, tài liệu hướng dẫn tạo các dữ liệu cho hệ thống học sâu, các thông số cho bộ điều khiển của robot.	TS. Nguyễn Xuân Thuận	750	750	0
8	Phát triển sản phẩm pho mát hybrid ủ chín bổ sung hạt điều	Phát triển quy trình công nghệ sản xuất pho mát hybrid ủ chín bổ sung hạt điều	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn đăng ký. - 01 quy trình công nghệ sản xuất pho mát hybrid ủ chín bổ sung hạt điều ở quy mô pilot 10 kg/mẻ; - 10 kg pho mát hybrid ủ chín bổ sung hạt điều: đạt tiêu chuẩn QCVN 5-3:2010.	TS. Nguyễn Chính Nghĩa	650	650	0

9	Nghiên cứu phát triển hệ thống điều khiển PC-based tích hợp thuật toán tái tạo chuyển động hỗ trợ giảm triệu chứng say xe của người lái trên các hệ thống mô phỏng lái ô tô	-Phát triển thành công hệ thống hệ thống điều khiển PC-based tích hợp thuật toán tái tạo chuyển động hỗ trợ giảm triệu chứng say xe của người lái trên các hệ thống mô phỏng lái ô tô; - Đánh giá được hiệu quả của hệ thống iều khiển PC-based tích hợp thuật toán tái tạo chuyển động và các yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận của người lái.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 phần mềm điều khiển trên PC-based có các mô đun: + Truyền thông qua TCP/IP hoặc USB bệ mô phỏng 6 bậc tự do di chuyển trong trục X, Y, Z trong khoảng [-140; 140] mm và các góc pitch, roll, yaw trong khoảng [-20o; 20o], <=) với gia tốc theo các trục X,Y,Z <= 15m/s2. + Truyền thông qua TCP/IP hoặc UDP với môi trường ảo 3D mô tả các tình huống lái ô tô bao gồm: di chuyển theo đường thẳng, đường cong, và các di chuyển hỗn hợp. + Tích hợp thuật toán tái tạo chuyển động + Thu thập gia tốc trên hệ mô phỏng lái và trên xe ô tô sử dụng cảm biến gia tốc IMU. - 01 Quy trình thực hiện và phần mềm tự động điều chỉnh tham số của thuật toán tái tạo chuyển động. - 01 Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật đánh giá chất lượng của tình huống mô phỏng.	PGS. TS. Phạm Đức An	620	620	0

10	Nghiên cứu, phát triển hệ thống cất và hạ cánh tự động cho máy bay không người lái dạng nhiều chong chóng mang (multirotors) trên vật thể di động.	- Phát triển được thuật toán cất và hạ cánh tự động cho máy bay không người lái dạng nhiều chong chóng mang trên đối tượng di động. - Ứng dụng và chế tạo thành công 01 hệ thống cất và hạ cánh tự động cho máy bay dạng chong chóng mang trên vật thể di động (như thùng xe bán tải, bong tàu, thuyền).	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tố thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bằng độc quyền sáng chế (được chấp nhận đơn); - 01 hệ thống cất và hạ cánh tự động cho máy bay dạng chong chóng mang trên vật thể di động, gồm 01 máy bay dạng bốn chong chóng mang (quadrotor), có thông số: + Cất hạ cánh thẳng đứng; + Tải trọng có ích: 02- 10kg; + Trần bay: 200m; + Thời gian bay tối thiểu: 20 phút; + Có khả năng cất và hạ cánh trên đối tượng di động với vận tốc 10-60 km/h, độ cao không ổn định.	PGS. TS. Vũ Đình Quý	650	650	0
11	Tăng cường tuổi thọ và giảm tải kết cấu cho tua bin gió ngoài khơi sử dụng điều khiển nâng cao	- Phát triển được một phương pháp điều khiển cho các tuabin gió ngoài khơi để giảm tải kết cấu của tuabin gió ngoài khơi; - Đánh giá được hiệu quả của phương pháp điều khiển mới trong việc điều chỉnh công suất phát, giảm tải kết cấu, và kéo dài tuổi thọ tuabin gió ngoài khơi.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS: 01 bài xếp hạng Q1/Q2, 01 bài xếp hạng Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ công cụ mô phỏng và chỉnh định hệ thống điều khiển tuabin gió ngoài khơi, phù hợp với các hệ thống thương mại hiện có. - 01 phương pháp điều khiển mới giảm tải kết cấu của tuabin gió ngoài khơi so với thuật toán điều khiển tiêu chuẩn được sử dụng trong công nghiệp.	TS. Đỗ Mạnh Hùng	530	530	0

12	Nghiên cứu xác định mức độ vi nhựa (microplastics) trong không khí và nhận dạng nguồn gốc của chúng	Đánh giá được sự hiện diện của vi nhựa trong không khí	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình lấy mẫu vi nhựa trong không khí; - 01 mẫu vi nhựa trong không khí; - 01 dự thảo quy chuẩn lấy mẫu vi nhựa trong không khí; - Bộ số liệu về đặc tính hóa lý của vi nhựa trong không khí.	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	500	500	0
13	Áp dụng phương pháp tiên tiến để nảy mầm hạt tam giác mạch ứng dụng trong sản xuất thực phẩm và thực phẩm chức năng.	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nảy mầm hạt tam giác mạch để gia tăng giá trị dinh dưỡng và giá trị sinh học và ứng dụng trong sản xuất thực phẩm và thực phẩm chức năng.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình công nghệ sản xuất hạt mầm từ tam giác mạch sử dụng phương pháp tiên tiến; - 01 quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm thực phẩm giàu hoạt tính sinh học sử dụng hạt mầm tam giác mạch; - 03 lít mẫu vật đồ uống lên men giàu hoạt tính sinh học sử dụng hạt mầm tam giác mạch; - 01 bộ hồ sơ đánh giá chất lượng sản phẩm đồ uống lên men có hoạt tính sinh học.	TS. Nguyễn Văn Hưng	480	480	0

14	Nghiên cứu phát triển quy trình xử lý nước thải sinh hoạt ô nhiễm dư lượng dược phẩm với mục đích tái sử dụng ứng dụng công nghệ oxy hoá tiên tiến sử dụng UV (AOP-UV) tích hợp quá trình màng nano (NF)	Phát triển được quy trình xử lý nước thải sinh hoạt ô nhiễm dư lượng dược phẩm với mục đích tái sử dụng ứng dụng công nghệ oxy hoá tiên tiến dùng UV (AOP-UV) tích hợp quá trình màng nano (NF)	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa họcthuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 hệ thiết bị xử lý nước thải ô nhiễm dư lượng dược phẩm bằng công nghệ oxi hoá tiên tiến dùng UV (AOP-UV) tích hợp quá trình màng nano (NF) công suất 1m3/ngày đêm; - 01 báo cáo tính toán thiết kế thiết bị xử lý nước thải ô nhiễm dư lượng dược phẩm quy mô 100 m3/ ngày đêm và 1000 m3/ ngày đêm; - Mô đun phần mềm vận hành và điều khiển thiết bị tại chỗ và qua internet; - Kết quả thử nghiệm xử lý nước thải ô nhiễm dư lượng dược phẩm bằng công nghệ oxi hoá tiên tiến dùng UV (AOP-UV) tích hợp quá trình màng nano (NF) công suất 1m3/ngày đêm, quy mô 100 m3/ ngày đêm và 1000 m3/ ngày đêm.	TS. Nguyễn Thị Lan Phương	600	600	0

15	Nghiên cứu chuyển hoá trực tiếp CO_2 và metanol thành dimetyl cacbonat (DMC) trên xúc tác Cu-Ni/vật liệu khung hữu cơ – kim loại	Tổng hợp các chất xúc tác vật liệu khung hữu cơ – kim loại có diện tích bề mặt riêng, độ xốp lớn; biến tính bằng kim loại và oxit kim loại làm tâm hoạt tính để xúc tiến cho phản ứng tổng hợp trực tiếp DMC từ CO_2 và MeOH.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 100g MIL 101 có diện tích bề mặt > 1800 m2/g ; - 50g Cu-Ni/MIL101 có diện tích bề mặt > 1500 m2/g ; - 01 quy trình tổng hợp xúc tác Cu-Ni/MIL101 và ứng dụng cho quá trình tổng hợp trực tiếp DMC từ CO2 và metanol.	PGS.TS Phạm Thanh Huyền	550	550	0
16	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn các "môn học lựa chọn" của học sinh lớp 10 tại vùng Đồng bằng Sông Hồng.	- Đánh giá thực trạng việc chọn các "môn học lựa chọn" của học sinh lớp 10 tại vùng Đồng bằng Sông Hồng; - Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn các "môn học lựa chọn" của học sinh lớp 10 tại vùng Đồng bằng Sông Hồng; - Khám phá quá trình ra quyết định của học sinh lớp 10 khi chọn các "môn học lựa chọn"; F5 - Đề xuất các giải pháp định hướng việc chọn các "môn học lựa chọn" của học sinh lớp 10 tại vùng Đồng bằng Sông Hồng.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ giải pháp định hướng việc chọn các "môn học lựa chọn" của học sinh lớp 10 tại vùng Đồng bằng Sông Hồng.	TS. Nguyễn Thị Duyên	350	350	0

17	Nghiên cứu các rào cản đối với thực hành ESG của các doanh nghiệp Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hành ESG tại Việt Nam và trên thế giới. - Đánh giá được việc thực hành ESG và các yếu tố ảnh hưởng đến thực hành ESG tại các doanh nghiệp Việt Nam. - Nhận diện được các rào cản trong việc thực hành ESG tại các doanh nghiệp Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp thúc đẩy thực hành ESG tại các doanh nghiệp Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích việc thực hành ESG và các yếu tố ảnh hưởng đến thực hành ESG tại các doanh nghiệp Việt Nam. - Báo cáo phân tích các rào cản trong việc thực hành ESG tại các doanh nghiệp Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp thúc đẩy thực hành ESG tại các doanh nghiệp Việt Nam. - Cẩm nang cho các doanh nghiệp trong triển khai thực hiện các tiêu chuẩn môi trường, xã hội, và quản trị (ESG) tại doanh nghiệp Việt Nam.	TS Nguyễn Thị Mai Anh	390	390	0

18	Nghiên cứu ảnh hưởng của học tập tích cực tới sự sẵn sàng nghề nghiệp của sinh viên khối ngành kỹ thuật tại Việt Nam	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về học tập tích cực và khả năng sẵn sàng nghề nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kỹ thuật. Phân tích và đánh giá mức độ ảnh hưởng của học tập tích cực đối với khả năng sẵn sàng nghề nghiệp của sinh viên trong khối ngành kỹ thuật tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp đẩy mạnh học tập tích cực nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng nghề nghiệp của sinh viên các khối ngành kỹ thuật.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn Scopus; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của ACI. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo phân tích ảnh hưởng của học tập tích cực đến mức độ đáp ứng nghề nghiệp đối với sinh viên khối ngành kỹ thuật - 01 Tài liệu tham khảo sử dụng cho các học phần trong chương trình đào tạo cử nhân Công nghệ giáo dục, thạc sĩ và tiến sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học. - 01 Bộ tiêu chí đánh giá các hình thức học tập chủ động; mức độ sẵn sàng nghề nghiệp của sinh viên các ngành kỹ thuật. - 01 Báo cáo khuyến nghị áp dụng học tập tích cực nâng cao khả năng sẵn sàng nghề nghiệp của sinh viên các khối ngành kỹ thuật trong các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.	PGS.TS Lê Hiếu Học	420	420	0
Tổng cộng:					**10110**	**10110**	**0**

(Danh sách gồm 18 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Đại học Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm nấm men bao tinh dầu từ phụ phẩm nông nghiệp ứng dụng diệt ấu trùng muỗi truyền bệnh (Aedes aegypti, Culex quinquefasciatus)	Làm chủ được quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học nấm men bao tinh dầu từ phế phụ phẩm nông nghiệp có khả năng tiêu diệt ấu trùng muỗi Aedes aegypti và Culex quinquefasciatus hiệu suất cao, thân thiện với môi trường	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ được chấp nhận đơn; - 01 Quy trình công nghệ chế tạo chế phẩm đóng gói tinh dầu bằng tế bào nấm men quy mô phòng thí nghiệm, hiệu suất đóng gói tinh dầu > 90%; - 01 công thức chế phẩm sinh học (CPSH) diệt ấu trùng muỗi Aedes aegypti, Culex quinquefasciatus (hiệu suất tiêu diệt > 70%)	PGS.TS Võ Văn Minh	680	680	0

2	Thiết kế một số fluorophore ứng dụng trong cảm biến huỳnh quang phân tử có độ nhạy & chọn lọc cao	Nghiên cứu thiết kế các fluorophore dựa trên bộ khung BODIPY, naphthalimide, rhodamines và coumarin bằng phương pháp tính toán lượng tử cho phát triển sensor huỳnh quang có độ nhạy và chọn lọc cao.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS,trong đó 01 bài Q1 và 01 bài Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Xây dựng quy trình tính phổ hấp thụ (UV-Vis) của các phân tử bằng phương pháp tính toán lượng tử; - Xây dựng quy trình tính phổ phát xạ huỳnh quang của các phân tử bằng phương tính toán lượng tử	TS. Nguyễn Linh Nam	500	500	0
3	Nghiên cứu xây dựng chương trình tối ưu hóa thiết kế hệ thống ván khuôn thế hệ mới sử dụng UHPC kết hợp với lưới FRP trong thi công kết cấu bê tông cốt thép dựa trên thực nghiệm, mô phỏng và học máy	- Xây dựng được chương trình tối ưu hóa thiết kế hệ thống ván khuôn thế hệ mới sử dụng UHPC kết hợp với lưới FRP trong thi công kết cấu bê tông cốt thép dựa trên thí nghiệm, mô phỏng và học máy - Đánh giá được hiệu quả của hệ thống ván khuôn thế hệ mới sử dụng UHPC kết hợp với lưới FRP trong thi công kết cấu bê tông cốt thép.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bằng sáng chế (được chấp nhận đơn); - 01 Chương trình thiết kế tối ưu hóa ván khuôn thế hệ mới sử dụng UHPC kết hợp với lưới FRP dựa trên kỹ thuật học máy; - 01 Mô hình phần tử hữu hạn dầm bê tông cốt thép với ván khuôn UHPC thế hệ mới; - 01 Mô hình thí nghiệm uốn dầm bê tông cốt thép sử dụng ván khuôn thế hệ mới.	PGS.TS Phan Hoàng Nam	650	650	

4	Nghiên cứu phát triển siêu mô hình (metamodel) dựa trên phương pháp hồi quy đa thức dự báo xác suất mức độ ăn mòn của bê tông trong môi trường biển xét đến tác động của biến đổi khí hậu tại Việt Nam	- Phát triển thành công siêu mô hình (metamodel) dựa trên phương pháp hồi quy đa thức nhằm dự báo xác suất mức độ ăn mòn và thời gian khởi phát ăn mòn của bê tông trong môi trường biển; - Dự báo được xác suất mức độ ăn mòn và thời gian khởi phát ăn mòn của bê tông trong môi trường biển xét đến tác động của biến đổi khí hậu tại Việt Nam	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 mô hình mô phỏng bài toán về xâm nhập ion clorua trong bê tông có xét đến tác động của biến đổi khí hậu tại Việt Nam. - 01 mô hình mô phỏng quá trình tái ăn mòn trong bê tông đã qua sửa chữa với các phương pháp khác nhau. - 01 siêu mô hình dựa trên phương pháp hồi quy đa thức dự báo chính xác mức độ ăn mòn và thời gian khởi phát ăn mòn của bê tông trong môi trường biển xét đến tác động của biến đổi khí hậu tại Việt Nam. - 01 bộ dữ liệu đánh giá mức độ ăn mòn của kết cấu BTCT với các phương pháp sửa chữa khác nhau	TS. Trương Quỳnh Châu	600	600	0
5	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh ứng dụng xử lý mùi rong mơ nhằm nâng cao hiệu quả chế biến các sản phẩm thực phẩm có giá trị.	Đánh giá được vai trò của vi sinh vật đối với việc hình thành mùi tanh của rong mơ, từ đó đưa ra giải pháp kỹ thuật khắc phục mùi tanh, tạo điều kiện cho việc sử dụng nguyên liệu rong mơ trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q3/Q4. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn); - 01 quy trình định danh định danh các cấu tử mùi hình thành trong quá trình lên men rong mơ; - 01 quy trình định danh hệ vi sinh vật trong rong biển tươi; - 01 lít chế phẩm vi sinh khử mùi rong mơ.	PGS.TS Đặng Minh Nhật	700	700	0

6	Nghiên cứu lý thuyết ảnh hưởng của một số yếu tố đến cơ tính và cơ chế biến dạng của hợp kim entropy cao.	Đánh giá ảnh hưởng của thành phần, cấu trúc và nhiệt độ đến đặc tính cơ học và hành vi biến dạng của vật liệu entropy cao, từ đó đề xuất phương án thiết kế vật liệu đa nguyên tố với hàm lượng và cấu trúc cụ thể để phù hợp với yêu cầu.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ sản phẩm mô phỏng gồm các hình ảnh, video, như biểu đồ ứng suất-biến dạng, lực tạo vết lõm và cào xước nano, quá trình biến dạng; - 01 bộ các chương trình mô phỏng động lực học phân tử; - 01 báo cáo kết quả nghiên cứu ảnh hưởng cấu trúc vi mô và các điều kiện thử nghiệm tới các tính chất cơ học, quá trình biến dạng, và sự phát triển cấu trúc của hợp kim entropy cao.	TS. Phạm Văn Trung	550	550	0

7	Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng bao gói hoạt tính và thông minh trong bảo quản thực phẩm	Xây dựng và hoàn thiện quy trình tạo bao bì thông minh ứng dụng trong bảo quản thực phẩm.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình công nghệ chế tạo bao bì có hoạt tính ứng dụng để bảo quản thực phẩm. - 01 quy trình công nghệ chế tạo bao bì thông minh để bao gói bảo quản thực phẩm. - 01 mẫu bao bì hoạt tính giúp kéo dài thời gian bảo quản và duy trì được chất lượng; - 01 mẫu bao bì thông minh có ứng dụng vật liệu chỉ thị như chỉ báo thông minh về sự hư hỏng của thực phẩm; - 01 báo cáo phân tích các chỉ tiêu chất lượng của thực phẩm bảo quản bằng bao bì có hoạt tính.	TS. Ngô Thị Minh Phương	680	680	0

8	Nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế và khuôn khổ chính sách an toàn vĩ mô cho nền kinh tế Việt Nam	- Xây dựng được khung lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế và khuôn khổ an toàn vĩ mô nền kinh tế. - Phát triển mô hình cân bằng tổng thể động và khuôn khổ hoạch định chính sách tăng trưởng và ổn định vĩ mô. - Định hướng chiến lược cho mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2025-2035 và đề xuất được khuôn khổ chính sách an toàn vĩ mô cho nền kinh tế Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo về phát triển mô hình cân bằng tổng thể động và khuôn khổ hoạch định chính sách tăng trưởng và ổn định vĩ mô. - Báo cáo về định hướng chiến lược cho mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2025-2035. - Bản đề xuất chính sách an toàn vĩ mô cho nền kinh tế Việt Nam.	PGS.TS Trương Hồng Trình	410	410	0

9	Nghiên cứu tác động của công nghệ tài chính và rủi ro biến đổi khí hậu đến khả năng tiếp cận tín dụng thương mại của các công ty	- Làm rõ cơ sở lý luận về tác động của công nghệ tài chính và rủi ro biến đổi khí hậu đến khả năng tiếp cận tín dụng thương mại của các công ty. - Đánh giá được tác động của công nghệ tài chính đến khả năng tiếp cận tín dụng thương mại của các công ty. - Đánh giá được tác động của rủi ro biến đổi khí hậu đến khả năng tiếp cận tín dụng thương mại của các công ty. - Đề xuất được một số hàm ý chính sách cho chính phủ, các công ty và các nhà đầu tư nhằm cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng thương mại của các công ty.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SSCI), xếp hạng: Q1/Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tác động của công nghệ tài chính và rủi ro biến đổi khí hậu đến khả năng tiếp cận tín dụng thương mại của các công ty. - Bản đề xuất một số hàm ý chính sách cho chính phủ, các công ty và các nhà đầu tư nhằm cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng thương mại của các công ty.	TS Nguyễn Thành Đạt	410	410	0

10	Năng lực truyền thông khoa học công nghệ (TTKHCN) trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam	Đánh giá thực trạng truyền thông khoa học công nghệ (TT KHCN), đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TT KHCN ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số	1. Sản phẩm khoa học: – 01 bài bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q2 – 02 bài bài báo đăng trên tạp chí uy tín trong nước được HĐCDGSNN tính điểm từ 0,5 điểm trở lên – 01 báo cáo đăng trong kỉ yếu tại Hội thảo khoa học quốc tế có phản biện. – 01 sách chuyên khảo được xuất bản/có QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - Cẩm nang hướng dẫn về kĩ năng truyền thông khoa học căn bản dành cho nhà khoa học.	TS. Trần Thị Yến Minh	400	400	0
Tổng cộng:					**5580**	**5580**	**0**

(Danh mục gồm 10 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu chế tạo vật liệu graphen@ZnO@MnO_2 ứng dụng trong hấp phụ và xúc tác cho quá trình ozon hoá xử lý chất kháng sinh trong nước	Chế tạo vật liệu graphen@ZnO@MnO_2 ứng dụng trong hấp phụ và xúc tác cho quá trình ozon hoá xử lý chất kháng sinh trong nước	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bổ sung tính chất đặc trưng dự kiến của sản phẩm tổng hợp được; - 01 quy trình vật liệu graphen@ZnO@MnO2; - 50 g vật liệu graphen@ZnO@MnO2 có khả năng xử lý trên 90% hàm lượng kháng sinh trong nước với các đặc tính diện tích bề mặt và kích thước lỗ rỗng cao, có khả năng chịu nhiệt, bền cơ học cao và tính chất quang hoá tốt. - Báo cáo làm tiền đề cho việc chế tạo vật liệu graphen@ZnO@MnO2 xử lý chất kháng sinh bằng quá trình hấp phụ và ozon; - Báo cáo đánh giá khả thu hồi tái sử dụng vật liệu cho quá trình hấp phụ và xúc tác xử lý chất kháng sinh trong nước.	TS. Hoàng Lê Phương	630	630	0

2	Chuyển cơ sở phẳng và cấu trúc vành, môđun Noether	- Làm rõ được cấu trúc của một số lớp vành, môđun Noether và môđun đối đồng điều địa phương dưới tác động của đồng cấu phẳng; - Xác định được một số tập iđêan nguyên tố (liên kết, gắn kết, giả giá) và một số phân tích (nguyên sơ, thứ cấp, bất khả quy) qua chuyển cơ sở phẳng; - Đưa ra được công thức tính một số đại lượng của vành địa phương và môđun Noether (độ sâu, số bội, chiều nội xạ, chiều nhúng, số bội khả quy) qua chuyển cơ sở phẳng.	1 Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3 - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,5 điểm; - 01 giáo trình được xuất bản. 2.Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 02 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công).	PGS.TS. Trần Nguyên An	540	540	0
3	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp giảm thiểu rủi ro giám sát thông qua định vị vô tuyến và công nghệ phòng chống theo dõi vị trí trong mạng không dây	Phát triển các kỹ thuật mới để duy trì tính khả dụng và tối đa hóa bí mật cho truyền thông không dây nhằm giảm thiểu rủi ro giám sát	1 Sản phẩm khoa học - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1. - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,5 điểm 2.Sản phẩm đào tạo - Đào tạo 03 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3 Sản phẩm khác - Báo cáo hướng dẫn kỹ thuật về bảo vệ người dùng trước mối đe dọa định vị thụ động và giám sát thông qua tín hiệu không dây tại các khu vực nhạy cảm	TS. Nguyễn Văn Tảo	620	620	0

4	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và thử nghiệm hệ thống hybrid khai thác nước từ không khí phục vụ sinh hoạt cho khu vực vùng núi phía Bắc	- Làm chủ công nghệ thiết kế chế tạo mô hình máy khai thác nước từ không khí quy mô hộ gia đình dựa trên công nghệ ngưng tụ bán dẫn bằng hệ thống năng lượng được kết hợp sử dụng đồng thời cả năng lượng mặt trời và điện lưới. - Chế tạo và thử nghiệm thành công mô hình máy khai thác nước từ không khí có độ ẩm trên 60% ở quy mô hộ gia đình dựa trên công nghệ ngưng tụ bán dẫn bằng hệ thống năng lượng được kết hợp sử dụng đồng thời cả năng lượng mặt trời và điện lưới.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn hợp lệ) - 01 Hệ thống thí nghiệm áp dụng công nghệ ngưng tụ bán dẫn có khả năng thu thập dữ liệu trực tiếp hoặc từ xa (độ ẩm, nhiệt độ, sản lượng nước, năng lượng tiêu thụ, …) - 01 Hệ thống có thể khai thác nước từ không khí sử dụng linh hoạt các nguồn năng lượng tái tạo (như năng lượng mặt trời) kết hợp với dùng điện lưới có quy mô sử dụng cho hộ gia đình. Công suất hệ thống: 30-50 lít/ngày, đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt Quốc gia; môi trường làm việc: ngoài trời, độ ẩm từ 60% trở lên, phù hợp với các khu vực vùng núi cao; công suất điện tiêu thụ: khoảng 500W; công suất pin mặt trời: khoảng 500W. - 01 Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và phương án áp dụng kết quả ở quy mô hộ gia đình. - 01 Bộ hồ sơ thiết kế hệ thống khai thác nước sinh hoạt từ không khí cho một số quy mô ứng dụng cho hộ gia đình đến cấp độ cụm dân cư nhỏ	TS. Nguyễn Thị Hoa	550	550	0

5	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cho các xã vùng hồ thủy điện Thác Bà, tỉnh Yên Bái	*Mục tiêu cụ thể: (1) Đánh giá được hiện trạng nông nghiệp, chỉ ra được những tồn tại hạn chế, tính thiếu bền vững của hoạt động nông nghiệp tại các các xã vùng hồ Thác Bà. (2) Đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cho các xã vùng hồ Thác Bà.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE), Q2 trở lên. - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có chỉ mục trích dẫn của Scopus, Q4 trở lên. - 01 bài báo khoa học được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc được hội đồng chức danh GSNN tính từ 0,75 điểm. - 01 sách chuyên khảo liên quan đến đề tài được xuất bản. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Các giải pháp triển nông nghiệp hữu cơ gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cho các xã vùng hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái 4. Các sản phẩm khác: Hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến nông nghiệp hữu cơ gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cho các xã vùng hồ thủy điện Thác Bà.	ThS. Trần Thị Ngọc Hà	590	590	0

6	Nghiên cứu tạo chế phẩm từ một số cây dược liệu giàu hoạt chất polyphenol ở Việt Nam có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá ở gia cầm	Mục tiêu chung - Sàng lọc in vitro các cao chiết tổng và cao chiết phân đoạn của 03 loài dược liệu quả Me rừng, lá cây Sim và lá cây Ổi để tìm ra phân đoạn cao chiết tiềm năng có tác dụng kiểm soát, tiêu diệt vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hoá ở gia cầm. - Chiết xuất, phân lập và xác được định cấu trúc các hợp chất sạch phân lập từ cao chiết tiềm năng của 03 loại dược liệu quả Me rừng, lá cây Sim và lá cây Ổi. - Tạo được chế phẩm bổ sung vào thức ăn có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá ở gia cầm từ các loại thực vật nêu trên. Mục tiêu cụ thể: (1) Tạo được các cao chiết phân đoạn từ 03 loài dược liệu quả Me rừng, lá cây Sim, lá cây Ổi và tiến hành sàng lọc in vitro để xác định cao chiết tiềm năng có tác dụng kiểm soát, tiêu diệt vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hoá ở gia cầm. (2) Nghiên cứu phân lập và xác định được cấu trúc các hợp chất sạch từ phân đoạn cao chiết tiềm năng; đánh giá tác dụng sinh học của các hợp chất phân lập được (3) Xây dựng quy trình và tạo được chế phẩm bổ sung vào thức ăn có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá ở gia cầm từ 03 loại dược liệu quả Me rừng, lá cây Sim và lá cây Ổi. (4) Xây dựng được TCCS cho chế phẩm.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE), 1 bài Q1/Q2, 1 bài Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng hoặc (chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn Scopus. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín chuyên ngành trong nước được HĐGSNN tính từ 0,5 điểm 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo về các phân đoạn cao chiết tiềm năng từ 03 đối tượng nghiên cứu có tác dụng kiểm soát, tiêu diệt vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hoá ở gia cầm. - 01 bộ kết quả về phân lập và xác định cấu trúc hóa học các chất sạch. - 01 Báo cáo kết quả đánh giá tác dụng kháng khuẩn, kháng vi sinh vật kiểm định, kháng viêm… - 01 Quy trình phân lập các hợp chất sạch quy mô phòng thí nghiệm; - 01 Quy trình tạo chế phẩm bổ sung thức ăn có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá ở gia cầm. - 01 Bộ TCCS của chế phẩm theo quy định của Bộ Y tế - 02 kg chế phẩm bổ sung thức ăn có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá ở gia cầm. 4. Sản phẩm khác - Sở hữu trí tuệ/Giải pháp hữu ích: 01 Giải pháp hữu ích (chấp nhận đơn hợp lệ)	TS. Vũ Thị Thu Lê	720	720	0

7	Nghiên cứu ảnh hưởng của oligochitosan tách chiết từ vỏ tôm đến sinh trưởng, hệ vi khuẩn đường ruột và hệ miễn dịch của gà thịt lông mầu nuôi thịt	* Mục tiêu tổng quát: Xác định được tác động của hàm lượng oligochitosan bổ sung vào thức ăn đến sinh trưởng, hệ vi khuẩn đường ruột và hệ miễn dịch của gà thịt lông mầu nuôi thịt. * Mục tiêu cụ thể: (1)Tách chiết và tinh sạch được oligochitosan từ vỏ tôm bằng công nghệ cận tới hạn. (2) Đánh giá được ảnh hưởng của hàm lượng oligochitosan bổ sung vào khẩu phần ăn đến sinh trưởng của gà thịt lông mầu nuôi thịt. (3) Xác định được sự biến động của hệ vi khuẩn đường ruột và hệ miễn dịch của gà lồng màu nuôi thịt dưới tác động của oligochitosan.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q2 trở lên. - 01 bài báo được đăng hoặc (chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn Scopus. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình tách chiết oligochitosan từ vỏ tôm bằng phương pháp cận tới hạn. - 01 quy trình chăn nuôi gà lông màu nuôi thịt bổ sung oligochitosan vào khẩu phần thức ăn. - 01 mô hình chăn nuôi gà lông màu nuôi thịt bổ sung oligochitosan vào khẩu phần thức ăn (quy mô: 500 con). - 01 hồ sơ về hệ vi sinh vật đường ruột của gà lông màu nuôi thịt dưới tác động của bổ sung oligochitosan vào khẩu phần thức ăn.	PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang	600	600	0

8	Nghiên cứu xử lý phụ phẩm từ chế biến củ sâm bố chính và phối trộn với thức ăn cho chăn nuôi gà đẻ nhằm tăng chất lượng trứng hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn	* Mục tiêu chung: Nghiên cứu xử lý phụ phẩm từ chế biến củ sâm bố chính phối trộn với thức ăn cho chăn nuôi gà đẻ nhằm tăng chất lượng trứng hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao được giá trị sản phẩm quả trứng gà, giúp cải thiện đời sống kinh tế-xã hội cho người dân. * Mục tiêu cụ thể: (1) Nghiên cứu xây dựng quy trình xử lý phụ phẩm từ chế biến củ sâm bố chính phối trộn với thức ăn cho chăn nuôi gà đẻ đáp ứng Quy chuẩn QCVN 01-190:2020/BNNPTNT hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường. (2) Ứng dụng thức ăn chăn nuôi phối trộn từ phụ phẩm củ sâm bố chính cho chăn nuôi gà đẻ nhằm tăng chất lượng trứng, giảm sử dụng kháng sinh.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q2 trở lên. - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 0.5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình xử lý phụ phẩm từ chế biến củ sâm bố chính phối trộn với thức ăn cho chăn nuôi gà đẻ đáp ứng Quy chuẩn QCVN 01-190:2020/BNNPTNT. - 100kg thức ăn chăn nuôi phối trộn cho gà đẻ có nguồn gốc từ phụ phẩm chế biến củ sâm bố chính đáp ứng Quy chuẩn QCVN 01-190:2020/BNNPTNT - Mô hình thử nghiệm sử dụng thức ăn chăn nuôi phối trộn từ phụ phẩm củ sâm bố chính cho chăn nuôi gà đẻ quy mô 100 con	ThS. Nguyễn Văn Quảng	570	570	0

9	Nghiên cứu thị trường dịch vụ chăm sóc người cao tuổi trong bối cảnh già hoá hiện nay ở các tỉnh Đông Bắc Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, các bài học kinh nghiệm về phát triển thị trường dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. - Đánh giá được thực trạng thị trường dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại các tỉnh Đông Bắc Việt Nam. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới cung và cầu dịch vụ chăm sóc người cao tuổi hiện nay tại các tỉnh Đông Bắc Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm phát triển thị trường dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại vùng Đông Bắc Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng thị trường dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại các tỉnh Đông Bắc Việt Nam. - Báo cáo phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới cung và cầu dịch vụ chăm sóc người cao tuổi hiện nay tại các tỉnh Đông Bắc Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm phát triển thị trường dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại vùng Đông Bắc Việt Nam.	TS Mai Việt Anh	350	350	0

10	Tăng cường tính bền vững của chuỗi cung ứng sử dụng giải pháp tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng tại Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về giải pháp tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng. - Đánh giá được thực trạng tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng tại Việt Nam. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới thực hiện tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng tại Việt Nam. - Đề xuất được mô hình tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng cho các bên liên quan tại Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp, hàm ý chính sách nhằm tăng cường tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng nhằm tăng cường tính bền vững cho các chuỗi cung ứng tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng tại Việt Nam. - Báo cáo phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới thực hiện tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng tại Việt Nam. - Bản đề xuất mô hình tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng cho các bên liên quan tại Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp, hàm ý chính sách nhằm tăng cường tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng nhằm tăng cường tính bền vững cho các chuỗi cung ứng tại Việt Nam.	TS Nguyễn Thị Hằng	330	330	0

11	Sử dụng kiến thức bản địa và hệ thống thông tin Địa lí trong quản lý và giảm thiểu rủi ro thiên tai lũ lụt vùng trung du và miền núi phía Bắc	Nghiên cứu đánh giá mức độ dễ bị tổn thương do tác động của lũ lụt đến cộng đồng cư dân sinh sống tại vùng trung du, miền núi phía Bắc và hiệu quả của kiến thức bản địa nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai lũ lụt, tích hợp kiến thức bản địa và hệ thống thông tin địa lí với các cách giám sát và quản lý hiện đại.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục WoS, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước được HĐCDGSNN tính từ 0,75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn khoa học hoặc học viên là thành viên của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn khoa học hoặc NCS là thành viên của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bản đồ và báo cáo đánh giá tổn thương dưới tác động của lũ lụt đến cộng đồng dân cư ở vùng trung du, miền núi phía Bắc. - 01 bộ tài liệu hướng dẫn về tích hợp kiến thức bản địa và hệ thống thông tin Địa lí trong quản lý và giảm thiểu rủi ro thiên tai lũ lụt tại vùng trung du, miền núi phía Bắc.	TS. Đào Duy Minh	420	420	0

12	Xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp phục vụ phát triển du lịch thông minh ở một số điểm đến du lịch bền vững vùng trung du miền núi Phía Bắc Việt Nam (Trường hợp một số điểm du lịch tại tỉnh Cao Bằng và tỉnh Yên Bái)	Nghiên cứu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu tổng hợp phục vụ phát triển du lịch thông minh ở một số điểm đến du lịch bền vững vùng trung du miền núi Phía Bắc Việt Nam, đề xuất các giải pháp xây dựng, sử dụng và quản lý bộ cơ sở dữ liệu tổng hợp phục vụ phát triển du lịch thông minh, bền vững cho vùng trung du miền núi Phía Bắc Việt Nam	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục WoS, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 - 01 bài đăng/chấp nhận đăng trên tạp chíthuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 - 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước được HĐCDGSNN tính 1,0 điểm trở lên. - 01 sách chuyên khảo được xuất bản/có QĐ xuất bản, có mã số ISBN. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn hoặc học viên là thành viên của đề tài. - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn khoa học hoặc NCS là thành viên của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: Định hướng xây dựng 01 mô hình điểm đến du lịch thông minh, đặc trưng, bền vững khu vực miền núi Đông Bắc Việt Nam (Nghiên cứu tại tỉnh Cao Bằng). 4. Các sản phẩm khác: Hệ thống cơ sở dữ liệu (dữ liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hoá, dữ liệu về khách du lịch, dữ liệu về nhân lực du lịch, dữ liệu về hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch); hệ thống dữ liệu bản đồ ((tuyến, điểm du lịch,...) liên quan đến phát triển bền vững điểm đến du lịch tại tỉnh Cao Bằng và tỉnh Yên Bái.	TS. Đỗ Thị Vân Hương	480	480	0

13	Phát triển hệ thống học liệu cho dạy học chủ đề Văn học trong nội dung giáo dục địa phương cấp THCS ở các tỉnh miền núi phía Bắc	Định hướng mục tiêu: - Đánh giá thực trạng hệ thống học liệu, sử dụng hệ thống học liệu trong dạy học chủ đề Văn học trong nội dung giáo dục địa phương cấp THCS của các tỉnh miền núi phía Bắc. - Đề xuất giải pháp phát triển hệ thống học liệu và nâng cao hiệu quả sử dụng học liệu dạy học chủ đề Văn học trong nội dung giáo dục địa phương cấp THCS ở các tỉnh miền núi phía Bắc. - Phát triển một số học liệu dạy học chủ đề Văn học trong nội dung giáo dục địa phương cấp THCS ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Biên soạn tài liệu hướng dẫn giáo viên sử dụng học liệu.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus, xếp hạng: Q3 hoặc Q4; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Tài liệu hướng dẫn giáo viên sử dụng học liệu dạy học chủ đề văn học trong trong nội dung giáo dục địa phương cấp THCS ở các tỉnh miền núi phía Bắc. - Một số học liệu dạy học chủ đề Văn học trong nội dung giáo dục địa phương cấp THCS ở các tỉnh miền núi phía Bắc.	PGS. TS. Cao Thị Hảo	350	350	0

14	Phát triển năng lực nghiên cứu định lượng cho giảng viên sư phạm ở trường đại học trong nghiên cứu khoa học giáo dục	Khái quát hóa những đặc trưng trong nghiên cứu khoa học giáo dục, xây dựng quy trình phổ quát trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Từ đó đề xuất, triển khai chuỗi hoạt động nhằm phát triển triển năng lực nghiên cứu định lượng cho giảng viên sư phạm ở trường đại học trong nghiên cứu khoa học giáo dục, trọng tâm đối với giảng viên sư phạm Toán	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Chuỗi hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu định lượng của giảng viên sư phạm ở trường đại học trong nghiên cứu khoa học giáo dục; Có thể sử dụng tại các viện nghiên cứu, các trường đại học để nâng cao năng lực giảng viên, nghiên cứu viên	PGS.TS Trịnh Thị Phương Thảo	400	400	0
15	Phân tích hiệu suất đóng góp của nghiên cứu khoa học giáo dục đối với hoạt động quản lí trong cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.	Xây dựng được cơ sở lý luận và bộ tiêu chí đánh giá hiệu suất đóng góp của nghiên cứu khoa học giáo dục đối với hoạt động quản lí trong cơ sở giáo dục đại học; phân tích thực trạng, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu suất đóng góp của nghiên cứu khoa học giáo dục đối với hoạt động quản lý trong cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trong thời gian tới.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus (chấp nhận đăng) - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bộ tiêu chí đánh giá hiệu suất đóng góp của nghiên cứu khoa học giáo dục đối với hoạt động quản lí trong cơ sở giáo dục đại học (đã được thử nghiệm); - Báo cáo thực trạng hiệu suất đóng góp của khoa học giáo dục đối với hoạt động quản lý trong cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam; - Tài liệu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu suất đóng góp của nghiên cứu khoa học giáo dục đối với hoạt động quản lý trong cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.	TS. Trần Thị Hồng	370	370	0
Tổng cộng:					**7520**	**7520**	**0**

(Danh mục gồm 15 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Đại học Huế

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Phương pháp vi phân và không gian tham số hóa trong hình học đại số	- Ứng dụng được phương pháp vi phân vào nghiên cứu tính chất hình học của đa tạp/lược đồ afin/xạ ảnh liên kết với iđêan đa thức. - Làm rõ được cấu trúc của đại số vi phân Kähler liên kết với lược đồ chiều không, đưa ra công thức tính hàm Hilbert của đại số này và các môđun vi phân Kähler bậc cao. - Xây dựng được môđun vi phân Kähler đối với không gian cơ sở biên. Giải quyết được một phần câu hỏi khi nào không gian cơ sở biên là không gian afin. - Xác định được cấu trúc đại số của vi phân đối xứng và các vi phân jet đối với lược đồ, ứng dụng trong lý thuyết phân bố giá trị, bài toán hyperbolic phức và các bài toán dạng Ax-Schanuel về tính siêu việt của các hàm phổ quát.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3. 2. Sản phẩm đào tạo - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công).	TSKH. Lê Ngọc Long	420	420	0

2	Nghiên cứu, đề xuất các trạng thái phi cổ điển và ứng dụng trong thông tin lượng tử và máy tính lượng tử	- Đề xuất được một số trạng thái phi cổ điển mới và sử dụng chúng như các nguồn tài nguyên đan rối để thực hiện các nhiệm vụ trong thông tin lượng tử và máy tính lượng tử. - Làm rõ được tính chất và ứng dụng của các trạng thái phi cổ điển trong lĩnh vực lượng tử, giúp nâng cao hiểu biết và khả năng áp dụng của công nghệ lượng tử trong thực tế.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3. - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước được HĐGSNN tính 0.5 điểm trở lên 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài;	PGS.TS. Trương Minh Đức	500	500	0
3	Nghiên cứu phân tích và loại bỏ chất kháng sinh trong môi trường nước dựa trên vật liệu tổng hợp iron oxide/graphene oxide	Tổng hợp và biến tính được vật liệu iron oxide, graphene oxide và composite iron oxide/graphene oxide có kích thước nano, có hoạt tính xúc tác trong loại bỏ chất kháng sinh và cảm biến điện hoá xác định đồng thời chất kháng sinh trong môi trường nước.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3 - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,75 điểm 2. Sản phẩm đào tạo - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài;	TS. Đặng Thị Ngọc Hoa	450	450	0

4	Nghiên cứu mô hình động học phân hủy một số hóa chất bảo vệ thực vật trong đấy và rau màu	Xác định được các mô hình động học phân hủy của fipronil, cypermethin, và tebuconazole trong đất và rau màu quy mô phòng thí nghiệm và thực địa	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS,trong đó 01 bài Q1 và 01 bài Q2 (Scimago); - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 02 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo về động học phân hủy và đề xuất thời gian cách ly đối với fipronil, cypermethin, và tebuconazole trong đất và rau màu.	PGS.TS. Nguyễn Đăng Giáng Châu	550	550	0
5	Nghiên cứu đường cong nước - đất cho đất phong hoá khu vực đồi núi Tây Thừa Thiên Huế	Xác định được quan hệ nước - đất có xét đến sự thay đổi thể tích cho đất phong hoá khu vực đồi núi Tây Thừa Thiên Huế	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo xây dựng quan hệ w-SWCC cho đất phong hoá khu vực đồi núi Tây Thừa Thiên Huế; - Báo cáo xây dựng đường cong co ngót SC và đánh giá ảnh hưởng của giới hạn Atterberg ; - Báo cáo xây dựng quan hệ S-SWCC cho đất phong hoá khu vực đồi núi Tây Thừa Thiên Huế.	PGS.TS. Trần Thị Phương An	500	500	0

6	Nghiên cứu ứng dụng phân tích phân tử đa locus để xác định thành phần loài nấm Colletotrichum spp. gây hại trên cây cà phê ở Việt Nam	Xác định được chính xác thành phần và phân bố của các loài Colletotrichum gây bệnh trên cây cà phê ở Việt Nam dựa trên đặc điểm hình thái, bệnh học và phân tích đa locus	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ sưu tập chủng nấm Colletotrichum spp. gây hại trên cây cà phê ở Việt Nam (tối thiểu 10 chủng). - 100 trình tự của ít nhất 05 locus được sử dụng trong nghiên cứu được công bố trên ngân hfng gene	ThS. Nguyễn Quang Hoàng Vũ	500	500	0
7	Nghiên cứu tính chất lưu trữ năng lượng của hệ vật liệu không chì $Bi_{0.5}(Na_{(1-x)}K_x)_{0.5}TiO_3$ sử dụng TiO_2 có cấu trúc nano	-Chế tạo thành công hệ vật liệu không chì $Bi_{0.5}(Na_{(1-x)}K_x)_{0.5}TiO_3$ sử dụng TiO_2 có cấu trúc nano bằng phương pháp gốm truyền thống thiêu kết hai bước; - Xác định được các tính chất điện môi, sắt điện, áp điện và tính chất lưu trữ năng lượng của hệ vật liệu Bi0.5(Na(1−x)Kx)0.5TiO3.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, 01 bài xếp hạng: Q1/Q2; 01 bài xếp hạng: Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình công nghệ chế tạo vật liệu Bi0.5(Na(1−x)Kx)0.5TiO3 sử dụng TiO2 có cấu trúc nano; - 100 g vật liệu Bi0.5(Na(1−x)Kx)0.5TiO3 sử dụng TiO2 có cấu trúc nano; kèm theo kết quả phân tích các tính chất điện môi, sắt điện, áp điện và tính chất lưu trữ năng lượng.	TS. Nguyễn Trùng Dương	550	550	

8	Nghiên cứu mức độ kháng thuốc của Eimeria spp. và đáp ứng miễn dịch tế bào khi sử dụng thuốc điều trị cầu trùng trên gà thịt	* Mục tiêu cụ thể: (1) Xác định được tỷ lệ nhiễm cầu trùng trên gà ở cấp độ loài và thực trạng sử dụng thuốc phòng và điều trị bệnh cầu trùng trên gà tại tỉnh Thừa Thiên Huế. (2) Xác định được mức độ kháng thuốc của cầu trùng Eimeria spp. phân lập được đối với các loại thuốc được sử dụng phổ biến hiện nay. (3) Xác định được phản ứng miễn dịch tế bào ở gà nhiễm cầu trùng khi được điều trị bằng thuốc chống cầu trùng.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng hoặc (chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn Scopus (Q3/Q4) - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.75 điểm. - 01 sách tham khảo. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài.	TS. Hồ Thị Dung	450	450	0

9	Nghiên cứu ứng dụng sodium nitroprusside và calcium chloride trong bảo quản quả chanh dây (Passiflora edulis Sims) sau thu hoạch phục vụ xuất khẩu	* Mục tiêu tổng quát: Sử dụng phù hợp sodium nitroprusside và calcium chloride để làm chậm quá trình chín, duy trì chất lượng, kéo dài thời gian bảo quản và góp phần nâng cao giá trị quả chanh dây tươi sau thu hoạch nhằm phục vụ xuất khẩu. * Mục tiêu cụ thể: (1) Xác định được thời điểm thu hoạch thích hợp dựa vào độ chín của quả; (2) Xác định được nhiệt độ thích hợp để bảo quản quả chanh dây; (3) Xác định được nồng độ sodium nitroprusside (SNP) thích hợp sử dụng bảo quản quả chanh dây; (4) Xác định được nồng độ calcium chloride (CaCl2) thích hợp sử dụng bảo quản quả chanh dây; (5) Xây dựng được quy trình bảo quản quả chanh dây bằng sử dụng SNP và CaCl2 ở nhiệt độ phù hợp; (6) Xác định được hiệu quả ảo quản quả chanh dây với quy mô 100-200kg/mẻ trong thực tiễn sản xuất.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q3/Q4. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,5 điểm. - 01 sách tham khảo. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình công nghệ bảo quản tươi chanh dây bằng ứng dụng sodium nitroprusside (SNP) và calcium chloride ở nhiệt độ thấp được nghiệm thu cấp trường.	PGS.TS. Nguyễn Văn Toản	550	550	0

10	Nghiên cứu chọn lọc vi tảo trong phát triển màng sinh học (algae biofilm) phục vụ hoạt động nuôi trồng và xử lý nước thải thủy sản	* Mục tiêu chung: Nghiên cứu tuyển chọn các loài vi tảo bản địa có khả năng phát triển màng sinh học ứng dụng trong nuôi sinh khối và xử lý nước thải ô nhiễm từ nuôi trồng thủy sản. * Mục tiêu cụ thể: (1) Có được các chủng tảo nguồn gốc từ vùng ven biển và đầm phá Tam Giang-Cầu Hai-Thừa Thiên Huế vừa có tiềm năng sử dụng trong nuôi trồng thủy sản và xử lý ô nhiễm nước. (2) Đánh giá được khả năng hấp thụ các yếu tố ô nhiễm dinh dưỡng của các chủng tảo. (3) Xác định được các điều kiện tối ưu cho việc sản xuất sinh khối của một số chủng tảo. (4) Xác định được khả năng tạo màng sinh học từ một số chủng tảo được tuyển chọn.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus, 01 bài Q1/Q2, 01 bài Q3/Q4. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. - 01 sách tham khảo. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình nuôi sinh khối tảo ứng dụng trong sản suất giống thủy sản. - Màng sinh học được phát triển từ tảo cảu đề tài - Thư viện các chủng tảo đã được phân lập phục vụ cho các nghiên cứu. 4. Các sản phẩm khác: Bộ chủng tảo có nguồn gốc từ Thừa Thiên Huế.	TS. Hồ Thị Thu Hoài	550	550	0

11	Nghiên cứu xác định sức tải cho một số điểm du lịch sinh thái cộng đồng tại khu bảo tồn đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế	Mục tiêu chung: Đánh giá sức chịu tải du lịch của một số điểm đến du lịch sinh thái cộng đồng để làm cơ sở để đánh giá sức chịu tải du lịch của khu vực Khu bảo tồn đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai. Đồng thời, đề xuất những khuyến nghị phát triển du lịch bền vững trong giới hạn về sức chịu tải du lịch. *Mục tiêu cụ thể: (1) Đánh giá sức tải môi trường, sức tải xã hội và sức tải du lịch phù hợp với một số điểm đến du lịch sinh thái cộng đồng đặc trưng và có tiềm năng tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang – Cầu Hai. (2) Đề xuất các giải pháp quản lý du lịch tại các điểm đến hiệu quả dựa trên việc kiểm soát số lượng du khách và hướng dẫn du khách tham quan một cách có trách nhiệm	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE), Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo khoa học được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc được hội đồng chức danh GSNN tính từ 0,5 điểm. - 01 sách tham khảo (hoặc 01 bài báo được hội đồng chức danh GSNN tính từ 0.5 điểm) 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 báo cáo tổng thể của đề tài phân tích và đánh giá sức tải du lịch tại các điểm đến du lịch sinh thái cộng đồng tại điểm nghiên cứu.	TS. Hoàng Dũng Hà	400	400	0

12	Nghiên cứu ảnh hưởng của các tác nhân gây viêm nhiễm sinh dục và bệnh lây qua đường tình dục lên chức năng sinh sản ở các cặp vợ chồng vô sinh	* Mục tiêu cụ thể: (1) Khảo sát tình trạng viêm nhiễm sinh dục/bệnh lây qua đường tình dục ở các cặp vợ chồng vô sinh. (2) Phân tích mức độ tổn thương cơ quan sinh dục nam/sinh dục nữ gây vô sinh theo nguyên nhân viêm nhiễm	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có chỉ mục trích dẫn của WoS Q2 trở lên. -01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus, Q4 trở lên. - 02 bài báo khoa học được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc được hội đồng chức danh GSNN tính điểm: 01 bài tính đến 1,0 điểm và 01 bài báo tính từ 0,5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài).	PGS.TS. Lê Minh Tâm	500	500	0
13	Tác động của liệu pháp quang sinh học lên quá trình tạo và tiêu xương ổ răng trên động vật thí nghiệm	* Mục tiêu chung: Đánh giá tác động của liệu pháp quang sinh học tái tạo xương ổ răng và di chuyển của răng trên mô hình ở thỏ. * Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá tác động của liệu pháp quang sinh học lên khả năng tái tạo khuyết hổng xương ổ răng bằng sticky bone - Đánh giá tác động của liệu pháp quang sinh học lên khả năng di chuyển răng trong xương ổ răng. - Đánh giá tác dụng phụ, tai biến của liệu pháp quang sinh học lên động vật thí nghiệm	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus, Q3 trở lên. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 1,0 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình liệu pháp quang sinh học tái tạo khuyết hổng xương ổ răng sử dụng vật liệu ghép sticky bone.	TS. Phan Anh Chi	450	450	0

14	Ứng dụng đo lưu lượng đỉnh thì hít vào và thở ra để đánh giá mức độ thông thoáng mũi trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý mũi xoang	Mục tiêu cụ thể: (1) Xác định các trị số lưu lượng đỉnh thì hít vào và thở ra bằng mũi ở người Việt Nam khỏe mạnh và người mắc bệnh lý mũi xoang (2) Khảo sát mối tương quan giữa chỉ số lưu lượng đỉnh thì hít vào và thở ra và các đánh giá chủ quan độ thông thoáng mũi dưới góc nhìn người bệnh trước và sau điều trị.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE): 01 bài Q1/Q2, 01 bài Q3/Q4. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0.5 và 0.75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài.	TS. Hoàng Phước Minh	480	480	0
15	Nghiên cứu phát triển ẩm thực phục vụ du lịch ở miền Trung Việt Nam: trường hợp các điểm đến du lịch di sản	- Làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và bài học kinh nghiệm về phát triển ẩm thực phục vụ du lịch tại các điểm đến. - Đánh giá được thực trạng các chính sách và giải pháp phát triển ẩm thực phục vụ du lịch tại các điểm đến du lịch di sản khu vực miền Trung. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển ẩm thực phục vụ du lịch tại các điểm đến du lịch di sản miền Trung. - Đề xuất được các giải pháp phát triển ẩm thực phục vụ du lịch tại các điểm đến du lịch di sản miền Trung.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng các chính sách và giải pháp phát triển ẩm thực phục vụ du lịch tại các điểm đến du lịch di sản khu vực miền Trung. - Báo cáo phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển ẩm thực phục vụ du lịch tại các điểm đến du lịch di sản miền Trung. - Bản đề xuất các giải pháp phát triển ẩm thực phục vụ du lịch tại các điểm đến du lịch di sản miền Trung.	TS Trần Đăng Huy	300	300	0

16	Dự báo sản xuất và xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Việt Nam trên cơ sở phân tích năng suất nhân tố tổng hợp ngành nông nghiệp	- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về các phương pháp phân tích năng suất nhân tố tổng hợp, các phương pháp dự báo sản lượng sản xuất, xuất khẩu nông sản. - Ước lượng năng suất nhân tố tổng hợp và phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất nhân tố tổng hợp của ngành nông nghiệp Việt Nam. - Dự báo được sản lượng sản xuất và xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Việt Nam đến năm 2030 (sử dụng kết quả phân tích năng suất nhân tố tổng hợp ngành nông nghiệp). - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp của ngành nông nghiệp và phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Việt Nam đến năm 2030.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo ước lượng năng suất nhân tố tổng hợp và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất nhân tố tổng hợp của ngành nông nghiệp Việt Nam. - Báo cáo về dự báo sản lượng sản xuất và xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Việt Nam đến năm 2030 (sử dụng kết quả phân tích năng suất nhân tố tổng hợp ngành nông nghiệp). - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp của ngành nông nghiệp và phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Việt Nam đến năm 2030.	TS Hồ Trọng Phúc	410	410	0

17	Tân Nho giáo trong bối cảnh Đông Á thời trung - cận đại: Lịch sử và sự hiện diện ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam	Nhận diện tính thống nhất trong đa dạng của Tân Nho giáo đặt trong bối cảnh Đông Á thông qua việc tiếp cận nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và sự hiện diện của Tân Nho giáo ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam xuyên suốt thời kỳ trung – cận đại.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. - 03 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục HĐGSNN tính điểm 0,5đ trở lên. - 01 sách tham khảo được xuất bản hoặc có QĐ xuất bản của Nhà xuất bản có uy tín trong nước, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS (bảo vệ thành công 01 chuyên đề luận án có liên quan đến hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn hoặc NCS là thành viên của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 báo cáo phân tích chuyên sâu và khoa học về đặc điểm Tân Nho giáo trong bối cảnh Đông Á thời trung – cận đại. - 01 bản phụ lục về lịch sử và sự hiện diện của Tân Nho giáo ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam thời trung – cận đại.	TS. Nguyễn Việt Phương	400	400	0
18	Biện pháp phòng vệ thương mại – Tiếp cận từ các Hiệp định thương mại tự do đến pháp luật Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số	Các vấn đề pháp lý trong việc thực thi biện pháp tự vệ thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do, đánh giá sự tương thích khi nội luật hóa các cam kết các Hiệp định thương mại tự do. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật phòng vệ thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục WoS, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 - 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục được HĐGSNN tính 1,0 điểm - 01 sách chuyên khảO được xuất bản/có QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: Sổ tay hướng dẫn các biện pháp phòng vệ thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam	TS. Trần Viết Long	400	400	0

19	Nghiên cứu sự biểu đạt thời gian trong tiếng Việt dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận	Vận dụng Lý thuyết Ý niệm từ vựng và Mô hình tri nhận cùng nền tảng Ngôn ngữ học tri nhận để nghiên cứu sự biểu đạt thời gian trong tiếng Việt.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục của Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 1,0 điểm. - 01 sách chuyên khảo được xuất bản hoặc có QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài	TS. Lê Thị Cẩm Vân	350	350	0
20	Đấu tranh ngoại giao của Hoa kỳ trong giao thương hàng hải quốc tế thế kỷ XVIII-XIX	Làm rõ quan điểm, chủ trương của Hoa Kỳ trong đấu tranh ngoại giao nhằm bảo vệ hoạt động buôn bán trên biển giai đoạn thế kỷ XVIII-XIX, đánh giá và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí quốc tế nằm trong danh mục SCOPUS, được SCIMAGO xếp hạng Q3/ Q4 - 02 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục HĐCDGSNN (trong đó 01 bài báo tính đến 1,0 điểm và 01 bài báo tính đến 0,75 điểm) - 01 sách chuyên khảo được xuất bản/ có QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài	PGS. TS. Lê Thành Nam	350	350	0

21	Mối quan hệ giữa chất lượng cuộc sống trong công việc, bầu không khí tâm lý trường học, hiệu quả công việc và sự hài lòng nghề nghiệp của giáo viên phổ thông Việt Nam.	Xây dựng sơ sở lý luận về mối quan hệ giữa chất lượng cuộc sống trong công việc, bầu không khí tâm lý, hiệu quả công việc và sự hài lòng nghề nghiệp. - Đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa chất lượng cuộc sống trong công việc, bầu không khí tâm lý trường học, hiệu quả công việc và sự hài lòng nghề nghiệp giáo viên phổ thông. - Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả công việc và sự hài lòng nghề nghiệp của giáo viên phổ thông thông qua cải thiện chất lượng cuộc sống trong công việc, bầu không khí tâm lý nhà trường phổ thông ở Việt Nam	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: 01 bộ giải pháp nâng cao hiệu quả công việc và sự hài lòng nghề nghiệp của giáo viên phổ thông.	TS. Nguyễn Thanh Hùng	350	350	0

22	Năng lực cảm xúc – xã hội và mối quan hệ với sức khoẻ tâm thần của giáo viên mầm non	Khảo sát, đánh giá thực trạng năng lực cảm xúc – xã hội, sức khoẻ tâm thần và mối quan hệ giữa năng lực cảm xúc - xã hội và sức khoẻ tâm thần ở giáo viên mầm non; Đề xuất các biện pháp phát triển năng lực cảm xúc – xã hội nhằm nâng cao sức khoẻ tâm thần cho giáo viên mầm non một cách hiệu quả và bền vững.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục WoS (Q3/Q4 theo Scimago); - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công); - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu khoa học của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng - Sổ tay hướng dẫn thực hành kỹ năng cảm xúc – xã hội cho giáo viên mầm non; - Bản đề xuất các biện pháp phát triển năng lực cảm xúc – xã hội nhằm nâng cao sức khoẻ tâm thần cho giáo viên mầm non một cách hiệu quả và bền vững.	TS. Nguyễn Tuấn Vĩnh	400	400	0
23	Phát triển bài thí nghiệm phục vụ hoạt động trải nghiệm STEM	- Xây dựng và hoàn thiện bài thí nghiệm phục vụ cho hoạt động trải nghiệm STEM, trong đó tích hợp khối kiến thức liên ngành giữa các môn khoa học tự nhiên.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục WoS (Q3, Q4); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Hệ thống bài thí nghiệm trong hoạt động trải nghiệm STEM	TS. Ngô Khoa Quang	300	300	0
Tổng cộng:					**10110**	**10110**	**0**

(Danh mục gồm 23 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu vai trò quản trị nhà nước đối với chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam và một quốc gia khu vực Châu Á	- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về việc đo lường và phân tích vai trò của quản trị nhà nước trong mô hình chuyển đổi năng lượng. - Đánh giá và đo lường được vai trò của quản trị nhà nước trong mô hình chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam và một số quốc gia khu vực Châu Á. - Đo lường được hiệu quả của quản trị nhà nước trong mô hình chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam và một số quốc gia khu vực Châu Á. - Đề xuất được các giải pháp phát huy vai trò của quản trị nhà nước trong mô hình chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích vai trò của quản trị nhà nước trong mô hình chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam và một số quốc gia khu vực Châu Á. - Báo cáo phân tích hiệu quả của quản trị nhà nước trong mô hình chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam và một số quốc gia khu vực Châu Á. - Bản đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của quản trị nhà nước trong mô hình chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam.	TS. Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên	380	380	0

2	Tác động của phân cấp tài khóa tới tình trạng nghèo năng lượng của hộ gia đình Việt Nam	- Làm rõ khung lý thuyết về phân cấp tài khóa và nghèo năng lượng ở quy mô hộ gia đình. - Đánh giá được tác động của phân cấp tài khóa đến nghèo năng lượng của hộ gia đình Việt Nam. - Đề xuất được các khuyến nghị về chính sách phân cấp tài khóa nhằm cải thiện tình trạng nghèo năng lượng của hộ gia đình Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tác động của phân cấp tài khóa đến nghèo năng lượng của hộ gia đình Việt Nam. - Bản đề xuất các khuyến nghị về chính sách phân cấp tài khóa nhằm cải thiện tình trạng nghèo năng lượng của hộ gia đình Việt Nam.	TS. Đoàn Vũ Nguyên	380	380	0

3	Sử dụng mô hình CGE để mô phỏng tác động kinh tế của các chính sách năng lượng tái tạo ở Việt Nam	- Mô phỏng và đánh giá được tác động của các chính sách năng lượng tái tạo đến tăng trưởng kinh tế, lao động và việc làm của Việt Nam trong giai đoạn quá khứ bằng Mô hình CGE. - Mô phỏng và dự báo được tác động của các chính sách năng lượng tái tạo đến tăng trưởng kinh tế, lao động và việc làm của Việt Nam trong tương lai bằng mô hình CGE. - Đề xuất được các hàm ý chính sách trong điều chỉnh chính sách năng lượng tái tạo ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách năng lượng tái tạo đến tăng trưởng kinh tế, lao động và việc làm của Việt Nam trong giai đoạn quá khứ bằng Mô hình CGE. - Báo cáo về dự báo tác động của các chính sách năng lượng tái tạo đến tăng trưởng kinh tế, lao động và việc làm của Việt Nam trong tương lai bằng mô hình CGE. - Bản đề xuất các hàm ý chính sách trong điều chỉnh chính sách năng lượng tái tạo ở Việt Nam.	PGS.TS. Bùi Thị Mai Hoài	300	300	0
4	Tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo ở các quốc gia châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	- Làm rõ khung lý thuyết về tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo. - Đánh giá được tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo tại Việt Nam. - Rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất được một số hàm ý chính sách trong giảm nghèo tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công) 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo đánh giá tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo tại Việt Nam. - Bài học kinh nghiệm và bản đề xuất một số hàm ý chính sách trong giảm nghèo tại Việt Nam.	TS Lê Thị Hồng Minh	300	300	0

5	Nghiên cứu minh bạch thông tin của các thương hiệu thời trang xanh hướng đến bền vững và hàm ý chính sách về môi trường tại Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý thuyết về minh bạch thông tin các thương hiệu thời trang xanh, về hiệu quả bền vững. - Xây dựng được mô hình nghiên cứu và thang đo về tác động của tính minh bạch thông tin các thương hiệu thời trang xanh đến hiệu quả bền vững. - Đánh giá được tác động của tính minh bạch thông tin các thương hiệu thời trang xanh đến hiệu quả bền vững. - Đề xuất được các khuyến nghị chính sách về môi trường nhằm nâng cao tính minh bạch xanh trong ngành thời trang bền vững.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo mô hình nghiên cứu và thang đo về tác động của tính minh bạch thông tin các thương hiệu thời trang xanh đến hiệu quả bền vững. - Báo cáo đánh giá tác động của tính minh bạch thông tin các thương hiệu thời trang xanh đến hiệu quả bền vững. - Bản đề xuất các khuyến nghị chính sách về môi trường nhằm nâng cao tính minh bạch xanh trong ngành thời trang bền vững.	PGS.TS Trịnh Thùy Anh	300	300	0

6	Vai trò của lãnh đạo trong thúc đẩy kế toán bền vững và hiệu suất bền vững của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam.	- Làm rõ cơ sở lý thuyết về lãnh đạo, kế toán bền vững và hiệu xuất bền vững của doanh nghiệp sản xuất. - Xây dựng được khung lý thuyết về tác động của lãnh đạo đến kế toán bền vững và hiệu suất bền vững của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam. - Đánh giá được mức độ tác động của lãnh đạo đến triển khai kế toán bền vững và hiệu suất bền vững của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp nhằm tăng cường lãnh đạo, thúc đẩy triển khai kế toán bền vững, từ đó gia tăng hiệu suất bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích khung lý thuyết về tác động của lãnh đạo đến kế toán bền vững và hiệu suất bền vững của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam. - Báo cáo đánh giá tác động của lãnh đạo đến triển khai kế toán bền vững và hiệu suất bền vững của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam; - Bản đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường lãnh đạo, thúc đẩy triển khai kế toán bền vững, từ đó gia tăng hiệu suất bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam.	PGS.TS Nguyễn Phong Nguyên	440	440	0

7	Nghiên cứu hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt: tiếp cận dưới góc độ tiểu thương chợ truyền thống và hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	- Đánh giá được thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt của các tiểu thương chợ truyền thống và hộ kinh doanh cá thể tại TP. HCM. - Nhận diện được các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của các tiểu thương chợ truyền thống và hộ kinh doanh cá thể tại TP. HCM. - Đề xuất được các giải pháp và hàm ý chính sách nhằm phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của các tiểu thương chợ truyền thống và hộ kinh doanh cá thể tại TP. HCM.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo phân tích thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt của các tiểu thương chợ truyền thống và hộ kinh doanh cá thể tại TP. HCM. - Báo cáo phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của các tiểu thương chợ truyền thống và hộ kinh doanh cá thể tại TP. HCM. - Bản đề xuất các giải pháp và hàm ý chính sách nhằm phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của các tiểu thương chợ truyền thống và hộ kinh doanh cá thể tại TP. HCM.	PGS.TS Nguyễn Viết Bằng	300	300	0

8	Tác động của phát minh sáng chế đến quyết định tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam	- Làm rõ khung lý thuyết về tác động của bằng phát minh sáng chế đến các quyết định tài chính của doanh nghiệp. - Đánh giá được tác động của bằng phát minh sáng chế đến các quyết định tài chính (quyết định đầu tư, quyết định tài trợ, chính sách cổ tức) của doanh nghiệp Việt Nam. - Xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của các phát minh sáng chế trong doanh nghiệp, cụ thể như việc trích dẫn trước và sau khi được công nhận. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị trong việc thực thi chính sách tại các doanh nghiệp Việt Nam nhằm phát huy vai trò và sức ảnh hưởng từ bằng phát minh sáng chế, gắn liền với hoạt động đổi mới sáng tạo.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tác động của bằng phát minh sáng chế đến các quyết định tài chính của doanh nghiệp. - Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của các phát minh sáng chế trong doanh nghiệp. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị trong việc thực thi chính sách tại các doanh nghiệp Việt Nam nhằm phát huy vai trò và sức ảnh hưởng từ bằng phát minh sáng chế, gắn liền với hoạt động đổi mới sáng tạo.	TS Huỳnh Lưu Đức Toàn	320	320	0

9	Tích hợp mô hình tăng trưởng xanh bao trùm IGG vào xây dựng khung đo lường mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong đơn vị công	- Xác định được các thành phần của khung đo lường mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong đơn vị công theo định hướng tích hợp quan điểm tăng trưởng xanh bao trùm. - Xây dựng được tiêu chí đo lường cho từng thành phần trong khung đo lường mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong đơn vị công theo định hướng tích hợp quan điểm tăng trưởng xanh bao trùm. - Xây dựng được khung đo lường mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong đơn vị công theo định hướng tích hợp quan điểm tăng trưởng xanh bao trùm và đề xuất các khuyến nghị thực hiện các nội dung trong khung	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo về các thành phần của khung đo lường mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong đơn vị công theo định hướng tích hợp quan điểm tăng trưởng xanh bao trùm. - Báo cáo về tiêu chí đo lường cho từng thành phần trong khung đo lường mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong đơn vị công theo định hướng tích hợp quan điểm tăng trưởng xanh bao trùm. - Bản đề xuất khung đo lường mức độ thực hiện kinh tế tuần hoàn trong đơn vị công theo định hướng tích hợp quan điểm tăng trưởng xanh bao trùm và các khuyến nghị thực hiện các nội dung trong khung	PGS.TS Phạm Quang Huy	300	300	0

10	Ứng dụng thuật toán máy tính xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	- Hệ thống hóa nguyên tắc và so sánh các mô hình xếp hạng tín dụng cá nhân tại các ngân hàng thương mại. - Xây dựng và thử nghiệm ứng dụng thuật toán học máy để xếp hạng tín dụng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp hoàn thiện và ứng dụng thuật toán học máy để xếp hạng tín dụng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm ứng dụng thuật toán học máy để xếp hạng tín dụng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam (có xác nhận của 01 ngân hàng thương mại). - Bản đề xuất các giải pháp hoàn thiện và ứng dụng thuật toán học máy để xếp hạng tín dụng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.	TS. Hoàng Hải Yến	300	300	0
Tổng cộng:					**3320**	**3320**	**0**

(Danh mục gồm 10 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Kiên Giang

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu mới ZIF-14 và ứng dụng làm chất xúc tác cho phản ứng ngưng tụ benzaldehyde và ethyl cyanoacetate để tổng hợp ethyl α-cyanocinnamate	Tổng hợp được ZIF-14 kích thước nano và ứng dụng ZIF-14 chế tạo được để tổng hợp ethyl α-cyanocinnamate.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 02 sáng chế (được chấp nhận đơn); - 20g vật liệu ZIF-14 có độ tinh thể ≥ 95 %, bề mặt riêng ≥ 1.000 m2/g, kích thước nanomet (≤ 100 nm), chất xúc tác tốt cho phản ứng ngưng tụ benzaldehyde và ethyl cyanoacetate; - 01 quy trình chế tạo vật liệu ZIF-14 ổn định, dễ thực hiện và có thể thương mại hóa; - 01 quy trình sử dụng vật liệu ZIF-14 để làm chất xúc tác cho phản ứng ngưng tụ benzaldehyde và ethyl cyanoacetate.	ThS.NCS Tạ Ngọc Thiện Huy	800	800	0
Tổng cộng:					**800**	**800**	**0**

(Danh mục gồm 01 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng đối với các loại thực phẩm được tạo ra từ công nghệ mới và côn trùng	Nghiên cứu, làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn thực thi pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng đối với các loại thực phẩm được tạo ra từ công nghệ mới và côn trùng, từ đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng đối với các loại thực phẩm được tạo ra từ công nghệ mới và côn trùng ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được tính điểm của HĐGSNN từ 0,5 điểm trở lên - 01 sách chuyên khảo được xuất bản/có QĐ xuất bản tại thời điểm bảo vệ, có mã số ISBN. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo tổng quan về thực trạng xây dựng và thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng đối với sản phẩm được sản xuất từ công nghệ mới và côn trùng tại Việt Nam. Báo cáo đảm bảo chính xác, đủ cơ sở khoa học và thực tiễn. - 01 Bản kiến nghị về lập pháp gửi đến các cơ quan có thẩm quyền về hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan tới bảo vệ người tiêu dùng đối với sản phẩm được sản xuất từ công nghệ mới và côn trùng tại Việt Nam. Bản tóm tắt các kiến nghị và luận giải cô đọng cơ sở của các kiến nghị, trong đó có sự so sánh giữa quy định hiện hành và kiến nghị bổ sung, sửa đổi quy định pháp luật. - 01 Bản kiến nghị về lập pháp gửi đến các cơ quan có thẩm quyền về hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan tới bảo vệ người tiêu dùng đối với sản phẩm được sản xuất từ công nghệ mới và côn trùng. Bản tóm tắt và luận giải cô đọng cơ sở của các kiến nghị, trong đó có sự so sánh giữa quy định hiện hành và kiến nghị bổ sung, sửa đổi quy định pháp luật. 4. Các sản phẩm khác: - 01 kỷ yếu hội thảo khoa học trong khuôn khổ đề tài.	TS. Nguyễn Thị Thu Thảo	300	300	0

2	Bảo vệ người khuyết tật bằng pháp luật về quyền tác giả	Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quyền của người khuyết tật dựa trên hệ thống pháp luật về quyền tác giả, đưa ra một hệ thống khuyến nghị góp phần hoàn thiện quy định về thực thi việc bảo vệ quyền của người khuyết tật bằng pháp luật về quyền tác giả.	1. Sản phẩm khoa học: - Số bài báo khoa học đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí nước ngoài: 01 bài báo thuộc danh mục Scopus được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 (được đăng/chấp nhận đăng); - Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 02 bài báo đăng trên tạp khoa học chuyên ngành được Hội đồng Giáo sư Nhà nước ngành luật tính điểm từ 0,5 điểm trở lên; - Số lượng sách xuất bản: 01 bản thảo sách chuyên khảo (được xuất bản/có QĐ xuất bản, có chỉ số ISBN). 2.Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo khuyến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người khuyết tật trong lĩnh vực quyền tác giả. 4. Các sản phẩm khác: - 01 kỷ yếu hội thảo khoa học về nội dung nghiên cứu của đề tài.	TS. Nguyễn Phương Thảo	300	300	0
Tổng cộng:					**600**	**600**	**0**

(Danh mục gồm 02 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Phân tích tác động qua lại của các chỉ số môi trường, xã hội và quản trị, nguy cơ kiệt quệ tài chính và quản trị lợi nhuận lên kết quả hoạt động doanh nghiệp	- Làm rõ cơ sở lý luận về tác động qua lại của các chỉ số môi trường, xã hội và quản trị, nguy cơ kiệt quệ tài chính và quản trị lợi nhuận lên kết quả hoạt động doanh nghiệp. - Đánh giá được tác động qua lại của các chỉ số môi trường, xã hội và quản trị, nguy cơ kiệt quệ tài chính và quản trị lợi nhuận lên kết quả hoạt động doanh nghiệp. - Phân tích được mối quan hệ nhân quả, đa chiều kết hợp các yếu tố ESG, nguy cơ kiệt quệ tài chính, quản trị lợi nhuận, và kết quả hoạt động doanh nghiệp ở các nền kinh tế mới nổi khu vực ASEAN. - Đề xuất được các giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam và hàm ý chính sách cho các cơ quan quản lý và các bên liên quan.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài) 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tác động qua lại của các chỉ số môi trường, xã hội và quản trị, nguy cơ kiệt quệ tài chính và quản trị lợi nhuận lên kết quả hoạt động doanh nghiệp. - Báo cáo phân tích mối quan hệ nhân quả, đa chiều kết hợp các yếu tố ESG, nguy cơ kiệt quệ tài chính, quản trị lợi nhuận, và kết quả hoạt động doanh nghiệp ở các nền kinh tế mới nổi khu vực ASEAN. - Bản đề xuất các giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam và hàm ý chính sách cho các cơ quan quản lý và các bên liên quan.	TS Đỗ Vân Anh	350	350	0

2	Giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực đối với các chương trình đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ định hướng biên phiên dịch đáp ứng yêu cầu của cách mạng 4.0	Nghiên cứu để đưa ra được phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực đối với các chương trình đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ định hướng biên phiên dịch, đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. - 02 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận, từ 0,75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Sách chuyên khảo được xuất bản/QĐ xuất bản tại một NXB uy tín trong nước (NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, NXB Giáo dục Việt Nam...), có mã số ISBN. 4. Các sản phẩm khác: - Chương trình tập huấn phương pháp kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực đối với các chương trình đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ định hướng biên phiên dịch đáp ứng yêu cầu của cách mạng 4.0.	TS. Nghiêm Thị Thu Hương	300	300	0
3	Xây dựng hệ trợ giúp quyết định dựa trên Lý thuyết Ghép cặp bền vững và các giải thuật tối ưu tiến hóa đa mục tiêu cho các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ sinh viên	Xây dựng một hệ thống trợ giúp quyết định nhằm hỗ trợ cơ sở giáo dục đại học trong việc cung cấp các dịch vụ cho sinh viên dựa trên các mô hình toán học từ Lý thuyết Ghép cặp bền vững và sử dụng các giải thuật tối ưu trong việc tìm ra các cặp ghép.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục được HĐGSNN đánh giá từ 0,5 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - Một phần mềm sử dụng mô hình Ghép cặp bền vững hỗ trợ trường đại học và sinh viên.	ThS. Vũ Minh Tuấn	350	350	0

4	Đào tạo giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam theo mô hình hệ sinh thái	Phân tích được các yếu tố có thể ảnh hưởng đến mức độ phù hợp giữa mục tiêu của các chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh và các hệ sinh thái có tiếp cận theo hướng ứng dụng công nghệ và đề xuất một mô hình hệ sinh thái có thể phù hợp với nhiều bối cảnh đào tạo, giúp việc tích hợp công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh đạt được hiệu quả cao hơn.	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo khoa học đăng (chấp nhận đăng) trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus (được chấp nhận đăng); - 02 báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước được tính điểm của HĐGSNN; - 01 báo cáo khoa học trình bày tại hội thảo trong nước hoặc quốc tế, đăng trên kỷ yếu hội thảo thuộc danh mục Scopus 2. Sản phẩm đào tạo - Hướng dẫn thành công 01 học viên cao học theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo phân tích các yếu tố có thể ảnh hưởng đến mức độ phù hợp giữa mục tiêu của các chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh và các hệ sinh thái có tiếp cận theo hướng ứng dụng công nghệ; - Mô hình tiếp cận sinh thái trong việc tích hợp công nghệ hỗ trợ giảng dạy trong đào tạo giáo viên tiếng Anh.	TS. Nguyễn Hồng Giang	380	380	0
Tổng cộng:					**1380**	**1380**	**0**

(Danh mục gồm 04 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ trí tuệ nhân tạo nhận diện ranh giới các địa tầng và dự báo tốc độ cơ học khoan để nâng cao hiệu quả khoan các giếng dầu khí thuộc bể Cửu Long, thí điểm tại mỏ Cá Tầm	- Xây dựng được bộ công cụ trí tuệ nhân tạo giúp nâng cao hiệu quả khoan các giếng khoan dầu khí thuộc bể Cửu Long, thí điểm tại mỏ Cá Tầm. - Đề xuất được bộ thông số chế độ khoan tối ưu cho các giếng khoan mỏ Cá Tầm (bao gồm 03 thông số: Tải trọng lên chòong, tốc độ quay chòong, lưu lượng dung dịch khoan)	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 bài Q2, 01 bài Q3 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ công cụ AI giúp nâng cao tốc độ cơ học khoan cho các giếng khoan dầu khí thuộc bể Cửu Long: + 01 Mô hình AI nhận diện ranh giới các địa tầng trong khi khoan cho các giếng thuộc bể Cửu Long, thí điểm tại mỏ Cá Tầm. Trong đó, có tiến hành so sánh độ chính xác trong dự báo của Mô hình với thông tin địa chất trích xuất từ tài liệu master log và mẫu lõi tại các giếng; + 01 Mô hình AI dự báo tốc độ cơ học khoan cho các giếng khoan dầu khí thuộc bể Cửu Long, thí điểm tại mỏ Cá Tầm. - 01 Bộ thông số chế độ khoan tối ưu cho các giếng khoan tại mỏ Cá Tầm (bao gồm 03 thông số: Tải trọng lên chòong, tốc độ quay chòong, lưu lượng dung dịch khoan). Bộ thông số chế độ khoan này sẽ được áp dụng thử nghiệm trên mô hình mô phỏng giếng khoan tại mỏ Cá Tầm để đánh giá hiệu quả dựa trên % tốc độ cơ học khoan được cải thiện so với lịch sử khoan trước đó.	TS. Nguyễn Tiến Hùng	650	650	0

2	Nghiên cứu dự báo hiện tượng phú dưỡng ở vùng biển ven bờ Việt Nam bằng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), mô hình Markov và sử dụng dữ liệu viễn thám	Xây dựng được quy trình dự báo hiện tượng phú dưỡng tại vùng biển ven bờ Việt Nam dựa trên thuật toán AI phù hợp và mô hình Markov từ dữ liệu viễn thám và áp dụng thử nghiệm quy trình tại khu vực vùng cửa sông Bà Rịa – Vũng Tàu và vùng biển ven bờ Khánh Hòa	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình dự báo hiện tượng phú dưỡng tại các vùng biển ven bờ Việt Nam dựa trên thuật toán AI, mô hình Markov và dữ liệu viễn thám	TS. Trần Thanh Hà	600	600	0
3	Nghiên cứu ứng dụng xỉ lò cao hoạt hóa để cải tạo bùn nạo vét các cửa sông luồng lạch khu vực Hải Phòng làm vật liệu san lấp và đắp nền.	- Đánh giá được khả năng ứng dụng xỉ lò cao hoạt hóa trong việc cải tạo bùn nạo vét các cửa sông, luồng lạch khu vực Hải Phòng làm vật liệu san lấp. - Đánh giá được đặc tính xây dựng của bùn nạo vét và của bùn nạo vét sau khi cải tạo bằng xỉ lò cao hoạt hóa. - Đề xuất được quy trình công nghệ cải tạo bùn nạo vét tại các cửa sông, luồng lạch khu vực Hải Phòng làm vật liệu san lấp và đắp nền bằng xỉ lò cao hoạt hóa.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài); - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bộ quy trình công nghệ cải tạo bùn tại các cửa sông, luồng lạch khu vực Hải Phòng bằng xỉ lò cao hoạt hóa thành vật liệu san lấp và đắp nền trong điều kiện phòng thí nghiệm; - 01 Bộ mẫu vật bùn sau khi được cải tạo bằng xỉ lò cao hoạt hóa hình trụ có đường kính 50mm, chiều cao 100mm với 5 hàm lượng xỉ lò cao hoạt hóa khác nhau phục vụ đánh giá chất lượng của công nghệ cải tạo; - 01 Bộ mẫu vật ảnh chụp vi cấu trúc vật liệu bùn sau cải tạo (SEM) thể hiện sự hình thành và phát triển các liên kết mới theo các mốc thời gian bảo dưỡng 3, 7, 14 và 28 ngày.	TS. Bùi Văn Bình	600	600	0

4	Nghiên cứu ảnh hưởng của thi công đường hầm tàu điện ngầm bằng máy khoan hầm (TBM) đến kết cấu cọc của công trình bề mặt tại Thành phố Hà Nội	- Xác định và làm sáng tỏ được ảnh hưởng của việc thi công đường hầm bằng phương pháp khoan TBM đến kết cấu cọc bê tông cốt thép của công trình trên bề mặt trong điều kiện nền đất tại thành phố Hà Nội; - Đề xuất được giải pháp kỹ thuật áp dụng trong quá trình thi công đường hầm nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi đến độ ổn định của kết cấu cọc BTCT các công trình bề mặt với điều kiện đất nền Thành phố Hà Nội.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2 - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bản đề xuất giải pháp kỹ thuật nâng cao độ ổn định đường hầm và công trình xây dựng trên bề mặt trên móng cọc BTCT thuộc phạm vi ảnh hưởng khi thi công đào hầm cũng như trong quá trình khai thác hầm ở điều kiện nền đất thành phố Hà Nội; - 01 Mô hình số 3 chiều mô phỏng đường hầm thi công bằng phương pháp khoan TBM trong đô thị.	TS. Nguyễn Tài Tiến	650	650	0
5	Nghiên cứu chế tạo vật liệu composite chuyển pha tổng hợp trên cơ sở khung cellulose từ nguồn gỗ tự nhiên, ứng dụng trong tích trữ nhiệt năng.	Chế tạo được vật liệu composite chuyển pha tổng hợp từ nguồn gỗ tự nhiên, có khả năng lưu trữ nhiệt năng đạt giá trị 120 – 150 J/g	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình quy mô phòng thí nghiệm để chế tạo vật liệu chuyển pha tổng hợp có khả năng lưu trữ nhiệt năng từ gỗ tự nhiên; - 03 mẫu vật liệu chuyển pha tổng hợp có khả năng lưu trữ nhiệt đạt 120-150 J/g; - 01 giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn) về quy trình chế tạo vật liệu composite chuyển pha tổng hợp từ nguồn gỗ thông; *Bổ sung thông tin về đặc tính của vật liệu chuyển pha chế tạo được về khối lượng, chất lượng, kích thước, hiệu quả hoạt động thông qua vòng lặp hấp phụ- giải phóng nhiệt năng.*	PGS.TS Tống Thị Thanh Hương	630	630	0
Tổng cộng:						**3130**	**3130**	**0**

(Danh mục gồm 05 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Mở Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu nâng cao hiệu năng của mạng không dây sử dụng mặt phản xạ thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo	- Phân tích được hiệu năng hệ thống mạng không dây đa người dùng sử dụng RIS, chỉ ra được những tham số cần tối ưu để nâng cao hiệu năng của hệ thống; - Phát triển được mô hình trí tuệ nhân tạo để mô phỏng, dự đoán hiệu năng hệ thống đề xuất, kết hợp với lý thuyết tối ưu để tối ưu hoá các tham số như số lượng RIS, số lượng chấn tử trong mỗi RIS, góc pha của từng chấn tử để nâng cao hiệu năng hệ thống đề xuất.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 xếp hạng: Q1/Q2 và 01 bài xếp hạng: Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Module phần mềm và thuật toán tăng cường hiệu năng của mạng không dây sử dụng bề mặt phản xạ thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	TS. Đặng Khánh Hòa	550	550	0

2	Nghiên cứu phát triển các thuật toán tối ưu công suất UAV cho hệ thống thông tin có trạm chuyển tiếp trên không	- Đề xuất được mô hình CF cho hệ thống thông tin sử dụng UAV làm trạm gốc trên không, phân tích giải tích và xây dựng thành công các hàm lượng giá; - Phát triển thành công các thuật toán ML, NI và tối ưu xấp xỉ ứng dụng cho việc tối ưu các tham số của hệ thống đề xuất nhằm tăng hiệu quả của hệ thống.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bằng sáng chế (được chấp nhận đơn); - 01 Chương trình mô phỏng thuật toán NI cho hệ thống thông tin sử dụng trạm gốc trên không với lựa chọn tuỳ biến các tham số: số người dùng, số vòng lặp... (được đánh giá nghiệm thu bởi Hội đồng khoa học).	ThS. Nguyễn Văn Sơn	550	550	0
3	Giải pháp phát triển không gian khu đô thị lịch sử Hà Nội theo hướng bền vững	- Đánh giá được hiện trạng không gian khu vực đô thị lịch sử của Hà Nội; - Đề xuất được các giải pháp phát triển không gian khu đô thị lịch sử Hà Nội theo hướng bền vững theo luật Kiến trúc hiện hành.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá hiện trạng không gian khu vực đô thị lịch sử của Hà Nội - Bản kiến nghị các giải pháp phát triển không gian khu đô thị lịch sử Hà Nội theo hướng bền vững đóng góp vào quá trình xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung thành phố Hà nội theo luật Kiến trúc hiện hành.	TS. Lê Xuân Trường	500	500	0

4	Giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số của các trường đại học ở Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về đổi mới sáng tạo trong hoạt động chuyển đổi số. - Xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số của các trường đại học ở Việt Nam. - Đánh giá được thực trạng chuyển đổi số và hoạt động đổi mới sáng tạo để thực hành chuyển đổi số tại các trường đại học ở Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số của các trường đại học ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng dẫn nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Bộ tiêu chí đánh giá đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số của các trường đại học ở Việt Nam. - Báo cáo phân tích thực trạng chuyển đổi số và hoạt động đổi mới sáng tạo để thực hành chuyển đổi số tại các trường đại học ở Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số của các trường đại học ở Việt Nam.	TS Nguyễn Thị Thu Hương	300	300	0
5	Giải pháp phát triển bền vững hệ thống đại học mở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay	Đề xuất các giải pháp và khuyến nghị thiết thực, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và lâu dài của hệ thống đại học mở Việt Nam	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus, xếp hạng Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước thuộc danh mục HĐGSNN. - 01 chương của sách được xuất bản bởi nhà xuất bản quốc tế. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng dẫn nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo thực trạng hệ thống đại học mở tại Việt Nam; - Bộ giải pháp phát triển bền vững hệ thống đại học mở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.	TS. Phạm Phú Thái	350	350	0
Tổng cộng:					**2250**	**2250**	**0**

(Danh mục gồm 05 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu các mô hình thị giác máy tính kết hợp với học sâu để đọc khẩu hình tiếng Việt một cách tự động	- Phát triển được một mô hình mô hình thị giác máy tính tích hợp đa lớp sâu cho việc nhận diện khẩu hình tiếng Việt. - Xây dựng được bộ dữ liệu chuẩn về đọc khẩu hình tiếng Việt với nguồn dữ liệu đa dạng về từ, ngữ cảnh, cảm xúc với các điều kiện môi trường thực tế trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. -Nâng cao hiệu suất và độ chính xác của hệ thống đọc khẩu hình tiếng Việt tự động trên tập dữ liệu lớn.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2. - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus xếp hạng Q3 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 02 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 source code phục vụ cộng đồng nghiên cứu - 01 bộ dữ liệu mở về lip reading tiếng Việt cho cộng đồng nghiên cứu. - Ứng dụng đọc khẩu hình tiếng Việt một cách tự động	TS. Trương Hoàng Vinh	625	625	0

2	Nghiên cứu sàng lọc các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học sinh ra từ vi sinh vật nội sinh của một số cây dược liệu trồng tại Việt Nam	Xác định các chủng vi sinh vật (vi khuẩn, xạ khuẩn, vi nấm) nội sinh cây dược liệu bản địa ở Việt Nam có khả năng kháng mạnh vi khuẩn kháng kháng sinh MRSA, E.coli sinh ESBL và nấm Candida albicans. - Đánh giá khả năng kháng MRSA, E.coli sinh ESBL, Candida albicans từ cao chiết của vi sinh vật nội sinh dược liệu với các loại dung môi khác nhau. - Tinh chế, xác định cấu trúc hợp chất có hoạt tính kháng mạnh nhất vi khuẩn kháng kháng sinh MRSA, E.coli sinh ESBL và nấm Candida albicans.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 đăng kí sở hữu trí tuệ được chấp nhận đơn; - 02 chủng vi sinh vật nội sinh có khả năng sinh ra các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học. - 01 quy trình tách chiết hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học (kháng nấm và kháng kháng sinh) từ vi sinh vật nội sinh cây dược liệu.	ThS. Dương Nhật Linh	480	480	0
3	Thiết lập mô hình lựa chọn cán bộ giám sát xây dựng công trình trong kỷ nguyên số	- Xác định được các tiêu chí sử dụng trong quá trình đánh giá và tuyển chọn cán bộ giám sát thi công xây dựng công trình trong thời đại kỷ nguyên số; - Đề xuất được mô hình ra quyết định đa tiêu chí để đánh giá và lựa chọn cán bộ giám sát thi công xây dựng công trình trong thời đại kỷ nguyên số.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Hệ thống tiêu chí sử dụng để đánh giá và tuyển chọn nhân sự giám sát thi công của các dự án đầu tư xây dựng công trình trong kỷ nguyên số . - 01 mô hình ra quyết định đa tiêu chí để đánh giá và lựa chọn cán bộ giám sát thi công xây dựng công trình trong thời đại kỷ nguyên số.	TS. Nguyễn Thanh Phong	400	400	0

4	Tác động của tài chính bao trùm đến sức khỏe thể chất - tâm thần: bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	- Làm rõ khung lý thuyết về tác động của tài chính bao trùm đến sức khỏe thể chất - tâm thần. - Đánh giá được thực trạng tài chính bao trùm và sức khỏe thể chất - tâm thần của người dân Việt Nam. - Đánh giá được tác động của tài chính bao trùm đến sức khỏe thể chất - tâm thần của người dân Việt Nam. - Rút ra bài học kinh nghiệm trong nâng cao sức khỏe thể chất - tâm thần của người dân Việt Nam. - Đề xuất được một số chính sách kinh tế xã hội liên quan đến tài chính bao trùm, sức khỏe thể chất - tâm thần và chất lượng cuộc sống tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng tài chính bao trùm và sức khỏe thể chất - tâm thần của người dân Việt Nam. - Báo cáo đánh giá tác động của tài chính bao trùm đến sức khỏe thể chất - tâm thần của người dân Việt Nam. - Bài học kinh nghiệm trong nâng cao sức khỏe thể chất - tâm thần của người dân Việt Nam. - Bản đề xuất một số chính sách kinh tế xã hội liên quan đến tài chính bao trùm, sức khỏe thể chất - tâm thần và chất lượng cuộc sống tại Việt Nam.	PGS.TS Vân Thị Hồng Loan	400	400	0

5	Nghiên cứu tác động của cấu trúc thuế đến thu hút FDI và tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia đang phát triển – Hàm ý chính sách cho Việt Nam	- Làm rõ các vấn đề lý luận về mô hình nghiên cứu tác động của cơ cấu thuế đến thu hút FDI và tăng trưởng kinh tế. - Đánh giá được tác động của cơ cấu thuế đến thu hút FDI và tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển và rút ra bài học kinh nghiệm. - Phân tích được bối cảnh và thực trạng mối quan hệ giữa cơ cấu thuế, thu hút FDI và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và đề xuất hàm ý chính sách cho Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tác động của cơ cấu thuế đến thu hút FDI và tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển và bài học kinh nghiệm. - Báo cáo phân tích bối cảnh và thực trạng mối quan hệ giữa cơ cấu thuế, thu hút FDI và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và đề xuất hàm ý chính sách cho Việt Nam.	TS Nguyễn Quang Khải	400	400	0

6	Mô hình hỗ trợ, chăm sóc sức khoẻ tâm thần cho người lao động đang làm việc tại khu vực hành chính công	Nghiên cứu, đánh giá thực trạng nhu cầu được chăm sóc sức khoẻ tâm thần của người lao động và công tác hỗ trợ, chăm sóc sức khoẻ tâm thần cho người lao động đang làm việc trong khu vực hành chính công, đề xuất một số giải pháp hỗ trợ, chăm sóc sức khoẻ tâm thần cho người lao động làm việc trong khu vực hành chính công.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước được HĐCDGSNN tính 0,5 điểm trở lên - 01 sách chuyên khảo được xuất bản/có QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - Mô hình chăm sóc sức khoẻ tâm thần cho người lao động cho người lao động làm việc trong khu vực hành chính công. 4. Các sản phẩm khác: - 01 Bản báo cáo thực trạng sức khoẻ tâm thần người lao động và thực trạng công tác chăm sóc, hỗ trợ sức khoẻ tâm thần cho ngươi lao động trong khu vuực hành chính công. - 01 Bản đề xuất Hệ thống Giải pháp chăm sóc sức khoẻ tâm thần cho người lao động tại khu vực hành chính công. 01 Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa	TS. Nguyễn Hữu Long	380	380	0
Tổng cộng:					**2685**	**2685**	**0**

(Danh mục gồm 06 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Thiết kế đồ nội thất thông minh sử dụng vật liệu bền vững tại Việt Nam	Nghiên cứu xây dựng quy trình thiết kế đồ nội thất thông minh và phương pháp ứng dụng vật liệu bền vững trong thiết kế đồ nội thất thông minh tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: -01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 -01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐCDGSNN tính 0,5 điểm trở lên -01 bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế -01 bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo trong nước -01 Sách tham khảo được xuất bản/QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: Mô hình bộ sản phẩm nội thất bàn ghế thông minh sử dụng vật liệu bền vững Quy trình thiết kế đồ nội thất thông minh sử dụng vật liệu bền vững Giải pháp khuyến nghị áp dụng vật liệu bền vững trong thiết kế đồ nội thất thông minh phù hợp với bối cảnh Việt Nam.	TS. Nguyễn Hoàng Hưng	400	400	0

2	Nghiên cứu mô hình đào tạo thạc sĩ Mỹ thuật ứng dụng gắn với các mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam	Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực tiễn về phát triển bền vững trong đào tạo mỹ thuật ứng dụng, đồng thời đề xuất điều chỉnh các thành tố trong mô hình đào tạo thạc sĩ mỹ thuật ứng dụng gắn với các mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng và đề cương chi tiết các học phần gắn với các mục tiêu phát triển bền vững. - 05 sản phẩm thiết kế của học viên thạc sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng tham gia các khoá học thử nghiệm (có video minh hoạ kèm theo).	TS. Bùi Mai Trinh	420	420	0
Tổng cộng:					**820**	**820**	**0**

(Danh mục gồm 02 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Ngoại thương

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Ảnh hưởng của hoạt động giao dịch tín chỉ carbon đến giá trị cổ đông của các công ty niêm yết tại Việt Nam	- Làm rõ khung lý thuyết về tác động của giao dịch tín chỉ carbon đến giá trị cổ đông của doanh nghiệp. - Đánh giá được tác động của giao dịch tín chỉ carbon đến giá trị cổ đông của các công ty niêm yết tại Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp nhằm gia tăng giá trị cổ đông của các công ty niêm yết tại Việt Nam và một số hàm ý chính sách đối với nhà quản trị doanh nghiệp, cổ đông.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo: 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công) 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tác động của giao dịch tín chỉ carbon đến giá trị cổ đông của các công ty niêm yết tại Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp nhằm gia tăng giá trị cổ đông của các công ty niêm yết tại Việt Nam từ các hoạt động giao dịch tín chỉ carbon và một số hàm ý chính sách đối với nhà quản trị doanh nghiệp, cổ đông.	TS Nguyễn Thị Hoa Hồng	300	300	0

2	Nghiên cứu mức độ rủi ro khi Việt Nam giảm phụ thuộc vào nước ngoài trong chuỗi cung ứng toàn cầu	- Làm rõ cơ sở lý luận về mức độ rủi ro của các ngành sản xuất khi giảm phụ thuộc vào các quốc gia/các bên liên quan trong chuỗi cung ứng. - Đánh giá được mức độ rủi ro của các ngành sản xuất của Việt Nam khi giảm phụ thuộc vào nước ngoài trong chuỗi cung ứng toàn cầu. - Đề xuất được các định hướng và giải pháp để giảm sự phụ thuộc vào nước ngoài nhằm giảm thiểu mức độ rủi ro của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo đánh giá mức độ rủi ro của các ngành sản xuất của Việt Nam khi giảm phụ thuộc vào nước ngoài trong chuỗi cung ứng toàn cầu. - Bản đề xuất các định hướng và giải pháp để giảm sự phụ thuộc vào nước ngoài nhằm giảm thiểu mức độ rủi ro của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.	TS Đoàn Quang Hưng	300	300	0

3	Ảnh hưởng của sử dụng lao động khuyết tật tới tạo lập giá trị chia sẻ của doanh nghiệp trung tâm chuỗi cung ứng trong ngành hàng thời trang ở Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý thuyết về sử dụng lao động khuyết tật, ảnh hưởng của sử dụng lao động khuyết tật tới tạo lập giá trị chia sẻ của doanh nghiệp. - Xây dựng được mô hình nghiên cứu và thang đo về ảnh hưởng của sử dụng lao động khuyết tật đến tạo lập giá trị chia sẻ của doanh nghiệp trung tâm chuỗi cung ứng trong ngành hàng thời trang ở Việt Nam. - Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của sử dụng lao động khuyết tật đến tạo lập giá trị chia sẻ của doanh nghiệp trung tâm chuỗi cung ứng trong ngành hàng thời trang ở Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp giúp tăng giá trị chia sẻ từ sử dụng lao động khuyết tật của doanh nghiệp trung tâm chuỗi cung ứng trong ngành hàng thời trang ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo mô hình nghiên cứu và thang đo về ảnh hưởng của sử dụng lao động khuyết tật đến tạo lập giá trị chia sẻ của doanh nghiệp trung tâm chuỗi cung ứng trong ngành hàng thời trang ở Việt Nam. - Báo cáo phân tích mức độ ảnh hưởng của sử dụng lao động khuyết tật đến tạo lập giá trị chia sẻ của doanh nghiệp trung tâm chuỗi cung ứng trong ngành hàng thời trang ở Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp giúp tăng giá trị chia sẻ từ sử dụng lao động khuyết tật của doanh nghiệp trung tâm chuỗi cung ứng trong ngành hàng thời trang ở Việt Nam.	TS Nguyễn Minh Phúc	330	330	0

4	Tác động của chuyển đổi số đến sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp ngành sản xuất ở Việt Nam	- Làm rõ cơ sở khoa học về tác động của chuyển đổi số đến sử dụng năng lượng của doanh nghiệp. - Đánh giá được thực trạng hoạt động chuyển đổi số và sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp ngành sản xuất ở Việt Nam. - Đánh giá được tác động của chuyển đổi số đến sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp ngành sản xuất ở Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp tăng cường chuyển đổi số nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng trong các doanh nghiệp ngành sản xuất ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo phân tích thực trạng hoạt động chuyển đổi số và sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp ngành sản xuất ở Việt Nam. - Báo cáo đánh giá tác động của chuyển đổi số đến sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp ngành sản xuất ở Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp tăng cường chuyển đổi số nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng trong các doanh nghiệp ngành sản xuất ở Việt Nam.	TS Chu Thị Mai Phương	350	350	0

5	Nghiên cứu mối quan hệ giữa khởi nghiệp và phát triển con người ở các địa phương tại Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa khởi nghiệp và phát triển con người. - Đánh giá được thực trạng khởi nghiệp và phát triển con người ở các địa phương của Việt Nam hiện nay. - Phân tích được mối quan hệ giữa khởi nghiệp và phát triển con người ở các địa phương của Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển con người ở các địa phương của Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo: 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng NC của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo phân tích thực trạng khởi nghiệp và phát triển con người ở các địa phương của Việt Nam hiện nay. - Báo cáo phân tích mối quan hệ giữa khởi nghiệp và phát triển con người ở các địa phương của Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển con người ở các địa phương của Việt Nam.	TS Nguyễn Thu Hằng	300	300	0

6	Nghiên cứu khung năng lực nghề nghiệp kế toán quản trị trình độ đại học ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về khung năng lực nghề nghiệp kế toán quản trị trình độ đại học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đề xuất được khung năng lực nghề nghiệp kế toán quản trị trình độ đại học ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; đưa ra các khuyến nghị cho các trường đại học tại Việt Nam về việc sử dụng khung năng lực nghề nghiệp trong hoạt động đào tạo kế toán quản trị trình độ đại học.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,75 điểm trở lên; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: Dự thảo "Khung năng lực nghề nghiệp kế toán quản trị trình độ đại học ở Việt Nam" để các trường đại học xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, chuẩn đầu ra và thiết kế bài giảng, định hướng phương pháp giảng dạy và đánh giá chương trình đào tạo.	TS. Đặng Thị Huyền Hương	380	380	0
7	Nghiên cứu mô hình mới cho các trường đại học địa phương ở Việt Nam	Đề xuất được mô hình mới và các giải pháp triển khai mô mình mới cho các trường đại học địa phương trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2025-2035.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 1,0 điểm - 01 sách tham khảo theo hướng nghiên cứu của đề tại được chấp nhận xuất bản có số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - 01 học viên bảo vệ luận văn thạc sĩ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo thực trạng mô hình các trường đại học địa phương hiện nay; - Báo cáo kinh nghiệm phát triển các trường đại học địa phương ở một số quốc gia trên thế giới - Báo cáo đề xuất giải pháp phát triển mô hình các trường đại học địa phương trong bối cảnh phát triển mới cũng như bước tiến mới trong thực hiện tự chủ đại học giai đoạn 2025-2035.	ThS. Lê Thị Ngọc Lan	370	370	0
Tổng cộng:					**2330**	**2330**	**0**

(Danh mục gồm 07 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Nông lâm TP Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị tích hợp công nghệ AI để kiểm soát cỏ dại trong canh tác nông nghiệp	- Thiết kế và chế tạo được thiết bị Mắt thần tích hợp AI có khả năng nhận biết được các loại thực vật trên cánh đồng; - Đánh giá được hiệu quả tích hợp thiết bị Mắt thần trên thiết bị cơ giới hóa kiểm soát cỏ dại trong canh tác nông nghiệp.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: -01 Giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn) - Thiết bị Mắt thần ứng dụng công nghệ AI trong kiểm soát cỏ dại có khả năng tích hợp trên thiết bị canh tác nông nghiệp: + 01 thiết bị Mắt thần có khả năng nhận diện bằng hình ảnh các loại thực vật trên cánh đồng canh tác mía. + 01 thuật toán nhận dạng các loại thực vật trên cánh đồng mía tại Tây Ninh + 01 báo cáo ứng dụng trong canh tác mía tại nông trường Tân Hưng, thuộc tập đoàn TTC Agris, Tây Ninh.	TS. Nguyễn Huỳnh Trường Gia	540	540	0

2	Tinh chế dầu mù u (*Calophyllum inophyllum* L.) và tạo hạt nano chất béo rắn (solid lipid nanoparticles, SLN) chứa dầu mù u (SLN- dầu mù u) định hướng ứng dụng tạo màng sinh học PVA/Pectin chứa SLN-dầu mù u	Tạo hệ hạt SLN chứa dầu mù u tinh chế, làm tăng khả năng bảo vệ hoạt chất trong dầu mù u, tăng khả năng thẩm thấu và kiểm soát tốt tốc độ phóng thích hoạt chất của dầu mù u khi sử dụng để ứng dụng trong sản phẩm màng sinh học PVA có hoạt tính sinh học cao.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn) - 01 lít Dầu mù u tinh sạch, có độ tinh khiết cao được tách nhựa, tách gum, tách màu và tách mùi; - 200 mL hệ nano béo rắn chứa dầu mù u (SLN- dầu mù u) ổn định, kích thước hạt đồng đều 50- 500nm; - 200 mL chế phẩm màng phân huỷ sinh học PVA/Pectin tẩm SLN- mù u có khả năng kháng khuẩn và phân huỷ sinh học. - 01 quy trình tạo hạt nano béo rắn SLN vi bọc dầu mù u sau tinh chế (SLN- mù u) có thể ứng dụng trong sản phẩm màng sinh học PVA có hoạt tính sinh học cao. - 01 quy trình chế tạo màng kháng khuẩn và phân huỷ sinh học trên nền PVA/Pectin bổ sung SLN- dầu mù u.	PGS.TS Mai Huỳnh Cang	600	600	0

3	Phân lập, đánh giá và thiết lập ngân hàng thực khuẩn thể (Bacteriophage) ứng dụng trong phòng trị bệnh do vi khuẩn gây ra trên đường ruột gà thả vườn	* Mục tiêu chung: Phân lập, tuyển chọn và thiết lập thư viện các dòng thực khuẩn thể có khả năng phân giải vi khuẩn gây bệnh trên đường ruột gà thả vườn như *Salmonella spp, E.coli, Clostridium perfringens*	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS/Scopus, Q2/Q3. - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình phân lập, định danh ít nhất 01 dòng Bacteriophage (Phage) phân giải tương ứng 03 vi khuẩn (Salmonella spp, E.coli, Clostridium perfringens) gây bệnh trên đường ruột từ mẫu phân, mẫu ruột, mẫu đất ở trang trại chăn nuôi gà thả vườn. - 01 quy trình đánh giá khả năng phân giải vi khuẩn gây bệnh của Bacteriophage trong điều kiện phòng thí nghiệm. - 01 quy trình đánh giá khả năng phân giải vi khuẩn gây bệnh của Bacteriophage in vivo trên vật nuôi. - 01 hồ sơ bộ gene của 01 Bacteriophage.	TS. Đinh Xuân Phát	400	400	0

4	Nghiên cứu tạo chế phẩm vi sinh vật vùng rễ trong kiểm soát tuyến trùng (*Meloidogyne* spp.) gây hại rễ trong canh tác một số cây rau	* Mục tiêu cụ thể: (1) Tuyển chọn được các chủng vi khuẩn vùng rễ ức chế mạnh của tuyến trùng (*Meloidogyne* spp.). (2) Xây dựng được quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh kiểm soát tuyến trùng (*Meloidogyne* spp.). (3) Đánh giá được hiệu quả của chế phẩm vi sinh kiểm soát tuyến trùng (*Meloidogyne* spp.) trong canh tác một số loại rau	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình nhân sinh khối chế phẩm từ vi khuẩn nhóm PGPR. - Bộ giống vi khuẩn: 3 chủng vi khuẩn thuộc nhóm PGPR có khả năng kiểm soát tuyến trùng *Meloidogyne* spp. đã được định danh tới loài. - 20 kg sản phẩm chế phẩm vi sinh chứa vi khuẩn nhóm PGPR đạt chất lượng theo TCVN số 12560-1:2018. 4. Các sản phẩm khác: Đơn chấp nhận đăng ký giải pháp hữu ích quy trình sản xuất sản phẩm chế phẩm vi sinh chứa vi khuẩn PGPR có khả năng kiểm soát tuyến trùng *Meloidogyne* spp.	ThS. Trần Thị Vân	460	460	0
Tổng cộng:					**2000**	**2000**	**0**

(Danh mục gồm 04 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Nha Trang

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu sản xuất vaccine phòng bệnh mù mắt do liên cầu khuẩn gây ra ở cá bớp (*Rachycentron canadum*) nuôi tại Khánh Hòa	* Mục tiêu cụ thể: (1) Sản xuất được vaccine phòng bệnh mù mắt do liên cầu khuẩn gây ra ở cá bớp nuôi, nhằm phát triển nghề nuôi cá bớp bền vững. (2) Thử nghiệm sử dụng vaccine phòng bệnh mù mắt liên cầu khuẩn gây ra cho cá bớp ở các mô hình nuôi cá ở quy mô hàng hóa.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q2 trở lên. - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 0.75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 chủng liên cầu khuẩn (master seed) dùng để sản xuất vaccine - 5000 liều vaccine phòng bệnh mù mắt do liên cầu khuẩn gây ra ở cá bớp nuôi. - Quy trình sản xuất và sử dụng vaccine do đề tài tạo ra.	TS. Trần Vĩ Hích	570	570	0

2	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thử nghiệm container bảo quản lạnh âm sâu hướng đến ứng dụng trên tàu cá.	* Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng thử nghiệm container bảo quản lạnh sâu trên tàu cá. Chú trọng vào tính hiệu quả và độ tin cậy của container trong môi trường ăn mòn mạnh của biển và tải trọng động do sóng gió. Hướng đến chế tạo các hầm hàng bảo quản lạnh sâu trên tàu cá. * Mục tiêu cụ thể: (1) Chế tạo container bảo quản lạnh sâu (mô hình pilot) dung tích 1m3 lắp trên tàu cá, phục vụ bảo quản hiệu quả các loại hải sản đánh bắt có giá trị kinh tế cao. Đáp ứng điều kiện làm việc khắc nghiệt trên biển, chịu môi trường nước biển và tải trọng động. Hiệu quả giữ nhiệt ở nhiệt độ âm sâu (đến -45 độ C). Độ bền và tuổi thọ vượt trên 100%, tổn thất nhiệt thấp hơn tối thiểu 20% với giá thành tương đương hoặc thấp hơn so với kết cấu hầm cá hiện dụng. Đáp ứng được tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Cục thuỷ sản. Vận chuyển linh hoạt (từ tàu cá lên xe vận chuyển đến nhà máy chế biến). (2) Ứng dụng thử nghiệm container trên tàu cá.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus Q2. - 02 bài đăng trên kỷ hội thảo quốc tế uy tín (Scopus Q4). - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Container bảo quản lạnh sâu (mô hình pilot) dung tích 1m3 có tính năng đáp ứng mục tiêu đặt ra).	PGS.TS. Trần Hưng Trà	500	500	0
Tổng cộng:					**1070**	**1070**	**0**

(Danh mục này gồm 02 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Quy Nhơn

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu cấu trúc, tính chất điện tử và khả năng cảm biến khí, cảm biến sinh học của các vật liệu đơn lớp MX2 (M= Mo, W; X = S, Se) dạng tinh khiết và pha tạp kim loại bằng phương pháp hóa học tính toán	Tính toán tối ưu cấu hình hấp phụ bền của các phân tử khí NO_2, SO_2 các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi như acetone, ethanol các phân tử nucleobase, amino acid như adenine, glycine trên các bề mặt MX_2 (M = Mo, W; X = S, Se) pha tạp Fe, Co, Ni	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo về khả năng cảm biến khí, cảm biến sinh học của các vật liệu đơn lớp MX2 dạng tinh khiết và pha tạp Fe, Co, Ni	TS. Nguyễn Ngọc Trí	480	480	0

2	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống phát hiện và dự báo bất thường cho trạm cung cấp dịch vụ viễn thông ứng dụng công nghệ IoT và điện toán biên.	- Thiết kế và chế tạo thành công thiết bị IoT thu thập các chỉ số hoạt động của trạm viễn thông. Thiết bị trên hoạt động với công suất tiêu thụ rất thấp và không sử dụng pin; - Ứng dụng thành công điện toán biên để phát hiện và dự báo bất thường trong hoạt động của trạm viễn thông.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Hệ thống phát hiện và dự báo bất thường cho trạm viễn thông với các thông số kỹ thuật như sau: + Dòng tiêu thụ cực đại của các node IoT khi ở chế độ nghỉ: khoảng 200 □A + Dòng tiêu thụ cực đại của các node IoT khi hoạt động: khoảng 300 mA + Ngưỡng phát hiện nhiệt độ: từ 35 độ C + Ngưỡng phát hiện điện áp: dưới 180V + Thời gian dự báo: tối thiểu 01 giờ, tối đa 30 ngày. + Độ chính xác: □ 80%.	TS. Huỳnh Nguyễn Bảo Phương	550	550	
3	Diện mạo và đặc điểm của thơ Nam Trung bộ từ 1945 đến nay	Công trình Diện mạo và đặc điểm thơ Nam Trung bộ từ 1945 đến nay nhằm đánh giá và khẳng định vị trí đáng ghi nhận của thơ Nam Trung bộ trong văn học sử mà lâu nay chưa được nhìn nhận đầy đủ, toàn vẹn.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí nước ngoài thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 - 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước được HĐCĐGSNN tính từ 0,5 điểm trở lên. - 01 đầu sách chuyên khảo được xuất bản/QĐ xuất bản có mã số ISBN. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài	TS. Võ Như Ngọc	400	400	0

4	Sự tham gia của phụ nữ vào phát triển du lịch biển tại tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	Đánh giá được những cơ hội và thách thức của phụ nữ khi tham gia vào phát triển du lịch biển tại tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào phát triển du lịch biển tại tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	1. Sản phẩm khoa học: -01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hang Q3/Q4. -02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước thuộc danh mục tạp chí được HĐGSNN từ 0,5 điểm trở lên. -01 sách tham khảo được xuất bản hoặc có QĐ xuất bản, có mã số ISBN. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo chuyên đề về cơ hội và thách thức của phụ nữ khi tham gia vào phát triển du lịch biển tại tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. - 01 Báo cáo chuyên đề về các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của phụ nữ vào phát triển du lịch biển tại tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. - 01 Bản đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào phát triển du lịch biển tại tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. - 01 bộ công cụ hướng dẫn tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào phát triển du lịch biển tại tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	PGS. TS. Phạm Thị Bích Duyên	400	400	0
Tổng cộng:					**1830**	**1830**	**0**

(Danh mục gồm 04 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Sự tồn tại và dáng điệu nghiệm của bài toán Cauchy đối với phương trình dạng sóng tắt dần	- Thiết lập được các kết quả về sự tồn tại và dáng điệu nghiệm của các bài toán Cauchy với các mô hình dạng sóng tắt dần phi tuyến. - Đánh giá được sự ảnh hưởng của các thành phần tắt dần lên tính đặt đúng của các bài toán Cachy tuyến tính và nửa tuyến tính cho các phương trình và hệ phương trình tiến hoá tổng quát chứa thành phần tắt dần.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1. - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 04 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công).	TS. Phạm Triều Dương	450	450	0
2	Ánh xạ phân hình, ánh xạ đa điều hoà dưới và phương trình Monge-Ampère phức	- Giải quyết được một số vấn đề trong Lý thuyết phân bố giá trị trên đa tạp đại số, trên trường số và trường hàm. - Thiết lập được một số tính chất hình học của ánh xạ đa điều hòa dưới trên đa tạp phức Kähler. - Đưa ra được lời giải cho một số bài toán về phương trình Monge-Ampère phức từ góc độ hình học.	1.Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 03 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công).	TS. Nguyễn Thị Thu Trang	500	500	0

3	Phức chất anion phát quang của một số nguyên tố hiếm (Eu, Tb, La, Y) với phối tử β–đixeton ứng dụng trong nhận biết kim loại nặng và hợp chất nitro thơm gây nổ	Tổng hợp được một số phức chất anion dị nhân của đất hiếm – kim loại kiềm/R_4N^+ với phối tử β-đixeton chứa các nhóm thế R (là các nhóm chứa hệ vòng thơm) có khả năng phát quang với hiệu suất lượng tử cao, định hướng ứng dụng trong nhận biết huỳnh quang sinh học phát hiện cation kim loại nặng và các hợp chất thơm gây nổ.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình tổng hợp 15 phức chất anion dị nhân đất hiếm- kim loại kiềm/R4N+ của một số nguyên tố đất hiếm với phối tử β-đixeton chứa hệ vòng thơm; - 01 bộ phổ của 15 phức chất đã tổng hợp được, có cấu trúc nhiễu xạ tia X đơn tinh thể của một số phức chất; - 15 phức chất anion dị nhân đất hiếm- kim loại kiềm/R4N+ của một số nguyên tố đất hiếm với phối tử β-đixeton chứa hệ vòng thơm, khối lượng mỗi mẫu phức chất là 1g.	PGS.TS Đinh Thị Hiền	710	710	0
4	Tiếp biến văn hóa ở Đông Nam Á dưới ảnh hưởng của Công giáo (thế kỷ XVI – XIX): Trường hợp Việt Nam và Philippines	Đánh giá sự tiếp biến văn hóa ở Đông Nam Á dưới ảnh hưởng của Công giáo thông qua hai trường hợp điển hình là Việt Nam và Philippines, rút ra được những kinh nghiệm có thể vận dụng cho Việt Nam trong thời kì hội nhập hiện nay.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4 - 02 bài báo đăng trên Tạp chí thuộc danh mục quy định của HĐCDGSNN được tính 0,75 điểm trở lên. - 01 được xuất bản hoặc có QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: 01 bản khuyến nghị/đề xuất về chính sách văn hóa, tôn giáo của Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế.	TS. Phạm Thị Thanh Huyền	320	320	0

5	Ứng dụng GIS-MCDM đánh giá thích nghi sinh thái phục vụ phát triển vùng chuyên canh và mở rộng chỉ dẫn địa lý cà phê Arabica tại vùng Tây Bắc	Mô hình hóa được sự phù hợp sinh thái; đề xuất được không gian phát triển vùng chuyên canh và mở rộng chỉ dẫn địa lý cà phê Arabica tại vùng Tây Bắc	1. Sản phẩm khoa học: -01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên Tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn Scopus, được SCIMAGOxếp hạng Q1/Q2. -01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên Tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. -02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,5 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bộ cơ sở dữ liệu GIS: Mô hình hóa sự phù hợp sinh thái đối với cây cà phê Arabica tại vùng Tây Bắc bằng phương pháp GIS-MCDM; - Báo cáo phân tích: Tương quan giữa sự phù hợp sinh thái, chất lượng sản phẩm và giá trị kinh tế đối với cây cà phê Arabica tại vùng Tây Bắc; - Bản đề xuất: Định hướng không gian phát triển vùng chuyên canh và mở rộng chỉ dẫn địa lý cà phê Arabica tại vùng Tây Bắc.	TS. Ngô Thị Hải Yến	480	480	0

6	Xây dựng chương trình ứng phó với cảm xúc âm tính trong học tập cho học sinh trung học cơ sở	Đánh giá thực trạng ứng phó với cảm xúc âm tính trong hoạt động học tập của học sinh trung học cơ sở, từ đó đề xuất và thử nghiệm chương trình ứng phó với cảm xúc âm tính trong học tập cho học sinh nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4: - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước được HĐCDGSNN tính điểm từ 0,5 điểm trở lên. - 01 sách chuyên khảo được xuất bản/QĐ xuất bản, có mã số ISBN. - 01 báo cáo thực tiễn được khảo sát trên 1500 khách thể là học sinh bậc trung học cơ sở ở 3 vùng miền (Bắc/ Trung /Nam) 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: Chương trình ứng phó với cảm xúc âm tính trong học tập cho học sinh trung học theo hướng can thiệp chuyên sâu.	TS. Nguyễn Thị Nhân Ái	380	380	0
7	Giáo dục âm nhạc cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ ở Việt Nam	Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn về giáo dục âm nhạc cho trẻ RLPTK Đề xuất được một số biện pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ RLPTK ở các cấp độ khác nhau, nhằm phát triển năng lực âm nhạc cho trẻ.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: 01 CD gồm các bài tập âm nhạc (dạng bản nhạc và âm thanh) để minh hoạ và áp dụng trong các nội dung giáo dục âm nhạc cho trẻ RLPTK	TS. Tạ Hoàng Mai Anh	300	300	0

8	Xây dựng bộ công cụ đánh giá kỹ năng tiền đọc viết của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi	Xây dựng bộ công cụ đánh giá kỹ năng tiền đọc viết của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi Việt Nam	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bộ công cụ và hướng dẫn sử dụng bộ công cụ đánh giá kỹ năng tiền đọc viết của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.	TS. Nguyễn Thị Thanh Hương	350	350	0
9	Giáo dục kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho học sinh trung học	Xây dựng khung lý luận, đánh giá được thực trạng giáo dục kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho học sinh trung học; Xây dựng và thử nghiệm chương trình giáo dục kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho học sinh trung học.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WOS (xếp hạng Q3); - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu khoa học của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Khung kỹ năng an toàn trên không gian mạng của học sinh trung học; - Khung chương trình, chương trình và hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho học sinh trung học.	TS. Mai Quốc Khánh	350	350	0

10	Dạy học văn bản nghị luận trong môn Ngữ văn ở trung học cơ sở theo hướng phát triển năng lực học sinh thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI)	Nghiên cứu và đề xuất nguyên tắc, quy trình, cách thức ứng dụng một số công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào dạy học đọc, viết, nói và nghe văn bản nghị luận ở trung học cơ sở theo hướng phát triển năng lực học sinh.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên); 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: Báo cáo đề xuất nguyên tắc, quy trình, cách thức ứng dụng một số công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào dạy học đọc, viết, nói và nghe văn bản nghị luận ở trung học cơ sở theo hướng phát triển năng lực học sinh.	TS. Lê Thị Minh Nguyệt	350	350	0
11	Nghiên cứu mô hình phát triển năng lực dạy học môn Khoa học tự nhiên của giáo viên theo tiếp cận DECODER	Hệ thống hoá cơ sở lý luận về phát triển năng lực dạy học môn Khoa học tự nhiên của giáo viên theo tiếp cận DECODER. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng bồi dưỡng phát triển năng lực dạy học môn Khoa học tự nhiên cho giáo viên theo tiếp cận DECODER. Đề xuất mô hình và xây dựng nội dung khoá bồi dưỡng phát triển năng lực dạy học môn Khoa học tự nhiên cho giáo viên theo tiếp cận DECODER.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của ACI. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0.75 điểm trở lên; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo đề xuất mô hình bồi dưỡng năng lực dạy học môn Khoa học tự nhiên của giáo viên theo tiếp cận DECODER - 01 bộ công cụ đánh giá năng lực dạy học môn Khoa học tự nhiên của giáo viên.	TS. Nguyễn Thị Tố Khuyên	430	430	0

12	Phát triển năng lực số cho cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn hiện nay	Đề xuất được các giải pháp phát triển năng lực số của đội ngũ CBQLGD các cơ sở giáo dục phổ thông trong giai đoạn hiện nay.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus, trong đó 01 bài Q1/Q2 và 01 bài Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 1 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 ThS bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS (luân án theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo thực trạng năng lực số của đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông; - Báo cáo giải pháp phát triển năng lực số của đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông; - Tài liệu bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lí cơ sở giáo dục phổ thông	PGS.TS. Vũ Thị Mai Hường	500	500	0
Tổng cộng:					**5120**	**5120**	**0**

(Danh mục gồm 12 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Xây dựng mô hình phản hồi của người học dựa trên phân tích hành vi và cảm xúc theo tiếp cận học sâu hiện đại	- Phát triển được một mô hình có khả năng phản hồi đối với người học dựa trên phân tích hành vi và cảm xúc của họ - Làm rõ được tác động của hành vi đến cảm xúc, đặc biệt là các hành vi trong lớp học đối với cảm xúc của người học trong lớp: - Làm rõ được các thuật toán nhận biết cảm xúc dựa trên khuôn mặt : - Xây dựng được hệ thống phản hồi dựa trên sự giải pháp kết hợp phân tích hành vi và khuôn mặt:	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3 - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Một mô phỏng về tác động của hành vi và cảm xúc đến phản hồi người học.	TS. Nguyễn Viết Hưng	460	460	0

2	Phương pháp mới trích xuất thông tin cấu trúc vật liệu đơn lớp bất đẳng hướng từ phổ năng lượng exciton	*Mục tiêu chung: - Xây dựng được phương pháp trích xuất thông tin cấu trúc cho vật liệu đơn lớp bất đẳng hướng (như phốt-pho đen, tinh thể perovskite) từ phổ năng lượng exciton bằng tiếp cận giải tích kết hợp với học máy (machine learning). * Mục tiêu cụ thể: - Tìm được nghiệm giải tích cho năng lượng exciton trong không gian hai chiều bất đẳng hướng như một hàm phụ thuộc vào tính chất vật liệu (độ dài chắn, hằng số điện môi, khối lượng hiệu dụng); - Giải được bài toán ngược để có các tính chất vật liệu như các hàm phụ thuộc năng lượng; - Thu được tính chất của một số vật liệu đơn lớp (phốt-pho đen, tinh thể perovskite) từ phổ năng lượng exciton thực nghiệm đã được công bố bởi các nhóm nghiên cứu uy tín.	1.Sản phẩm khoa học - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 1.0 điểm 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 02 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 chương trình máy tính dùng để trích xuất thông tin cấu trúc vật liệu với đầu vào là phổ năng lượng exciton thực nghiệm. Chương trình công bố trên nền tảng mở như Github hoặc CodeOcean.	TS. Hoàng Đỗ Ngọc Trầm	680	680	0

3	Tìm kiếm sự hỗ trợ tâm lý trên internet trong bối cảnh chuyển đổi số của học sinh trung học	Nghiên cứu cơ sở lý luận về tìm kiếm sự hỗ trợ trên internet trong bối cảnh chuyển đổi số của học sinh trung học. - Đánh giá thực trạng tìm kiếm sự hỗ trợ tâm lý trên internet trong bối cảnh chuyển đổi số của học sinh trung học. - Đề xuất những giải pháp giúp học sinh trung học tìm kiếm sự hỗ trợ tâm lý trên internet trong bối cảnh chuyển đổi số của học sinh trung học.	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WOS, xếp hạng Q1/Q2; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên); 2. Sản phẩm đào tạo - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Hệ thống giải pháp giúp học sinh trung học tìm kiếm sự hỗ trợ tâm lý trên internet trong bối cảnh chuyển đổi số	GS. TS Huỳnh Văn Sơn	400	400	0
4	Đào tạo giáo viên ở các trường đại học Việt Nam theo tiếp cận phát triển nguồn nhân lực số	Xây dựng được khung lí luận về đào tạo giáo viên theo tiếp cận nguồn nhân lực số, phân tích thực trạng đào tạo giáo viên và các yếu tố ảnh hưởng tới nguồn nhân lực số ở các trường đại học Việt Nam, từ đó đề xuất mô hình và các biện pháp đào tạo giáo viên nhằm phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và chuyển đổi số hiện nay.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WOS, xếp hạng: Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 0,75-1 điểm; - 01 sách tham khảo (xuất bản điện tử). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (Luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng đào tạo giáo viên theo tiếp cận nguồn nhân lực số ở một số trường đại học của Việt Nam. - Tài liệu tập huấn về đào tạo nguồn nhân lực số dành cho cán bộ quản lí và giảng viên các trường đại học có đào tạo giáo viên.	TS. Phạm Đình Văn	390	390	0

5	Mức độ sẵn sàng đối với việc sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo trong lớp học Toán của học sinh Trung học: thực trạng và khuyến nghị chính sách	Xác định thực trạng mức độ sẵn sàng, sự lo lắng trên đối tượng giáo viên và giáo sinh về sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo trong dạy học Toán của học sinh Trung học và đề xuất các giải pháp chính sách định hướng giáo viên và giáo sinh sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo trong dạy học Toán.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus, xếp hạng Q2/Q3; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 1 điểm; - 01 sách tham khảo theo hướng nghiên cứu của đề tài. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài; - 01 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng mức độ sẵn sàng, sự lo lắng trên đối tượng giáo viên và giáo sinh về sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo trong dạy học Toán của học sinh Trung học; - Các giải pháp chính sách định hướng giáo viên và giáo sinh sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo trong dạy học Toán.	TS. Nguyễn Thị Nga	390	390	0
6	Xây dựng chương trình tham vấn nhóm học đường tập trung vào giải pháp trong bối cảnh xây dựng trường học thông minh	Đánh giá thực trạng công tác tham vấn nhóm học đường tại các trường phổ thông trong bối cảnh xây dựng trường học thông minh và xây dựng chương trình tham vấn nhóm học đường tập trung vào giải pháp trong bối cảnh Xây dựng trường học thông minh.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính đến từ 0.75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (Luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá thực trạng công tác tham vấn nhóm học đường tại các trường phổ thông trong bối cảnh xây dựng trường học thông minh; - Chương trình tham vấn nhóm học đường tập trung vào giải pháp trong bối cảnh Xây dựng trường học thông minh. - Tài liệu hướng dẫn thực hành tham vấn nhóm tập trung vào giải pháp trong trường học dành cho đội ngũ giáo viên, nhân viên tư vấn học sinh.	TS. Giang Thiên Vũ	400	400	0
Tổng cộng:					**2720**	**2720**	**0**

(Danh mục gồm 06 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Học viện Quản lý giáo dục

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Tổ chức đào tạo trong các trường đại học Việt Nam theo tiếp cận hệ sinh thái giáo dục số	Xây dựng được cơ sở lý luận về tổ chức đào tạo theo tiếp cận hệ sinh thái giáo dục số ở các trường đại học, đánh giá thực trạng, đề xuất mô hình và các giải pháp tổ chức đào tạo theo tiếp cận hệ sinh thái giáo dục số cho các trường đại học ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus (chấp nhận đăng) - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 1 điểm; - 1 sách tham khảo được chấp nhận xuất bản có chỉ số IBSN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng tổ chức đào tạo sinh viên theo tiếp cận hệ sinh thái giáo dục số ở các trường đại học tại Việt Nam. - Mô hình và các giải pháp tổ chức đào tạo theo tiếp cận hệ sinh thái giáo dục số cho các trường đại học ở Việt Nam.	TS. Nguyễn Diệu Cúc	380	380	0

2	Giải pháp giảm thiểu khoảng cách giáo dục giữa các tầng lớp xã hội và tăng cường công bằng trong giáo dục	Nghiên cứu nhằm định hướng xây dựng một hệ thống giáo dục công bằng và bền vững, tạo điều kiện cho mọi cá nhân có quyền tiếp cận và hưởng lợi từ giáo dục chất lượng cao mà không phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội hay vị thế của gia đình.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus (chấp nhận đăng) - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 0.75-1 điểm - 01 sách tham khảo được chấp nhận xuất bản 2. Sản phẩm đào tạo: Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích về chính sách để giảm thiểu khoảng cách giáo dục giữa các tầng lớp xã hội và tăng cường công bằng trong quyền lợi giáo dục tại Việt Nam. - Báo cáo đề xuất chính sách và biện pháp để giảm thiểu khoảng cách giáo dục giữa các tầng lớp xã hội và tăng cường công bằng trong quyền lợi giáo dục tại Việt Nam.	PGS.TS. Trần Hữu Hoan	370	370	0
Tổng cộng:					**750**	**750**	**0**

(Danh mục gồm 02 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Cán bộ Quản lý giáo dục TP. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Năng lực đáp ứng vị trí việc làm của viên chức trong các cơ sở giáo dục phổ thông: Thực trạng và giải pháp	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về đánh giá năng lực viên chức cơ sở giáo dục phổ thông theo vị trí việc làm, đề xuất được các giải pháp đánh giá năng lực đáp ứng vị trí việc làm cho viên chức nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển giáo dục phổ thông.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước được HĐGSNN tính đến 0,75 điểm; - 01 sách tham khảo được chấp nhận xuất bản có chỉ số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo về các giải pháp đánh giá năng lực đáp ứng vị trí việc làm cho viên chức nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển giáo dục phổ thông - Bộ công cụ đánh giá năng lực đáp ứng vị trí việc làm của viên chức cơ sở giáo dục phổ thông và hướng dẫn thực hiện	ThS. Phan Tấn Chí	380	380	0
Tổng cộng:					**380**	**380**	**0**

(Danh mục gồm 01 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường CĐSP Trung ương - Nha Trang

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Phát triển chương trình dạy học các học phần giáo dục học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển chương trình dạy học các học phần giáo dục học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng. Đề xuất được các biện pháp phát triển chương trình dạy học các học phần giáo dục học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,5 điểm trở lên. lên; - 01 Tài liệu xuất bản về kết quả nghiên cứu đề tài; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình phát triển chương trình dạy học các học phần giáo dục học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng - 01 Báo cáo phân tích thực trạng phát triển chương trình dạy học các học phần giáo dục học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng - 01 bộ tài liệu về Chương trình học phần (Đề cương chi tiết học phần) các học phần giáo dục học gồm: học phần Giáo dục học Đại cương, Giáo dục học Mầm non, Đánh giá trong Giáo dục Mầm non. Trong đó mô tả mục tiêu (chuẩn đầu ra), nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên mầm non	ThS. Nguyễn Viết Tuân	400	400	0
Tổng cộng:					**400**	**400**	**0**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường CĐSP Trung ương

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu phát triển mô hình hỗ trợ liên ngành cho giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập ở trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp Tỉnh	Đề xuất mô hình hỗ trợ liên ngành và cách triển khai mô hình hỗ trợ liên ngành cho giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập ở trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập cấp Tỉnh	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài trong danh mục ACI; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Mô hình hỗ trợ liên ngành cho giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập trong ở Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.	TS Lê Thị Thúy Hằng	300	300	0
Tổng cộng:					**300**	**300**	**0**

(Danh mục gồm 01 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Cần Thơ

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu phát triển thuật toán học máy hiện đại để chẩn đoán bệnh phổi từ ảnh X-quang và triệu chứng	- Phát triển được thuật toán học máy hiện đại có khả năng phát hiện và phân loại các bệnh phổi với độ chính xác cao từ ảnh X-quang. - Phát triển được thuật toán học máy hiện đại có khả năng phát hiện và phân loại với độ chính xác cao các bệnh phổi từ triệu chứng. - Phát triển được thuật toán kết hợp mô hình chẩn đoán từ ảnh X-quang và triệu chứng, cải tiến độ chính xác chẩn đoán bệnh về phổi - Phát triển được một ứng dụng có thể sử dụng trong thực tế, giúp các chuyên gia y tế phát hiện và chẩn đoán các bệnh phổi từ ảnh X-quang và triệu chứng một cách nhanh chóng và chính xác.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của scopus xếp hạng Q2. - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của scopus xếp hạng Q3. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,5 điểm. 2.Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 02 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3.Sản phẩm ứng dụng: - Bộ dữ liệu ảnh X-quang ngực dùng cho huấn luyện mô hình máy học, phải được gán nhãn: bình thường, covid-19, hen, lao phổi, phù phổi, suy hô hấp, tràn dịch, tràn khí, u phổi, viêm phổi, xẹp phổi. - Bộ dữ liệu triệu chứng dùng cho huấn luyện mô hình máy học, phải được gán nhãn: bình thường, covid-19, hen, lao phổi, phù phổi, suy hô hấp, tràn dịch, tràn khí, u phổi, viêm phổi, xẹp phổi. - Ứng dụng chẩn đoán bệnh phổi từ ảnh X-quang và triệu chứng. Ứng dụng nhận đầu vào gồm ảnh X-quang và triệu chứng bệnh, sử dụng mô hình học máy hiện đại đã được huấn luyện để thực hiện chẩn đoán bệnh về phổi. Ứng dụng được áp dụng tại Bệnh viện đa khoa Châu Đốc, An Giang.	PGS.TS. Đỗ Thanh Nghị	550	550	0

2	Nghiên cứu tính chất và giải thuật cho các lớp bài toán tối ưu	- Xây dựng được các tính chất cho lớp bài toán tối ưu vector/tối ưu tập. - Phát triển được giải thuật cho các bài toán tối ưu tính toán được thuộc các lớp bài toán trên mạng lưới đồ thị và bài toán quy hoạch. - Thiết lập được mô hình tính toán cho các hiện tượng hóa sinh, các mô hình tính toán trong máy tính hiện đại.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2, - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 02 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 02 thuật toán dưới dạng mã giả có định hướng ứng dụng trong công nghệ thông tin.	PGS.TS. Nguyễn Trung Kiên	600	600	0
3	Nghiên cứu chế tạo máy lấy long nhãn tự động hướng tới ứng dụng phương pháp học máy (Machine Learning) trong định vị chính xác vị trí trái nhãn	- Ứng dụng được mô hình học máy (YOLOv8) trong việc xác định vị trí cùi trái nhãn; - Thiết kế và chế tạo thành công mô hình hệ thống máy lấy long nhãn tươi tự động với tỉ lệ thành phẩm đạt trên 85%, công suất tối thiểu đạt máy chào bán cho hộ gia đình trên thị trường.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, xếp hạng Q3/Q4; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn); - 01 Hệ thống máy lấy long nhãn tươi tự động với tỉ lệ thành phẩm đạt trên 85%; công suất tách long nhãn đạt tối thiểu 400-500 kg nhãn tươi/ngày; chi phí năng lượng tương đương các máy thương mại. - 01 Bộ bản vẽ kỹ thuật (bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp). - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng và vận hành máy.	TS. Huỳnh Thanh Thưởng	700	550	150

4	Nghiên cứu phát triển màng thẩm thấu thuận FO (Forward Osmosis) dựa trên chitosan biến tính dạng sợi, ứng dụng để xử lý nước nhiễm mặn ở ĐBSCL.	Chế tạo màng FO dựa trên chitosan biến tính dạng sợi bằng phương pháp electrospinning và ứng dụng xây dựng mô hình để xử lý nước nhiễm mặn ở ĐBSCL.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q3/Q4. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình tổng hợp màng lọc FO tối ưu giúp tăng thông lượng thấm, giảm dòng muối thấm ngược và có độ bền cơ học cao. - 05 màng lọc FO diện tích tối thiểu 25 cm^2. - 01 hệ thống lọc FO quy mô phòng thí nghiệm, diện tích màng lọc FO tối thiểu 25 cm^2. - Bộ kết quả tối ưu cho quá trình hoạt động của mô hình FO cho xử lý nước nhiễm mặn quy mô phòng thí nghiệm.	PGS.TS Đoàn Văn Hồng Thiện	650	650	0

5	Nghiên cứu hoàn thiện và phát triển mô hình nuôi cá ruộng trong mùa lũ tại một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long	* Mục tiêu cụ thể: (1) Phân tích, đánh giá được hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế mô hình nuôi cá ruộng ở một số tỉnh ĐBSCL (2) Đánh giá được ảnh hưởng của việc nuôi cá đến lượng phân bón, thuốc BVTV, năng suất và hiệu quả tài chính của các vụ lúa theo sau vụ cá ruộng. (3) Thử nghiệm cải tiến mô hình nuôi cá ruộng trong mùa lũ tại các địa bàn nghiên cứu theo hướng thân thiện môi trường, tăng lợi nhuận của mô hình nuôi cá ruộng (15-20%); và đo lường ảnh hưởng của việc nuôi cá đến canh tác lúa, môi trường đất và nước. (4) Nâng cao năng lực cho nông dân và cán bộ cho địa phương phục vụ sản xuất và phát triển mô hình nuôi cá ruộng trong mùa lũ.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus Q3/Q4. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 1,0 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Mô hình trình diễn nuôi cá ruộng trong mùa lũ ở 02 tỉnh với quy mô 6 hộ (khoảng 3 ha/mô hình/tỉnh), lợi nhuận tăng 15-20% so với mô hình nuôi cá ruộng truyền thống. - Quy trình trình kỹ thuật nuôi cá ruộng trong mùa lũ.	TS. Cao Quốc Nam	400	400	0

6	Nghiên cứu ảnh hưởng của chiết xuất thảo dược giàu hàm lượng chất kháng oxy hóa lên tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*)	* Mục tiêu tổng quát: Khảo sát hoạt chất sinh học trong một số chiết xuất thảo dược và đánh giá ảnh hưởng của các chiết xuất lên tăng trưởng, miễn dịch, khả năng chống chịu stress, kháng bệnh và chất lượng sản phẩm của tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*). * Mục tiêu cụ thể: (1) Sàng lọc một số loài thảo dược giàu hàm lượng hoạt chất kháng oxy hóa, và định lượng các nhóm hoạt chất chính có tác dụng sinh học. (2) Xác định hoạt tính sinh học của chiết xuất thảo dược *in vitro*. (3) Nghiên cứu ảnh hưởng của chiết xuất thảo dược có hoạt tính sinh học mạnh lên tăng trưởng, tỉ lệ sống và enzyme tiêu hóa của tôm thẻ chân trắng in vivo. (4) Đánh giá ảnh hưởng của chiết xuất thảo dược có hoạt tính sinh học mạnh, lên khả năng miễn dịch, kháng bệnh và chống chịu stress của tôm thẻ chân trắng in vivo. (5) Đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung chiết xuất thảo dược, lên khả năng điều hòa hoạt động của gen kháng oxy hóa và điều hòa miễn dịch trên tôm thẻ chân trắng in vivo. (6) Đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung chiết xuất thảo dược lên chất lượng thịt, và hàm lượng dinh dưỡng của tôm thẻ chân trắng.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE): Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus: Q3/Q4. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 0.75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình thử nghiệm bổ sung chiết xuất thảo dược giàu hàm lượng chất kháng oxy hóa, có tác động hiệu quả đến sự tăng trưởng, miễn dịch, sức đề kháng, chống chịu stress, và chất lượng sản phẩm của tôm thẻ chân trắng.	TS. Trương Thị Phương Thảo	550	550	0

7	Nghiên cứu sự lưu hành, đặc điểm độc lực, đề kháng kháng sinh và hiệu quả ức chế của dược liệu trên một số tác nhân gây bệnh đường hô hấp ở dê được nuôi tại Đồng bằng sông Cửu Long	* Mục tiêu cụ thể: (1) Xác định sự lưu hành của một số mầm bệnh vi khuẩn (Pasteurella, Staphylococcus, E. coli) và virus (virus Caprine arthritis-encephalitis (CAEV), Parainfluenza-3 (PI-3)) gây bệnh trên đường hô hấp của dê tại Đồng bằng sông Cửu Long. (2) Xác định độc lực và đề kháng kháng sinh của các chủng vi khuẩn gây bệnh đường hô hấp trên dê. (3) Xác định sự tương đồng di truyền của các chủng vi khuẩn và virus gây bệnh hô hấp trên dê tại Đồng bằng sông Cửu Long và các chủng vaccine, tham chiếu trên thế giới (4) Sử dụng dược liệu trong việc ức chế vi khuẩn gây bệnh hô hấp trên dê trong điều kiện in vitro.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus 01 bài Q2, 01 bài Q3. - 04 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 1.0 điểm. - 01 sách tham khảo/sách chuyên khảo: Tài liệu kỹ thuật Phòng bệnh hô hấp dê. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 02 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ: Được chấp nhận đơn đăng ký: giải pháp hữu ích phòng bệnh hô hấp dê 4. Các sản phẩm ứng dụng khác: - Kết quả sử dụng dược liệu trong điều trị vi khuẩn gây bệnh đường hô hấp, từ đó ứng dụng trong thực tế điều trị, chăm sóc dê bị bệnh đường hô hấp. - Chuyển giao kết quả thử nghiệm cho công ty, đơn vị doanh nghiệp trong sản xuất, bào chế dược phẩm thú y. - Khuyến cáo lựa chọn vaccine phòng bệnh phù hợp với chủng đang lưu hành tại Đồng bằng sông Cửu Long	TS. Nguyễn Khánh Thuận	570	570	0

8	Nghiên cứu giảm sinh khí methane và nâng cao chất lượng thịt của bò thông qua việc bổ sung tảo đỏ (Asparagopsis taxiformis) và dầu đậu nành	* Mục tiêu tổng quát: Đánh giá được ảnh hưởng của việc bổ sung các mức tảo đỏ trong khẩu phần có hoặc không có bổ sung dầu đậu nành lên sự sản sinh khí CH4, tiêu hóa dưỡng chất, lên men dạ cỏ, hydro hóa các acid béo, tăng khối lượng và chất lượng thịt của bò. Kết quả của đề tài sẽ xác định được tỷ lệ bổ sung tối ưu của tảo đỏ trong khẩu phần của bò thịt giúp giảm sự sản sinh khí CH4 và nâng cao hàm lượng acid béo có lợi trong thịt. Trên cơ sở đó, khuyến cáo các công ty thức ăn chăn nuôi đưa tảo đỏ vào công thức sản xuất thức ăn hỗn hợp cho bò thịt và khuyến cáo các trang trại bò thịt trong cả nước sử dụng thức ăn hỗn hợp có bổ sung tảo đỏ. * Mục tiêu cụ thể: (1) Tìm ra mức độ bổ sung hợp lý của tảo đỏ trong khẩu phần của bò thịt có hoặc không có bổ sung dầu đậu nành làm giảm mạnh mẽ sự sản sinh khí CH4 và không hoặc ít ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ lệ tiêu hóa và khả năng lên men của dịch dạ cỏ. (2) Tìm ra mức độ bổ sung hợp lý của tảo đỏ trong khẩu phần của bò thịt có hoặc không có bổ sung dầu đậu nành giúp nâng cao hàm lượng các acid béo có lợi trong dịch dạ cỏ. (3) Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của bổ sung tảo đỏ trong khẩu phần của bò thịt lên sự sản sinh khí CH4, tăng khối lượng và hàm lượng acid béo có lợi trong thịt của bò. Đánh giá sinh trưởng, năng suất và chất lượng của bò thịt.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) 01 bài Q1, 01 bài Q2. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Công thức khẩu phần của bò thịt có bổ sung tảo đỏ giúp giảm sinh khí CH4 in vitro và không hoặc ít ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ lệ tiêu hóa và khả năng lên men của dịch dạ cỏ. - Công thức khẩu phần của bò thịt có bổ sung tảo đỏ và dầu đậu nành giúp giảm sinh khí CH4 in vitro và nâng cao hàm lượng các acid béo có lợi trong dịch dạ cỏ. - Quy trình bổ sung tảo đỏ vào khẩu phần của bò thịt giúp giảm sinh khí CH4 và nâng cao hàm lượng các acid béo có lợi trong thịt bò.	PGS.TS. Lâm Phước Thành	600	600	0

8	Nghiên cứu giảm sinh khí methane và nâng cao chất lượng thịt của bò thông qua việc bổ sung tảo đỏ (Asparagopsis taxiformis) và dầu đậu nành	* Mục tiêu tổng quát: Đánh giá được ảnh hưởng của việc bổ sung các mức tảo đỏ trong khẩu phần có hoặc không có bổ sung dầu đậu nành lên sự sản sinh khí CH4, tiêu hóa dưỡng chất, lên men dạ cỏ, hydro hóa các acid béo, tăng khối lượng và chất lượng thịt của bò. Kết quả của đề tài sẽ xác định được tỷ lệ bổ sung tối ưu của tảo đỏ trong khẩu phần của bò thịt giúp giảm sự sản sinh khí CH4 và nâng cao hàm lượng acid béo có lợi trong thịt. Trên cơ sở đó, khuyến cáo các công ty thức ăn chăn nuôi đưa tảo đỏ vào công thức sản xuất thức ăn hỗn hợp cho bò thịt và khuyến cáo các trang trại bò thịt trong cả nước sử dụng thức ăn hỗn hợp có bổ sung tảo đỏ. * Mục tiêu cụ thể: (1) Tìm ra mức độ bổ sung hợp lý của tảo đỏ trong khẩu phần của bò thịt có hoặc không có bổ sung dầu đậu nành làm giảm mạnh mẽ sự sản sinh khí CH4 và không hoặc ít ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ lệ tiêu hóa và khả năng lên men của dịch dạ cỏ. (2) Tìm ra mức độ bổ sung hợp lý của tảo đỏ trong khẩu phần của bò thịt có hoặc không có bổ sung dầu đậu nành giúp nâng cao hàm lượng các acid béo có lợi trong dịch dạ cỏ. (3) Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của bổ sung tảo đỏ trong khẩu phần của bò thịt lên sự sản sinh khí CH4, tăng khối lượng và hàm lượng acid béo có lợi trong thịt của bò. Đánh giá sinh trưởng, năng suất và chất lượng của bò thịt.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) 01 bài Q1, 01 bài Q2. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Công thức khẩu phần của bò thịt có bổ sung tảo đỏ giúp giảm sinh khí CH4 in vitro và không hoặc ít ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ lệ tiêu hóa và khả năng lên men của dịch dạ cỏ. - Công thức khẩu phần của bò thịt có bổ sung tảo đỏ và dầu đậu nành giúp giảm sinh khí CH4 in vitro và nâng cao hàm lượng các acid béo có lợi trong dịch dạ cỏ. - Quy trình bổ sung tảo đỏ vào khẩu phần của bò thịt giúp giảm sinh khí CH4 và nâng cao hàm lượng các acid béo có lợi trong thịt bò.	PGS.TS. Lâm Phước Thành	600	600	0

9	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản và thử nghiệm sản xuất giống mực ống (*Uroteuthis chinensis*)	* Mục tiêu chung: Xác định được một số đặc điểm sinh học, sinh sản của mực ống trong điều kiện nuôi và thử nghiệm thành công sản xuất giống mực ống	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q3 trở lên. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 1.0 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo kết quả về một số đặc điểm sinh sản của mực ống và mực nang. - Báo cáo kết quả về thử nghiệm sản xuất giống mực ống.	PGS.TS. Ngô Thị Thu Thảo	500	500	0
10	Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nước trên hành tím tại huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	* Mục tiêu cụ thể: (1) Xác định được giải pháp tưới nước và bón phân thích hợp giúp cải thiện hiệu quả sử dụng nước, nâng cao năng suất, chất lượng hành tím và hiệu quả kinh tế của sản xuất hành tím tại Vĩnh Châu. (2) Đánh giá được hiệu quả và tính khả thi của kỹ thuật cải tiến.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình sản xuất hành tím	TS. Nguyễn Thành Tâm	340	340	0

11	Nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể và điều kiện nuôi trồng đến năng suất và chất lượng mối đen (*Xerula radicata*) phân lập từ tự nhiên	* Mục tiêu cụ thể: (1) Xác định được giá thể và điều kiện nuôi trồng thích hợp đến năng suất và chất lượng nấm mối đen. (2) Xây dựng được các sản phẩm chế biến (nấm mối đen sấy lạnh, nem chua chay và muối chua) từ nấm mối đen (3) Xây dựng được quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ nguồn phôi thải sau quá trình trồng nấm.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q3/Q4. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus 01 bài Q1/Q2, 01 bài Q3/Q4. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 1.0 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 02 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài; Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình nuôi trồng nấm mối đen và nấm mối đen với các thông số dinh dưỡng và hoạt tính sinh học. - Quy trình sản xuất nấm mối đen sấy lạnh và sản phẩm nấm mối ở dạng sấy lạnh đạt yêu cầu theo QCVN 8-3:2010/BYT. - Quy trình sản xuất nem chua nấm mối đen và sản phẩm nem chua nấm mối đen đạt yêu cầu theo QCVN 8-3:2010/BYT. - Quy trình sản xuất nấm mối đen muối chua và sản phẩm nấm mối đen muối chua đạt yêu cầu theo QCVN 8-3:2010/BYT. - Quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phôi thải trồng nấm mối đen và sản phẩm phân hữu cơ vi sinh đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-189:2019/BNNPTNT. 4. Các sản phẩm khác: - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng nấm mối đen.	TS. Trần Thị Giang	650	650	0

12	Ảnh hưởng của chi tiêu R&D và chuyển đổi kiến thức giữa các thế hệ đến kết quả đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở đồng bằng sông Cửu Long	- Làm rõ cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn về R&D, chuyển đổi kiến thức giữa các thế hệ, chấp nhận công nghệ sản xuất xanh và kết quả đổi mới sản phẩm của doanh nghiệp. - Đo lường được ảnh hưởng của chi tiêu R&D, chuyển đổi kiến thức giữa các thế hệ đến kết quả đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp ở ĐBSCL và đánh giá được vai trò điều tiết của chấp nhận công nghệ sản xuất xanh tới sự ảnh hưởng này. - Đề xuất được một số giải pháp quản lý nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp ở ĐBSCL nâng cao kết quả đổi mới sản phẩm trong thời gian tới.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng về chi tiêu R&D, chuyển đổi kiến thức giữa các thế hệ đến kết quả đổi mới sản phẩm của doanh nghiệp. - Báo cáo phân tích ảnh hưởng của chi tiêu R&D, chuyển đổi kiến thức giữa các thế hệ đến kết quả đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp ở ĐBSCL và đánh giá vai trò điều tiết của chấp nhận công nghệ sản xuất xanh tới sự ảnh hưởng này. - Bản đề xuất một số giải pháp quản lý nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp ở ĐBSCL nâng cao kết quả đổi mới sản phẩm trong thời gian tới.	PGS.TS Võ Văn Dứt	300	300	0

13	Ảnh hưởng của mức độ công bố thông tin kế toán môi trường đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tại Đồng bằng sông Cửu Long.	- Làm rõ khung lý thuyết về kế toán môi trường và công bố thông tin kế toán môi trường của doanh nghiệp gắn với đặc thù doanh nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm. - Xây dựng mô hình lượng hóa và đánh giá được thực trạng kế toán môi trường và mức độ công bố thông tin kế toán môi trường của các doanh nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tại ĐBSCL. - Đánh giá được ảnh hưởng của mức độ công bố thông tin kế toán môi trường đến kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp chế nông sản, thực phẩm tại ĐBSCL. - Đề xuất được giải pháp cho các doanh nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tại ĐBSCL nhằm hoàn thiện kế toán môi trường; và hàm ý chính sách đối với Nhà nước nhằm thúc đẩy minh bạch hóa thông tin kế toán môi trường, góp phần nâng cao kết quả hoạt động của các doanh nghiệp này.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng kế toán môi trường và mức độ công bố thông tin kế toán môi trường của các doanh nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tại ĐBSCL. - Báo cáo phân tích ảnh hưởng của mức độ công bố thông tin kế toán môi trường đến kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp chế nông sản, thực phẩm tại ĐBSCL. - Bản đề xuất giải pháp cho các doanh nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tại ĐBSCL nhằm hoàn thiện kế toán môi trường; và hàm ý chính sách đối với Nhà nước nhằm thúc đẩy minh bạch hóa thông tin kế toán môi trường, góp phần nâng cao kết quả hoạt động của các doanh nghiệp này.	PGS.TS Nguyễn Hữu Đặng	300	300	0

14	Bản sắc văn hóa vùng miền trong văn học Đồng bằng sông Cửu Long đầu thế kỷ 21	Đánh giá hiện trạng, phân tích đặc điểm, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến bản sắc văn hóa vùng miền trong văn học Đồng bằng sông Cửu Long đầu thế kỷ 21 và đề xuất giải pháp để phát triển bản sắc văn hóa vùng niềm trong văn học Đồng bằng sông Cửu Long.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí có trong hệ thống SCOPUS, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. - 03 bài báo đăng trên tạp chí được HĐCDGSNN tính từ 0,75 điểm trở lên. - 01 tham khảo được xuất bản hoặc có QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn hoặc học viên là thành viên của đề tài hoặc hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn khoa học hoặc NCS là thành viên của đề tài.	TS. Bùi Thanh Thảo	300	300	0
15	Pháp luật về phát triển quỹ đất để thu hút đầu tư - Thực tiễn tại các đô thị ở tỉnh, thành phía Nam	Xây dựng khung lý thuyết về phát triển quỹ đất trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, từ đó làm cơ sở đánh giá và nhận diện các hạn chế trong quy định pháp luật cũng như thông qua khảo sát thực tiễn hoạt động phát triển quỹ đất thu hút đầu tư vào các đô thị ở tỉnh, thành phía Nam để đề xuất hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về phát triển quỹ đất.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục của Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 đến 01 điểm - 01 Sách chuyên khảo được xuất bản/có QĐ xuất bản, có mã số ISBN. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn khoa học hoặc học viên là thành viên của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Sổ tay hướng dẫn công tác phát triển quỹ đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và văn bản hướng dẫn thi hành. 4. Các sản phẩm khác: - Clip ngắn về kết quả thực hiện đề tài đáp ứng yêu cầu thông tin và truyền thông.	PGS. TS. Phan Trung Hiền	400	400	0

16	Thúc đẩy niềm tin và thực hành giảng dạy của sinh viên Sư phạm Toán đối với việc dạy học chứng minh	Nghiên cứu cơ sở lý luận, làm rõ thực trạng về niềm tin và thực hành giảng dạy của sinh viên Sư phạm Toán học đối với việc dạy học chứng minh. Làm rõ những yếu tố góp phần thay đổi niềm tin và thực hành của sinh viên Sư phạm Toán học đối với việc dạy học chứng minh. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy niềm tin và thực hành của sinh viên Sư phạm Toán học đối với việc dạy học chứng minh.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Mô hình sư phạm thúc đẩy niềm tin và thực hành dạy học chứng minh cho sinh viên Sư phạm Toán.	PGS.TS Dương Hữu Tòng	400	400	0
17	Tính bền vững của công tác bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh tại các vùng khó khăn đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018	Đánh giá được tính bền vững của hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh tại các vùng khó khăn đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tiếng Anh năm 2018	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài có trong chỉ mục của Scopus - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí có trong danh mục được tính điểm của HĐGSNN. - 01 sách tham khảo có chỉ số IBSN được chấp nhận xuất bản. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh: 01 - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tính bền vững của hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh tại các vùng khó khăn đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tiếng Anh năm 2018. - Mô hình bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh tại vùng khó khăn theo hướng bền vững và tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình	PGS.TS. Trịnh Quốc Lập	320	320	0
Tổng cộng:					**8130**	**7980**	**150**

(Danh mục gồm 17 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Đà Lạt

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu chế tạo và biến tính vật liệu than sinh học từ vỏ cây thông và ứng dụng hấp phụ một số kháng sinh.	Nghiên cứu chế tạo vật liệu than sinh học có nguồn gốc từ vỏ cây thông *Pinus kesiya* và đánh giá hiệu suất hấp phụ kháng sinh ciprofloxacin và tetracycline trên vật liệu.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình chế tạo than sinh học từ vỏ cây thông; - 01 quy trình hấp phụ kháng sinh trên vật liệu tổng hợp được. *Đề nghị:* Đã công bố 02 bài báo đăng trên Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam (2023, 2024) về lĩnh vực nghiên cứu. Cần làm rõ phương pháp cacbon hóa mới và khả năng hấp phụ một số kháng sinh khác so với 02 bài báo đã công bố.	TS. Huỳnh Phương Thảo	500	500	0

2	Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng dịch thủy phân protein từ phụ phẩm thủy sản trong sản xuất rau hữu cơ.	* Mục tiêu cụ thể: (1) Xây dựng được quy trình sản xuất protein thủy phân từ phụ phẩm thủy sản. (2) Xây dựng được mô hình trồng rau hữu cơ hiệu quả sử dụng chế phẩm chiết xuất từ đạm cá.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE), Q2 trở lên; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,5 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 quy trình sản xuất dịch protein thủy phân từ cá nước ngọt và các loại phụ phẩm. - 02 loại chế phẩm dinh dưỡng cây trồng chứa protein thủy phân. - 04 Mô hình trồng rau hữu cơ (02 rau ăn lá, 02 rau ăn quả) sử dụng dịch chiết thủy phân.	ThS. Phan Hoàng Đại	450	450	0
3	Mô hình giáo dục cộng đồng dựa vào nội lực nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp cho thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số: Trường hợp tỉnh Lâm Đồng	Đề xuất được giải pháp nâng cao năng lực nghề nghiệp cho thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Lâm Đồng thông qua phát huy hiệu quả của các mô hình giáo dục cộng đồng địa phương	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín nước ngoài Scopus được chấp nhận đăng; - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí được HĐCDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên; 2. Sản phẩm đào tạo: 01 học viên cao học (bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá thực trạng về nghề nghiệp của thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng; - Báo cáo hệ thống các giải pháp thực tiễn trong việc xây dựng mô hình giáo dục cộng đồng cho thanh niên dân tộc thiểu số;	TS. Đỗ Văn Toản	400	400	0

4	Nghiên cứu các loại hình kết cấu biểu đạt chuyển động trong tiếng Việt theo lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận	Vận dụng Ngôn ngữ học tri nhận về chuyển động và các loại hình kết cấu biểu đạt chuyển động nói chung để nghiên cứu chỉ ra được các loại hình kết cấu biểu đạt chuyển động trong tiếng Việt, đề xuất một số giải pháp dạy và học các loại hình kết cấu biểu đạt chuyển động trong tiếng Việt từ góc độ sự phạm dạy và học tiếng theo ánh sáng của Ngôn ngữ học tri nhận.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 0,75 điểm trở lên; - 01 bản thảo sách tham khảo được xuất bản/có QĐ xuất bản, có mã số ISBN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn khoa học hoặc học viên là thành viên của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích khung cơ sở lý luận khoa học về kiến thức và kỹ năng nhận diện, phân tích các mô hình kết cấu chuyển động hư cấu tiếng Việt cho các ngành Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ Anh. - Báo cáo phân tích, đánh giá và miêu tả các đặc điểm ngôn ngữ và văn hoá của các loại hình kết cấu chuyển động hư cấu tiếng Việt, có so sánh-đối chiếu với tiếng Anh. - Bản đề xuất các khuyến nghị về việc dạy và học các kiểu kết cấu chuyển động hư cấu tiếng Việt trong lĩnh vực sự phạm dạy tiếng, kể cả tiếng mẹ đẻ lẫn ngoại ngữ 4. Các sản phẩm khác: Không	PGS. TS. Dương Hữu Biên	350	350	0
Tổng cộng:					**1700**	**1700**	**0**

(Danh mục gồm 04 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Đồng Tháp

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ từ biomass cây Dừa ứng dụng xử lý các ion kim loại nặng, chất màu hữu cơ trong nước	Chế tạo được các loại vật liệu từ biomass Dừa có khả năng xử lý tốt các chất ô nhiễm trong môi trường nước như các ion kim loại nặng (As, Cu, Cd,…) và các chất màu hữu cơ (methylene xanh, Congo đỏ,…).	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 03 mẫu vật liệu biến tính chế tạo từ biomass cây dừa, mỗi loại 500g ; - 01 quy biến tính vật liệu hấp phụ chế tạo từ biomass cây dừa; - 01 mô hình tính toán, mô phỏng cấu trúc tương tác giữa vật liệu và các chất ô nhiễm trong môi trường nước.	ThS. Nguyễn Minh Thảo	570	570	0

2	Ảnh hưởng của các mô hình canh tác lúa đến khả năng phát thải khí nhà kính, độ phì nhiêu đất và đề xuất mô hình canh tác lúa bền vững gắn với tăng trưởng xanh ở khu vực Đồng Tháp Mười	* Mục tiêu chung Đánh giá ảnh hưởng của các mô hình canh tác lúa đến khả năng phát thải khí nhà kính và độ phì nhiêu đất; Xây dựng được bản đồ phân bố khả năng phát thải khí nhà kính và độ phì nhiêu của đất từ các mô hình canh tác lúa; từ đó đề xuất mô hình canh tác lúa bền vững gắn với tăng trưởng xanh ở khu vực Đồng Tháp Mười. * Mục tiêu cụ thể (1) Đánh giá được hiện trạng canh tác của các mô hình trồng lúa khu vực ĐTM; (2) Đánh giá được ảnh hưởng của các mô hình canh tác lúa đến khả năng phát thải khí nhà kính và độ phì nhiêu đất khu vực ĐTM; (3) Xây dựng được bản đồ phân bố phát thải khí nhà kính và độ phì nhiêu đất cho khu vực Đồng Tháp Mười; (4) Đề xuất được mô hình canh tác lúa bền vững gắn với tăng trưởng xanh ở khu khu vực ĐTM.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) 01 bài Q2 trở lên, 01 bài Q4 trở lên. - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.5 - 1.0 điểm 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bộ dữ liệu và bản đồ phân bố khả năng phát thải khí nhà kính khu vực ĐTM; - Bộ dữ liệu và bản đồ phân bố về độ phì nhiêu đất khu vực ĐTM; - Mô hình canh tác lúa bền vững theo hướng phát thải thấp và tăng trưởng xanh. 4. Các sản phẩm khác: - Tài liệu tập huấn/tài liệu hướng dẫn/tài liệu hỗ trợ giảng dạy về canh tác lúa theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường.	TS. Nguyễn Thị Phương	600	600	0

3	Nghiên cứu mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường phổ thông Dân tộc nội trú khu vực Nam bộ	Xây dựng được khung lí thuyết về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú; Đánh giá được thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Nam bộ hiện nay; Đề xuất và thử nghiệm mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Nam bộ	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài trong danh mục ACI; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Sổ tay hướng dẫn Giáo viên thực hiện các mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Nam bộ; - Mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Nam bộ.	TS. Trần Đại Nghĩa	300	300	0
4	Phát triển năng lực dạy học theo mô hình TPACK cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh giáo dục 4.0	Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển năng lực dạy học theo mô hình TPACK cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong bối cảnh giáo dục 4.0. Khảo sát, phân tích và đánh giá được thực trạng phát triển năng lực dạy học theo mô hình TPACK cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh giáo dục 4.0. Đề xuất được các biện pháp phát triển năng lực dạy học theo mô hình TPACK cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh giáo dục 4.0.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 03 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,75 điểm trở lên; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Khung năng lực dạy học theo mô hình TPACK cho cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học trong bối cảnh giáo dục 4.0. - 01 Báo cáo phân tích thực trạng và đề xuất biện pháp phát triển năng lực dạy học theo mô hình TPACK của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. - 01 bộ tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học.	TS. Nguyễn Thị Kiều	410	410	0

5	Tích hợp giáo dục văn hóa địa phương vào dạy các môn tiếng Anh đối với sinh viên các Khoa Ngoại ngữ vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Hệ thống hoá cơ sở lý luận về mô hình tích hợp giáo dục văn hóa địa phương vào dạy các môn tiếng Anh ở các trường đại học; đánh giá được thực trạng giáo dục văn hóa địa phương vào dạy các môn tiếng Anh tại các Khoa Ngoại ngữ ở các trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất mô hình tích hợp giáo dục văn hóa địa phương vào dạy các môn tiếng Anh tại các Khoa Ngoại ngữ ở các trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0.75 điểm trở lên; - 01 sách tham khảo về tích hợp giáo dục văn hóa địa phương vào dạy tiếng Anh các môn chuyên ngành cho sinh viên. 2. Sản phẩm đào tạo: - 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bản đề xuất mô hình tích hợp giáo dục văn hóa địa phương vào dạy tiếng Anh các môn chuyên ngành cho sinh viên Khoa Ngoại ngữ các trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.	TS. Võ Phan Thu Ngân	400	400	0
6	Xây dựng mô hình ứng dụng Công nghệ thông tin hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh THPT	Xây dựng được mô hình ứng dụng CNTT hỗ trợ hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp ở bậc THPT khu vực đồng bằng SCL	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng thuộc danh mục Scopus/ESCI. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước (điểm số 0.75). 2. Sản phẩm đào tạo Đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo về mô hình ứng dụng CNTT vào hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp ở trường THPT. - Báo cáo về giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh THPT với sự hỗ trợ của Công nghệ thông tin	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Dung	370	370	0
Tổng cộng:					**2650**	**2650**	**0**

(Danh mục gồm 06 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Giao thông vận tải

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu chiết tách, tác dụng chống gout của một số hợp chất trong cây cù đèn đồng nai (Croton dongnaiensis) và cây râm tàu (Ligustrum sinense)	Xác định được thành phần hóa học và khả năng chống gout của một số hợp chất từ cây cù đèn đồng nai (Croton dongnaiensis)/cây râm tàu (Ligustrum sinense)	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 bài Q1, 01 bài Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 02 sơ đồ phân lập các hợp chất từ cây cù đèn đồng nai (Croton dongnaiensis) và s cây râm tàu (Ligustrum sinense) - 01 sản phẩm đăng kí sở hữu trí tuệ được chấp nhận đơn.	TS. Trần Thúy Nga	680	680	0

2	Thiết kế, chế tạo hệ thống ép phun nhựa có tính năng tối ưu động và chu trình ép phun ngắn ứng dụng thông minh nhân tạo và in 3D	-Làm chủ được công nghệ thiết kế, chế tạo khuôn theo mô đun với chi tiết lòng, lõi có kênh làm mát theo biên dạng sản phẩm được in 3D; - Thiết kế và chế tạo được máy ép phun có hệ thống điều khiển dựa trên thông minh nhân tạo cho phép giám sát và tối ưu động thông số công nghệ ép.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, 01 bài xếp hạng: Q1/ Q2, 01 bài xếp hạng: Q3/ Q4; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bằng sáng chế (được chấp nhận đơn) l; - 01 máy ép phun nhựa với hệ thống điều khiển tối ưu động với các thông số kỹ thuật: Lực kẹp khuôn: 8 tấn; Áp lực phun: 60 – 120 MPa; Đường kính lỗ phun: 2 mm; Số vòng quay động cơ: tối đa 1200 vòng/phút; Làm mát bằng nước; Kích thước khuôn lớn nhất: 145 mm × 145 mm × 200 mm; Nhiệt độ ép: tối đa 420 oC; Vật liệu ép: PP, ABS, PE; Hệ điều khiển cho phép tối ưu động các tham số ép phun. + 01 bộ khuôn mẫu theo mô đun với chi tiết lòng, lõi in 3D: Làm mát bằng nước; kênh làm mát của chi tiết lòng, lõi khuôn được in 3D; Kích thước khuôn lớn nhất: 145 mm × 145 mm × 200 mm; Số lòng khuôn: 02; - 01 bộ bản vẽ thiết kế khuôn; - 01 bộ bản vẽ thiết kế máy ép phun.	PGS.TS Trần Ngọc Hiền	750	750	0

3	Nghiên cứu kết hợp hệ thống cảnh báo mất ổn định ngang và hệ thống ổn định ngang chủ động để nâng cao tính an toàn chuyển động của ô tô.	- Hoàn thiện và kết hợp thành công hệ thống cảnh báo mất ổn định ngang và hệ thống ổn định ngang chủ động nhằm nâng cao tính an toàn chuyển động của ô tô. - Mô phỏng đánh giá được đáp ứng của một số dạng ô tô như ô tô con, ô tô có tải trọng lớn.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh thực hiện chuyên đề nghiên cứu sinh theo hướng của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 module điều khiển được thiết kế, chế tạo cho hệ thống ổn định ngang chủ động trên ô tô con. + Các thông số kỹ thuật của module điều khiển được thiết kế, chế tạo: Thông số đầu vào: gia tốc ngang có giá trị lớn nhất 2 m/s2, vận tốc góc lắc ngang thân xe có gia trị lớn nhất 3 độ/s. Thông số đầu ra: cường độ dòng điện và/hoặc hiệu điện thế cho cơ cấu chấp hành dạng thủy lực điều khiển bằng điện có mô men đầu ra đạt giá trị lớn nhất 300 Nm; Đối tượng lắp đặt: trên ô tô con có trọng lượng toàn bộ lớn nhất 1200 kg. Nhiệt độ làm việc: tối đa 70 0C + Phạm vi sử dụng: Tại các nhà máy sản xuất lắp ráp ô tô, tại các phòng thí nghiệm, tại các Trường đại học kỹ thuật. - 01 chương trình máy tính bằng phần mềm Matlab/Simulink để mô phỏng kết hợp hệ thống cảnh báo mất ổn định ngang và hệ thống ổn định ngang chủ động. + Kết cấu của chương trình máy tính gồm: Chương trình mô phỏng chuyển động của xe con, xe tải; Chương trình mô phỏng bộ điều khiển cho hệ thống ổn định ngang chủ động; Chương trình mô phỏng cho hệ thống cảnh báo ổn định ngang. 4. Các sản phẩm khác: - 01 sáng chế (được chấp nhận đơn); - 01 báo cáo tổng quan về hệ thống cảnh báo mất ổn định ngang và hệ thống ổn định ngang chủ động. - 01 báo cáo kết quả khảo sát để xác định chiến lược cho hệ thống cảnh báo mất ổn định ngang bằng mô hình ô tô tuyến tính và mô hình ô tô phi tuyến từ phầm mềm chuyên dụng CarSim và TruckSim.	PGS.TS Vũ Văn Tấn	650	650	0

4	Nghiên cứu phát triển chip bảo mật chuyên dụng cho lược đồ ký số hậu lượng tử sử dụng công nghệ FPGA	- Thiết kế, phát triển và thử nghiệm thành công chip bảo mật chuyên dụng cho lược đồ ký số hậu lượng tử Falcon sử dụng công nghệ FPGA - Đánh giá được hiệu quả thực thi phần cứng mật mã hậu lượng tử Falcon trên nền tảng phần cứng FPGA	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, 01 bài xếp hạng: Q1/ Q2, 01 bài xếp hạng: Q3/ Q4; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bằng sáng chế (được chấp nhận đơn); - 01 Bản thiết kế tổng thể chip + Có đầy đủ sơ đồ khối, sơ đồ chi tiết + Thực thi được trên FPGA phổ thông - 01 chip bảo mật chuyên dụng cho lược đồ ký số hậu lượng tử sử dụng công nghệ FPGA: + Kích thước đóng gói (mm): 100×200×100 □ 200×145×68 + Bộ nhớ Flash: 256 MB + Giao tiếp: Ethernet 100/1000 Mbps, USB 2.0, SPI, I2C + Bộ nhớ: DDR3 + Clock chuẩn: 50 MHz + Điện áp nguồn: 5VDC + Mô đun bảo mật: với thuật toán hậu lượng tử Falcon - 01 Chương trình máy tính kết nối chip: +Hoạt động trên các hệ điều hành Window, Ubuntu +Thực hiện các chức năng: tạo chữ ký, ký số và xác thực chữ ký hậu lượng tử Falcon	PGS.TS Đào Thanh Toản	680	680	0

5	Nghiên cứu chế tạo vật liệu composite thấm nhập pha sử dụng công nghệ in 3D từ polyme và bê tông hạt mịn ứng dụng trong công trình xây dựng	Chế tạo và xác định được một số tính chất cơ học của vật liệu composite thấm nhập pha sử dụng công nghệ in 3D từ polyme và bê tông hạt mịn ứng dụng trong công trình xây dựng	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài); 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn); - 01 Bộ số liệu thực nghiệm một số tính chất cơ học của vật liệu composite thấm nhập pha sử dụng công nghệ in 3D từ polyme và bê tông hạt mịn.	TS. Lê Minh Cường	650	650	0
6	Mô đun phức động và đặc tính từ biến của bê tông bán mềm: thực nghiệm và mô phỏng	- Xác định được mô đun phức động, hệ số Poát xông phức động và đặc tính từ biến của bê tông bán mềm; - Mô phỏng được ứng xử cơ học của vật liệu bê tông bán mềm và xây dựng quan hệ ứng xử của bê tông nhựa rỗng – bê tông nhựa – bê tông bán mềm với các tổ hợp thành phần vật liệu, độ rỗng khác nhau.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 1 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài); 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Hướng dẫn xây dựng thiết bị, phương thức và trình tự thực hiện thí nghiệm mô đun phức động 3D trong điều kiện kiểm soát yếu tố nhiệt độ và tốc độ gia tải- Áp dụng trong các phòng thí nghiệm công trình; - 01 Bộ số liệu thực nghiệm mô đun phức động, hệ số Poát xông phức động và đặc tính từ biến của bê tông bán mềm; - 01 Catalogue mô đun động của một số loại bê tông nhựa phục vụ công tác thiết kế kết cấu.	PGS.TS Nguyễn Quang Tuấn	650	650	0

7	Nghiên cứu giải pháp logistics đô thị bền vững cho phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam	Đánh giá thực trạng và chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đô thị thông minh theo cách tiếp cận của logistics đô thị bền vững. Từ đó nghiên cứu sẽ đề xuất giải pháp logistics đô thị bền vững để phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam đến năm 2030.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 hệ thống tích hợp kết nối thông tin phục vụ các hoạt động logistics đô thị bền vững (Demo trên Website) - 01 ứng dụng người sử dụng trong 1 đơn vị hành chính (tỉnh, thành phố) trên nền tảng web-base.	TS. Nguyễn Thị Vân Hà	450	450	0
8	Áp dụng phương pháp đánh giá tính đáp ứng phát triển bền vững của chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông sử dụng dấu vết carbon	Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về sử dụng dấu vết carbon làm công cụ hỗ trợ việc đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông để đạt tới giáo dục phát triển bền vững tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Sổ tay hướng dẫn đánh giá chương trình đào tạo sử dụng dấu vết carbon. - 01 Báo cáo kết quả đánh giá chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông bằng dấu vết carbon. - 01 Báo cáo khuyến nghị giải pháp đổi mới chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.	PGS.TS Trần Thị Thu Hằng	450	450	0

9	Phát triển chương trình đào tạo nhận thức về an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến cao tốc ở Việt Nam	Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn về an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến cao tốc từ góc độ nhận thức của người tham gia giao thông. Từ đó xây dựng tài liệu bồi dưỡng kỹ năng và nâng cao nhận thức cho người tham gia giao thông trên các tuyến đường cao tốc; Phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho sinh viên ngành Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông và sinh viên các trường đại học.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Sổ tay hướng dẫn an toàn giao thông từ đó có thể phát triển xây dựng các bài giảng trực tuyến, website hướng dẫn… để tăng khả năng tiếp cận và học tập đối với người tham gia giao thông. - 01 Bài giảng về an toàn giao thông trên đường cao tốc cho sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông và sinh viên các trường Đại học. - 01 Tài liệu giảng dạy (trực tuyến hoặc trực tiếp) các kỹ năng xử lý tình huống khi gặp sự cố trên đường cao tốc. - Chương trình đào tạo về an toàn giao thông đường bộ trên các tuyến đường cao tốc ở Việt Nam.	PGS.TS Chu Tiến Dũng	480	480	0
Tổng cộng:					**5440**	**5440**	**0**

(Danh mục gồm 09 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu thực thi chính sách về khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam và đề xuất giải pháp hoàn thiện	- Làm rõ những vấn đề lý luận về khởi nghiệp sáng tạo, chính sách khởi nghiệp sáng tạo và thực hiện chính sách khởi nghiệp sáng tạo, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện chính sách khởi nghiệp sáng tạo. - Đánh giá được thực trạng thực hiện chính sách khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp tăng cường thực hiện chính sách khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam trong thời gian tới.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN) 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng thực hiện chính sách khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp tăng cường thực hiện chính sách khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam trong thời gian tới.	TS Trần Thị Nguyệt	350	350	0

2	Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới chất lượng cuộc sống của nông hộ các tỉnh ven biển Bắc Bộ	- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới chất lượng cuộc sống nông hộ, các phương pháp đánh giá chất lượng cuộc sống. - Đánh giá được thực trạng biến đổi khí hậu và chất lượng cuộc sống nông hộ tại các tỉnh ven biển Bắc Bộ. - Đánh giá được ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới chất lượng cuộc sống nông hộ các tỉnh ven biển Bắc Bộ. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống nông hộ các tỉnh ven biển Bắc Bộ do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng biến đổi khí hậu và chất lượng cuộc sống nông hộ tại các tỉnh ven biển Bắc Bộ. - Báo cáo phân tích ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới chất lượng cuộc sống nông hộ các tỉnh ven biển Bắc Bộ. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống nông hộ các tỉnh ven biển Bắc Bộ do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.	GS.TS Đinh Đức Trường	360	360	0

3	Tác động của quản trị công ty tới công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	- Làm rõ cơ sở lý thuyết về tác động của quản trị công ty tới công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Xây dựng được mô hình nghiên cứu về tác động của quản trị công ty tới công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Đánh giá được tác động của quản trị công ty tới công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của quản trị công ty trong việc thúc đẩy công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với các đối tượng như doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ quan ban hành chính sách và các bên liên quan khác.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN) 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo về mô hình nghiên cứu về tác động của quản trị công ty tới công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Báo cáo đánh giá tác động của quản trị công ty tới công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của quản trị công ty trong việc thúc đẩy công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với các đối tượng như doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ quan ban hành chính sách và các bên liên quan khác.	TS. Lê Quỳnh Liên	350	350	0

4	Nghiên cứu kế toán chi phí môi trường gắn với phát triển bền vững và tăng trưởng xanh trong các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam	- Làm rõ khung lý thuyết về kế toán chi phí môi trường, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. - Phân tích được kinh nghiệm quốc tế về việc áp dụng và triển khai kế toán chi phí môi trường gắn với chiến lược phát triển bền vững và tăng trưởng xanh tại các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp lĩnh vực sản xuất thép. - Đánh giá được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán chi phí môi trường và công bố thông tin về chi phí môi trường của các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam gắn với mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm hoàn thiện kế toán chi phí môi trường gắn với phát triển bền vững và tăng trưởng xanh trong các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích kinh nghiệm quốc tế về việc áp dụng và triển khai kế toán chi phí môi trường gắn với chiến lược phát triển bền vững và tăng trưởng xanh tại các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp lĩnh vực sản xuất thép. - Báo cáo phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán chi phí môi trường và công bố thông tin về chi phí môi trường của các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam gắn với mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm hoàn thiện kế toán chi phí môi trường gắn với phát triển bền vững và tăng trưởng xanh trong các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam.	TS Nguyễn Thị Mai Anh	350	350	0

5	Nghiên cứu cơ chế tài chính bền vững cho các vườn quốc gia và khu bảo tồn Việt Nam trong bối cảnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.	- Làm rõ cơ sở lý luận và xây dựng khung nghiên cứu về cơ chế tài chính bền vững cho các vườn quốc gia và khu bảo tồn. - Đánh giá được hiện trạng các nguồn thu và chi của các vườn quốc gia, khu bảo tồn tại Việt Nam trong bối cảnh tự chủ tài chính. - Đánh giá được nhu cầu tài chính của các vườn quốc gia và khu bảo tồn tại Việt Nam phục vụ mục tiêu bảo tồn, phát triển trong bối cảnh tự chủ tài chính. - Xác định được các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước nhằm đa dạng hóa nguồn tài chính cho vườn quốc gia và khu bảo tồn tại Việt Nam. - Đề xuất được cơ chế tài chính bền vững cho các vườn quốc gia và khu bảo tồn tại Việt Nam trong bối cảnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích hiện trạng các nguồn thu và chi của các vườn quốc gia, khu bảo tồn tại Việt Nam trong bối cảnh tự chủ tài chính. - Báo cáo đánh giá nhu cầu tài chính của các vườn quốc gia và khu bảo tồn tại Việt Nam phục vụ mục tiêu bảo tồn, phát triển trong bối cảnh tự chủ tài chính. - Báo cáo phân tích các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước nhằm đa dạng hóa nguồn tài chính cho vườn quốc gia và khu bảo tồn tại Việt Nam. - Bản đề xuất cơ chế tài chính bền vững cho các vườn quốc gia và khu bảo tồn tại Việt Nam trong bối cảnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.	TS. Nguyễn Diệu Hằng	370	370	0

6	Quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý thuyết nghiên cứu về quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu của NHTM - Phân tích được các thông lệ và kinh nghiệm quốc tế trong quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu của các NHTM, từ đó rút ra các bài học cho Việt Nam. - Đánh giá được thực trạng quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu tại các NHTM Việt Nam. - Đề xuất được các khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu tại các NHTM Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích các thông lệ và kinh nghiệm quốc tế trong quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu của các NHTM, từ đó rút ra các bài học cho Việt Nam. - Báo cáo phân tích thực trạng quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu tại các NHTM Việt Nam. - Bản đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường quản trị rủi ro tài chính liên quan khí hậu tại các NHTM Việt Nam.	PGS.TS. Lê Thanh Tâm	370	370	0

7	Đánh giá ảnh hưởng của kiểm soát tín dụng tới khả năng sinh lợi của các công ty cổ phần kinh doanh Bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý luận về kiểm soát tín dụng tác động tới cơ cấu nợ và khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp và của các công ty cổ phần kinh doanh bất động sản. - Đánh giá được tác động của chính sách tín dụng, kiểm soát tín dụng tới khả năng vay nợ và khả năng sinh lợi của các công ty cổ phần kinh doanh bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách về kiểm soát tín dụng đối với các công ty cổ phần kinh doanh bất động sản.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá tác động của chính sách tín dụng, kiểm soát tín dụng tới khả năng vay nợ và khả năng sinh lợi của các công ty cổ phần kinh doanh bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách về kiểm soát tín dụng đối với các công ty cổ phần kinh doanh bất động sản.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang	350	350	0

8	Tác động của ràng buộc tài chính đến chuyển đổi số và hiệu quả của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý luận về phương pháp đo lường ràng buộc tài chính, chuyển đổi số và hiệu quả của các doanh nghiệp. - Đánh giá được ảnh hưởng của ràng buộc tài chính đến chuyển đổi số của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong bối cảnh đang diễn ra quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam. - Đánh giá được ảnh hưởng của chuyển đổi số đến hiệu quả của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong bối cảnh đang diễn ra quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam. - Đánh giá được ảnh hưởng của ràng buộc tài chính đến hiệu quả của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong bối cảnh đang diễn ra quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm tăng cường chuyển đổi số và hiệu quả của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong thời gian tới trước đòi hỏi của bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích ảnh hưởng của ràng buộc tài chính đến chuyển đổi số của các doanh nghiệp; ảnh hưởng của chuyển đổi số đến hiệu quả của các doanh nghiệp và ảnh hưởng của ràng buộc tài chính đến hiệu quả của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong bối cảnh đang diễn ra quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam. - Bản đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường chuyển đổi số và hiệu quả của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong thời gian tới trước đòi hỏi của bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.	PGS. TS. Nguyễn Việt Hùng	350	350	0
Tổng cộng:					**2850**	**2850**	**0**

(Danh mục gồm 08 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học SPKT TP. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Phân tích, đánh giá thành phần ô nhiễm và nguồn gốc hóa học trong hạt bụi PM2.5 tại một số vị trí thuộc Tp. Hồ Chí Minh	Xác định được các thành phần vô cơ và hữu cơ và nguồn gốc và rủi ro cho sức khỏe con người của chúng trong hạt bụi có các kích thước khác nhau	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: -- 01 bản báo cáo đánh giá rủi ro sức khỏe khi tiếp xúc với bụi mịn và các khuyến cáo về biện pháp giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng theo mô hình đánh giá của WHO và khuyến cáo của cơ bản bảo vệ môi trường Mỹ. - 01 báo cáo phân tích nguồn thải tiềm năng có thể hiện rõ phần trăm đóng góp của các nguồn ô nhiễm chính.	TS. Nguyễn Duy Đạt	500	500	0

2	Nghiên cứu chế tạo thiết bị gia nhiệt cục bộ và ứng dụng mô hình học máy để tối ưu hóa các thông số gia nhiệt khuôn phun ép sản phẩm composite thành mỏng	- Thiết kế và chế tạo thành công thiết bị gia nhiệt cục bộ khuôn phun ép với tốc độ gia nhiệt lòng khuôn lớn hơn 5 °C/s, kèm theo bộ khuôn phun ép có tích hợp tấm tích nhiệt trong lòng khuôn; - Ứng dụng thành công kỹ thuật học máy (machine learning) trong tối ưu hóa các thông số gia nhiệt khuôn phun ép với phương pháp gia nhiệt cục bộ.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, 01 bài xếp hạng: Q1/ Q2, 01 bài xếp hạng: Q3/ Q4; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus, xếp hạng Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 sáng chế (được chấp nhận đơn). + 01 thiết bị gia nhiệt cục bộ cho khuôn phun ép, phù hợp trong quy trình chế tạo bằng công nghệ phun ép với các sản phẩm dạng thành mỏng bằng vật liệu composite nhựa nhiệt dẻo. Thiết bị có các thông số cơ bản như sau: Kích thước thiết bị: 800 mm x 800 mm x 800 mm; Công suất tối đa: < 5 kW; Tốc độ gia nhiệt: > 5 °C/s; Diện tích gia nhiệt: > 170 mm2; + 01 bộ khuôn phun ép có tích hợp tấm tích nhiệt trong lòng khuôn, phù hợp với phương pháp gia nhiệt cục bộ. Bộ khuôn có các thông số cơ bản như sau: Kích thước khuôn: 450 mm x 450 mm x 450 mm; Số lòng khuôn: 01; Kích thước bao của lòng khuôn (sản phẩm): ≤ 170 mm x 20 mm x 1 mm; Nhiệt độ lòng khuôn: 30 oC – 150 oC; Thời gian chu kỳ: < 75 s; + 25 mẫu sản phẩm được chế tạo bằng công nghệ phun ép với phương pháp gia nhiệt cục bộ. Mẫu sản phẩm có các thông số như sau: Chiều dày: > 1 mm; Kích thước bao: > 170 mm x 20 mm Vật liệu composite: PA6+30%GF Theo tiêu chuẩn ASTM D1708 4. Sản phẩm khác: - 01 bộ bản vẽ thiết bị gia nhiệt cục bộ theo TCVN; - 01 bộ bản vẽ khuôn có tích hợp tấm tích nhiệt theo TCVN.	PGS.TS Đỗ Thành Trung	700	700	0



3	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị giải nhiệt cho thiết bị điện tử sử dụng kênh dẫn micro	- Thiết kế và chế tạo thành công thiết bị giải nhiệt cho thiết bị điện tử sử dụng kênh dẫn micro. - Đánh giá được hiệu quả giải nhiệt của thiết bị và so sánh với các phương pháp giải nhiệt truyền thống.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, 01 bài xếp hạng: Q1/ Q2, 01 bài xếp hạng: Q3/ Q4; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus, xếp hạng Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Sáng chế (chấp nhận đơn). - 01 thiết bị giải nhiệt kênh micro. Thiết bị có các thông số cơ bản như sau: + Thiết bị có thể tích hợp trên chip, với vùng kích thước nhỏ nhất 0.25mm + Mật độ dòng nhiệt của chip 50W/cm2 + Vùng nhiệt độ hoạt động: 40 – 80 oC + Vật liệu: nhựa hoặc kim loại (thép, nhôm,…) - 01 tập bản vẽ thiết kế thiết bị giải nhiệt kênh micro: Theo TCVN - 01 Sáng chế/Giải pháp hữu ích (chấp nhận đơn).	TS. Đặng Hùng Sơn	700	700	0
4	Xây dựng và phát triển thuật toán học sâu giúp nâng hiệu năng nhận dạng tín hiệu vô tuyến trong mạng truyền thông thế hệ mới	- Xây dựng và phát triển các thuật toán học sâu hiệu quả để nhận dạng tín hiệu vô tuyến trong mạng truyền thông thế hệ mới. - Xây dựng và phát triển thành công các thuật toán học sâu nhằm nâng cao hiệu năng nhận dạng tín hiệu vô tuyến trong trong môi trường mạng phức tạp.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, 01 bài xếp hạng: Q1/ Q2, 01 bài xếp hạng: Q3/ Q4; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 02 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn) - 01 Mô hình thuật toán trí tuệ nhân tạo có chức năng phân loại tín hiệu viễn thông dựa trên đặc trưng dạng sóng vô tuyến và đặc trưng phổ tần số nhằm nâng cao hiệu năng quản lý phổ tần số	TS. Huỳnh Thế Thiện	700	700	0

5	Nghiên cứu về sức khỏe tinh thần người lao động hướng đến phát triển bền vững trong xây dựng	- Xác định được tình trạng sức khỏe tinh thần của người lao động tại các công ty xây dựng; - Đề xuất được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của người lao động; - Đề xuất được các biện pháp nâng cao sức khỏe tinh thần của người lao động trong các công ty xây dựng.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, 01 bài xếp hạng: Q1/ Q2, 01 bài xếp hạng: Q3/ Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bộ tiêu chí xác định tình trạng sức khỏe tinh thần của người lao động tại các công ty xây dựng; - 01 hệ thống biện pháp nâng cao sức khỏe tinh thần của người lao động trong các công ty xây dựng. - 01 phần mềm ứng dụng có đầy đủ source code hỗ trợ việc đánh giá sức khỏe tinh thần của người lao động trong công ty xây dựng.	TS. Nguyễn Văn Minh	520	520	0
Tổng cộng:					**3120**	**3120**	**0**

(Danh mục gồm 05 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học SPKT Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế giảm tải và chia sẻ tài nguyên thông minh trong mạng 6G IoV	- Làm rõ được các giải pháp định tuyến giảm tải tính toán, định tuyến và chia sẻ dữ liệu trên mạng 6G IoV - Đề xuất được các giải pháp định tuyến, giảm tải và chia sẻ dữ liệu nhằm nâng cao hiệu năng và tiết kiệm năng lượng cho các mạng 6G IoV	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Mô hình mô phỏng mạng 6G IoV: Mô hình mô phỏng các kịch bản di động nhằm so sánh, đánh giá hiệu quả của cơ chế/thuật toán/giao thức đề xuất. - 01 Chương trình cài đặt các thuật toán của đề tài. Các thuật toán này được thực hiện trên mô hình giả lập.	TS. Vũ Khánh Quý	580	580	0

2	Nâng cao chất lượng biên dạng rotor cho bơm chân không và máy nén khí	- Xây dựng được phương pháp thiết kế rotor mới dành cho máy nén khí và bơm chân không có hiệu suất cao hơn so với thiết kế truyền thống. - Xây dựng được mô hình tối ưu hóa cho quá trình gia công nhằm nâng cao độ chính xác của rotor được chế tạo	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, 01 bài xếp hạng Q1/Q2, 01 bài xếp hạng Q3/Q4. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 hệ thống bơm chân không có công suất và đặc tính kỹ thuật tương đương 1 số loại bơm chân không trục vít tương đối phổ biến (như Bơm hút chân không trục vít Busch Cobra BA 0100 C). - 01 chương trình thiết kế và tối ưu hóa biên dạng của rotor; - 01 chương trình thiết kế biên dạng dụng cụ cắt cho rotor; - 01 chương trình tối ưu hóa quá trình gia công rotor.	TS. Hoàng Minh Thuận	600	600	0
Tổng cộng:					**1180**	**1180**	**0**

(Danh mục gồm 02 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Áp dụng lý thuyết toàn ảnh nghiên cứu chuyển pha trong một số hệ vật lý	- Áp dụng được lý thuyết toàn ảnh làm rõ: Tác động của điện tích tôpô lên quá trình chuyển pha ba chiều từ hố đen nhỏ sang hố đen lớn ở trạng thái cơ bản, kích thích từ đó đưa ra một số tính chất vật lý mới góp phần xây dựng lý thuyết siêu dẫn ở nhiệt độ cao; Quá trình chuyển pha lượng tử từ hố đen sang hố trắng từ đó đưa ra một số tính chất vật lý mới.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q3 - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 1.0 điểm.. 2. Sản phẩm đào tạo - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công).	TS. Hoàng Văn Quyết	420	420	0

2	Nghiên cứu vai trò của họ gene liên quan tính chống chịu điều kiện môi trường bất lợi, thành phần hóa sinh và tác dụng kháng viêm giảm đau của cao chiết từ một số giống ớt cay (*Capsicum annuum*) trồng tại phía Bắc, Việt Nam	* Mục tiêu chung: Tìm kiếm, sàng lọc, xác định vai trò của một số họ tên liên quan đến tính chống chịu điều kiện bất lợi của môi trường, làm cơ sở canh tác ớt hiệu quả; Chiết xuất, định lượng một số thành phần cơ bản của quả ớt cay tại phía Bắc, Việt Nam và đánh giá tác dụng chống viêm giảm đau của cao chiết từ quả ớt cay. * Mục tiêu cụ thể (1) Tìm kiếm, sàng lọc, xác định vai trò của một số họ tên liên quan đến tính chống chịu điều kiện bất lợi của môi trường, làm cơ sở canh tác ớt hiệu quả; (2) Chiết xuất, định lượng một số thành phần cơ bản của quả ớt cay tại phía Bắc, Việt Nam; (3) Thử nghiệm tác dụng, chống viêm, giảm đau, chống kích ứng da của cao chiết từ quả ớt cay.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS (SCI/SCIE) Q3/Q4; - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.5 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - 01 học viên cao học bảo vệ luận văn thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Gen ứng viên đáp ứng với stress môi trường: 1-3 gen, làm chỉ thị sàng lọc giống ớt thích ứng với điều kiện bất lợi của môi trường. 4. Các sản phẩm khác: - Hội thảo khoa học: 01 - Seminar khoa học: 01	TS. Cao Bá Cường	400	400	0

3	Xây dựng môi trường số nhằm tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong đào tạo giáo viên tại Việt Nam	Đề xuất được các giải pháp xây dựng môi trường số tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong đào tạo giáo viên tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (Trong danh mục các tạp chí 1.0 điểm của HĐGSNN). 2. Sản phẩm đào tạo: Đào tạo 01 ThS bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong đào tạo giáo viên thông qua xây dựng môi trường số tại Việt Nam. - Tài liệu về các giải pháp tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững trong đào tạo giáo viên thông qua xây dựng môi trường số tại Việt Nam dành cho cho lãnh đạo, cán bộ quản lý và giảng viên các trường đại học sư phạm.	TS. Đỗ Thị Tố Như	380	380	0
Tổng cộng:					**1200**	**1200**	**0**

(Danh mục gồm 03 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Sử dụng tác phẩm mỹ thuật giáo dục tình yêu biển đảo cho học sinh Tiểu học.	-Đánh giá được thực trạng sử dụng các tác phẩm mỹ thuật về biển đảo vào Giáo dục tình yêu biển đảo Việt Nam cho học sinh Tiểu học. - Thiết kế, triển khai được các phương án áp dụng các tác phẩm mỹ thuật về biển đảo Việt Nam trong Giáo dục cho học sinh Tiểu học. - Đề xuất được một số giải pháp để triển khai có hiệu quả và khả thi việc Giáo dục tình yêu biển đảo cho học sinh Tiểu học thông qua tác phẩm mỹ thuật. - Xây dựng được bộ tài liệu giảng dạy/giáo dục tình yêu biển đảo cho học sinh Tiểu học thông qua tác phẩm mỹ thuật về biển đảo Việt Nam	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của ACI. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên); 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sỹ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bộ Tài liệu hướng dẫn hỗ trợ giảng dạy/giáo dục tình yêu biển đảo cho học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở thông qua tác phẩm mỹ thuật về biển đảo Việt nam.	TS Nguyễn Xuân Giáp	300	300	0

2	Quản lý hoạt động dạy học thực hành cho sinh viên trình độ đại học ngành Thanh nhạc trong bối cảnh đổi mới giáo dục	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động dạy học thực hành cho sinh viên trình độ đại học ngành Thanh nhạc trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Đề xuất được các giải pháp quản lý hoạt động dạy học thực hành cho sinh viên trình độ đại học ngành Thanh nhạc trong bối cảnh đổi mới giáo dục, từ đó có các khuyến nghị đối với các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy học thực hành cho sinh viên trình độ đại học ngành Thanh nhạc hiện nay.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,75 điểm trở lên; - 01 sách tham khảo về quản lý hoạt động dạy học thực hành cho sinh viên ngành Thanh nhạc trong bối cảnh đổi mới giáo dục. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo đề xuất giải pháp quản lý hoạt động dạy học thực hành cho sinh viên trình độ đại học ngành Thanh nhạc trong bối cảnh đổi mới giáo dục.	TS. Đỗ Hương Giang	340	340	0
3	Đào tạo nguồn nhân lực mỹ thuật ứng dụng tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển công nghệ số	Đề xuất được giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực mỹ thuật ứng dụng tại các sơ sở giáo dục đại học của Việt Nam hiện nay	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo khoa họcđược chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp chí được HĐCDGS NN tính 0,5 đến 1,0 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: Đào tạo học 01 viên cao học theo hướng nghiên cứu của đề tài và bảo vệ thành công; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ nhận diện thương hiệu cho một thương hiệu thời trang ứng dụng công nghệ số. - 01 bản đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực MTUD tại các CSGDĐH ở Việt Nam hiện nay.	TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc	390	390	0

4	Phát triển năng lực tiếng Anh cho sinh viên ngành sư phạm nghệ thuật trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0	Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phát triển năng lực tiếng Anh cho sinh viên ngành sư phạm nghệ thuật trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Đề xuất giải pháp chuyển từ cách dạy và học môn tiếng Anh đại trà cho mọi sinh viên sang dạy và học theo năng lực cá nhân của sinh viên, sử dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong việc gắn dạy học môn tiếng Anh với dạy học môn chuyên ngành, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước được HĐGSNN tính 0,75 điểm trở lên; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 học viên Cao học (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo khuyến nghị đề xuất giải pháp chuyển từ cách dạy và học môn tiếng Anh đại trà cho mọi sinh viên sang dạy và học theo năng lực cá nhân của sinh viên, sử dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Mô hình ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong đổi mới hoạt động dạy học môn tiếng Anh cho sinh viên ngành Sư phạm Nghệ thuật theo hướng phát triển năng lực người học. - Sổ tay hướng dẫn chuyển từ cách dạy và học môn tiếng Anh đại trà cho mọi sinh viên sang dạy và học theo năng lực cá nhân của sinh viên, sử dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	TS. Trương Tố Loan	450	450	0
Tổng cộng:					**1480**	**1480**	**0**

(Danh mục gồm 04 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Đánh giá thực trạng triển khai chương trình môn Giáo dục thể chất ở các trường tiểu học khu vực phía Bắc	Định hướng mục tiêu: - Đánh giá thực trạng triển khai chương trình môn Giáo dục thể chất cho học sinh các trường tiểu học khu vực Phía Bắc. - Đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả chương trình môn GDTC ở các trường tiểu học khu vực Phía Bắc.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có trong chỉ mục trích dẫn của ACI; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá thực trạng triển khai chương trình môn giáo dục thể chất tại các trường tiểu học khu vực phía Bắc; - Bản kiến nghị về các giải pháp nhằm triển khai hiệu quả chương trình môn giáo dục thể chất tại các trường tiểu học khu vực phía Bắc.	TS. Đỗ Mạnh Hưng	300	300	0

2	Nghiên cứu đề xuất quản lý hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên khối các trường đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	Hệ thống hoá cơ sở lý luận về quản lý hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên khối các trường đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động thực hành, thực tập và quản lý hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên khối các trường đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất. Đề xuất các giải pháp quản lý hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên khối các trường đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 .	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,5 điểm trở lên; - 01 sách tham khảo. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo kiến nghị giải pháp đổi mới công tác thực hành, thực tập cho sinh viên khối các trường đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất, đáp ứng yêu cầu chương trình Giáo dục phổ thông 2018. - Mô hình quản lý hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên khối các trường đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.	PGS.TS Phùng Xuân Dũng	420	420	0
Tổng cộng:					**720**	**720**	**0**

(Danh mục gồm 02 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tây Bắc

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu tác động của chuyển đổi số tới rủi ro hoạt động của các ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam	- Làm rõ cơ sở khoa học về tác động của chuyển đổi số đến rủi ro hoạt động của các ngân hàng Thương mại cổ phần. - Đánh giá được thực trạng chuyển đổi số và rủi ro hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam. - Đánh giá được tác động của chuyển đổi số đến rủi ro hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam khi thực hành chuyển đổi số.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng chuyển đổi số và rủi ro hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam. - Báo cáo đánh giá tác động của chuyển đổi số đến rủi ro hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam khi thực hành chuyển đổi số.	TS Nguyễn Thị Lan Anh	360	360	0

2	Đánh giá hiệu quả một số mô hình du lịch và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Bắc Việt Nam	Nghiên cứu thực trạng, đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao tính hiệu quả của mô hình du lịch theo hướng phát triển bền vững ở vùng Tây Bắc.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng/chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục của Scopus, được SCIMAGO xếp hạng Q3/Q4; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐCDGSNN tính từ 0,5 trở lên. - 01 sách chuyên khảo được xuất bản/QĐ xuất bản, có chỉ số ISBN. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bộ tiêu chí phục vụ đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường vùng Tây Bắc. - 01 bộ bản đồ số về tài nguyên du lịch tại 4 tỉnh thuộc thuộc vùng Tây Bắc, tỷ lệ 1:100.000 - 01 Báo cáo khoa học: Đánh giá hiệu quả một số mô hình du lịch vùng Tây Bắc, nguồn lực phát triển du lịch vùng Tây Bắc, các giải pháp mô hình du lịch hợp lý phục vụ phát triển du lịch theo hướng bền vững vùng Tây Bắc.	TS. Lê Thị Thu Hòa	450	450	0

3	Nghiên cứu vận dụng mô hình STEAM trong dạy học nội dung giáo dục địa phương ở trường THCS khu vực miền núi phía Bắc	Định hướng mục tiêu: - Đánh giá thực trạng vận dụng mô hình STEAM trong dạy học ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc trong dạy học nội dung giáo dục địa phương. - Đề xuất biện pháp, cách thức vận dụng mô hình STEAM trong thực hiện nội dung giáo dục địa phương.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - Biện pháp, cách thức vận dụng mô hình STEAM trong dạy học nội dung Giáo dục địa phương tại các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc; - Tài liệu Hướng dẫn vận dụng mô hình STEAM trong dạy học nội dung Giáo dục địa phương khu vực miền núi phía Bắc trong chương trình THCS; - Một số chủ đề STEAM nội dung Giáo dục địa phương trong chương trình THCS (mỗi khối lớp 02 chủ đề); - Một số kế hoạch bài học mẫu vận dụng mô hình STEAM trong dạy học nội dung Giáo dục địa phương khu vực miền núi phía Bắc trong chương trình THCS (mỗi khối lớp 02 chủ đề).	TS Lường Hoài Thanh	350	350	0

4	Nghiên cứu việc bảo tồn các môn thể thao dân tộc gắn với hoạt động Giáo dục thể chất trong các trường phổ thông khu vực Tây Bắc	Định hướng mục tiêu: - Đánh giá thực trạng bảo tồn các môn thể thao dân tộc trong các trường phổ thông khu vực Tây Bắc. - Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc trong các trường phổ thông khu vực Tây Bắc - Xây dựng mẫu một số chương trình hoạt động các môn thể thao dân tộc gắn với hoạt động GDTC trong các trường phổ thông; - Đề xuất mô hình câu lạc bộ các môn thể thao dân tộc cho học sinh các trường phổ thông	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá thực trạng bảo tồn các môn thể thao dân tộc trong các trường phổ thông khu vực Tây Bắc; - Bản đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc trong các trường phổ thông khu vực Tây Bắc; - Một số chương trình hoạt động các môn thể thao dân tộc gắn với hoạt động GDTC trong các trường phổ thông; - Mô hình câu lạc bộ các môn thể thao dân tộc cho học sinh các trường phổ thông; - Quy trình tuyển chọn VĐV cho tuyến huyện, tuyến tỉnh (tham gia thi đấu các giải thể thao dân tộc do địa phương và quốc gia tổ chức).	TS. Nguyễn Bá Điệp	300	300	0

5	Nghiên cứu các biện pháp nâng cao năng lực tiền đọc viết cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo người dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc	Đánh giá thực trạng hoạt động hình thành năng lực tiền đọc viết cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo người dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc. Đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động hình thành năng lực tiền đọc viết cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo người dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của ACI; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Báo cáo thực trạng hoạt động hình thành năng lực tiền đọc viết cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo người dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Bắc; - Bộ tài liệu phục vụ hoạt động hình thành năng lực tiền đọc viết cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo người dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Bắc.	TS. Nguyễn Trung Kiên	300	300	0
Tổng cộng:					**1760**	**1760**	**0**

(Danh mục gồm 05 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tây Nguyên

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Tổng quát hóa kiểu lũy thừa thực cho các bất đẳng thức kiểu Young, bất đẳng thức cho hàm lồi, hàm lồi suy rộng và ứng dụng	* Mục tiêu chung: Tổng quát hóa được dạng lũy thừa thực cho các bất đẳng thức kiểu Young, bất đẳng thức cho hàm lồi, hàm lồi suy rộng. Đồng thời đưa ra ứng dụng trong lý thuyết toán tử cho các bất đẳng thức mới vừa nhận được. * Mục tiêu cụ thể: - Đưa ra được dạng tổng quát kiểu lũy thừa thực cho bất đẳng thức kiểu Young; - Đưa ra được một số bất đẳng thức mới mang tính tổng quát cho hàm lồi, hàm lồi suy rộng; - Đề xuất được các đặc trưng mới cho hàm lồi suy rộng và dựa vào các đặc trưng này để thiết lập các bất đẳng thức hàm; - Đề xuất được các kiểu làm trội mới tương ứng với các hàm lồi suy rộng và mở rộng các định lý nổi tiếng trong lý thuyết làm trội cho kiểu làm trội mới này; - Thiết lập được các bất đẳng thức mới thông qua tính lồi của hàm và lý thuyết làm trội; - Thiết lập được các ứng dụng của các bất đẳng thức thu được vào lý thuyết toán tử và lý thuyết ma trận.	1.Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS/SCIE Q1. - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS/SCIE Q2. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công).	ThS. Đoàn Thị Thúy Vân	400	400	0
Tổng cộng:					**400**	**400**	**0**

(Danh mục gồm 01 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Việt - Đức

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nhận dạng chữ Nôm từ ảnh chụp theo tiếp cận học sâu hiện đại	-Phát triển được một mô hình nhận dạng chữ Nôm từ ảnh chụp sử dụng tiếp cận học sâu hiện đại, mô hình có khả năng nhận dạng mẫu chưa có trong bộ dữ liệu huấn luyện, và có lượng nhỏ mẫu trong tập dữ liệu. - Xây dựng được công cụ hỗ trợ phân loại, đánh nhãn, tách nhóm chữ cho những chữ mới chưa được đánh nhãn. - Xây dựng được công cụ tìm kiếm trên bộ dữ liệu chữ Nôm để phục vụ công tác phân tích, nghiên cứu - Tối ưu hóa được hiệu suất của mô hình nhận dạng chữ Nôm	1.Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WOS, xếp hạng Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus xếp hạng Q3. 2.Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3.Sản phẩm ứng dụng: - Hệ thống phần mềm tích hợp mô hình nhận dạng chữ Hán Nôm, bao gồm các phân hệ: (1) Thu thập, tiền xử lý dữ liệu (2) Gán nhãn dữ liệu chữ Hán Nôm (3) Khoanh vùng, nhận dạng chữ Hán Nôm; (4) Tra cứu, tìm kiếm và khai thác kho dữ liệu chữ Hán Nôm	TS. Nguyễn Tuấn Cương	500	500	0

2	Tác động tích cực của đường sắt đô thị tới chất lượng không khí và việc chuyển đổi phương thức đi lại tại thành phố Hồ Chí Minh	- Đánh giá được tác động của tuyến đường sắt đô thị tới sự cải thiện chất lượng không khí và việc chuyển đổi phương thức đi lại tại thành phố Hồ Chí Minh; - Đánh giá được mức độ hài lòng của hành khách sử dụng dịch vụ giao thông đường sắt đô thị và đề xuất chính sách khuyến khích sử dụng dịch vụ giao thông công cộng tại thành phố Hồ Chí Minh	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bộ dữ liệu thu thập bao gồm dữ liệu về đo lường ô nhiễm không khí (ONKK) và lưu lượng giao thông đường bộ dọc tuyến nghiên cứu điển hình; - 01 Bộ dữ liệu phỏng vấn mức độ hài lòng của hành khách khi sử dụng dịch vụ đường sắt đô thị tuyến nghiên cứu điển hình; - 01 Bộ giải pháp khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ đường sắt đô thị và dịch vụ GTCC nói chung	TS. Lê Thị Hương	550	550	0
3	Lượng hóa giá trị đa chiều của hạ tầng xanh trong quản lý phát triển ở vùng ven đô thị lớn – tình huống nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh	- Đánh giá được giá trị đa chiều của hạ tầng xanh qua trực quan hóa dữ liệu GIS Mapping; - Đề xuất được mô hình lượng hóa giá trị hạ tầng xanh trong bảo tồn và phát triển tại các khu vực nghiên cứu và so sánh theo một số kịch bản phát triển.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng đánh giá chi phí cộng sinh hạ tầng xanh trong quy hoạch và ra quyết định phát triển ở vùng trũng thấp. - 01 khung đánh giá giá trị đa chiều của hạ tầng xanh qua trực quan hóa dữ liệu GIS; - 01 mô hình lượng hóa giá trị hạ tầng xanh trong bảo tồn và phát triển tại các khu vực nghiên cứu và so sánh theo một số kịch bản phát triển. Mapping	TS. Nguyễn Ngọc Hiếu	500	500	0

kt

4	Nghiên cứu tác dụng cộng hợp tiềm năng của nanomicelles Syzygium nervosum (vối) và curcumin trong chữa lành vết bỏng.	Chế tạo được nanomicelles Syzygium nervosum (vối) và curcumin cho mục đích chữa lành vết bỏng.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus. 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công); 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn); - 01 quy trình chế tạo chế phẩm nanomicelles Syzygium nervosum (vối) và curcumin cho mục đích chữa lành vết bỏng; - 50 hộp sản phẩm (dung tích mỗi hộp dự kiến 30 ml) chế phẩm nanomicelles Syzygium nervosum (vối) và curcumin cho mục đích chữa lành vết bỏng.	TS. Dương Hiếu Linh	680	680	0
Tổng cộng:					**2230**	**2230**	**0**

(Danh mục gồm 04 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Thương mại

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Tác động của đổi mới sáng tạo xanh đến phát triển bền vững và lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo ở Việt Nam	- Xây dựng được bộ chỉ số đo lường, đánh giá về đổi mới sáng tạo xanh trong các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo. - Đánh giá được tác động của đổi mới sáng tạo xanh đến phát triển bền vững tại các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo ở Việt Nam. - Đánh giá được tác động của đổi mới sáng tạo xanh đến lợi thế cạnh tranh thông qua vai trò trung gian của phát triển bền vững tại các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo ở Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo xanh, phát triển bền vững nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bộ chỉ số đo lường, đánh giá về đổi mới sáng tạo xanh trong các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo. - Báo cáo đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo xanh đến phát triển bền vững tại các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo ở Việt Nam. - Báo cáo đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo xanh đến lợi thế cạnh tranh thông qua vai trò trung gian của phát triển bền vững tại các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo ở Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo xanh, phát triển bền vững nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo ở Việt Nam.	TS. Đinh Thị Hương	300	300	0

2	Ứng dụng phương pháp phân tích quan điểm dựa trên dữ liệu lớn từ tin tức để dự báo tình trạng việc làm ở Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phương pháp phân tích quan điểm dựa trên dữ liệu lớn từ tin tức và xác lập khung lý thuyết về dự báo tình trạng việc làm. - Đánh giá được thực trạng số liệu về việc làm và khả năng sử dụng dữ liệu lớn phản ánh thông tin về tình trạng việc làm ở Việt Nam hiện nay. - Xây dựng được chỉ số dẫn báo phân tích quan điểm dựa trên dữ liệu lớn từ tin tức, dự báo và kiểm nghiệm với số liệu tình trạng việc làm ở Việt Nam giai đoạn 2020-2025. - Ứng dụng chỉ số dẫn báo đã xây dựng để dự báo tình trạng việc làm ở Việt Nam giai đoạn 2026-2030.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng số liệu về việc làm và khả năng sử dụng dữ liệu lớn phản ánh thông tin về tình trạng việc làm ở Việt Nam hiện nay. - Chỉ số dẫn báo phân tích quan điểm dựa trên dữ liệu lớn từ tin tức, dự báo và kiểm nghiệm với số liệu tình trạng việc làm ở Việt Nam giai đoạn 2020-2025. - Báo cáo về ứng dụng chỉ số dẫn báo đã xây dựng để dự báo tình trạng việc làm ở Việt Nam giai đoạn 2026-2030.	TS Hoàng Anh Tuấn	330	330	0

3	Nghiên cứu vai trò của AI chatbot đối với trải nghiệm và hành vi sử dụng của khách hàng cá nhân trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam	- Làm rõ khung lý thuyết về vai trò của AI chatbot đối với trải nghiệm khách hàng và hành vi sử dụng của khách hàng cá nhân trong lĩnh vực ngân hàng. - Đánh giá được thực trạng ứng dụng AI chatbot trong trải nghiệm khách hàng và hành vi sử dụng của khách hàng cá nhân trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam. - Đánh giá được vai trò của AI chatbot đối với trải nghiệm khách hàng và hành vi sử dụng của khách hàng cá nhân trong ngân hàng tại Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường khả năng ứng dụng AI chatbot trong nâng cao trải nghiệm khách hàng và hành vi sử dụng của khách hàng cá nhân trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng ứng dụng AI chatbot trong trải nghiệm khách hàng và hành vi sử dụng của khách hàng cá nhân trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam. - Báo cáo đánh giá vai trò của AI chatbot đối với trải nghiệm khách hàng và hành vi sử dụng của khách hàng cá nhân trong ngân hàng tại Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường khả năng ứng dụng AI chatbot trong nâng cao trải nghiệm khách hàng và hành vi sử dụng của khách hàng cá nhân trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.	TS Lê Xuân Cù	330	330	0

4	Nghiên cứu công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	- Làm rõ cơ sở lý thuyết về công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. - Đánh giá được thực trạng công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp và mối quan hệ giữa mức độ công bố thông tin phát triển bền vững với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp - Đề xuất được các giải pháp và hàm ý chính sách khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam công bố thông tin phát triển bền vững đầy đủ, hữu ích nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và phù hợp với thông lệ quốc tế.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá thực trạng công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Báo cáo đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp và mối quan hệ giữa mức độ công bố thông tin phát triển bền vững với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. - Bản đề xuất các giải pháp và hàm ý chính sách khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam công bố thông tin phát triển bền vững đầy đủ, hữu ích nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và phù hợp với thông lệ quốc tế.	TS. Nguyễn Quỳnh Trang	330	330	0

5	Tiêu dùng năng lượng tái tạo tại Việt Nam - Tiếp cận theo lí thuyết đổi mới sáng tạo và vai trò của Chính phủ	- Làm rõ khung lý thyết về hành vi tiêu dùng bên vững và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng các sản phẩm năng lương tái tạo. - Xác định được thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng các sản phẩm năng lượng tái tạo. - Đánh giá được mức độ tác động của các yếu tố này tới hành vi tiêu dùng sản phẩm năng lượng tái tạo của người tiêu dùng Việt Nam từ thang đo được xây dựng. - Đề xuất được các giải pháp cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và người tiêu dùng nhằm thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm năng lượng tái tạo ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng các sản phẩm năng lượng tái tạo. - Báo cáo đánh giá mức độ tác động của các yếu tố này tới hành vi tiêu dùng sản phẩm năng lượng tái tạo của người tiêu dùng Việt Nam từ thang đo được xây dựng. - Bản đề xuất các giải pháp cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và người tiêu dùng nhằm thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm năng lượng tái tạo ở Việt Nam.	TS Vũ Tuấn Dương	300	300	0

6	Nâng cao hiệu suất làm việc của giảng viên thông qua hành vi đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ	Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về ảnh hưởng của hành vi đổi mới sáng tạo đến hiệu suất làm việc của giảng viên. Từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu suất làm việc của giảng viên thông qua hành vi đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài, có người hướng dẫn khoa học hoặc NCS là thành viên của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo đánh giá thực trạng hành vi đổi mới sáng tạo trong công việc của của giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ. - 01 Báo cáo đánh giá tác động của hành vi đổi mới sáng tạo đến hiệu suất làm việc của giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ. - 01 Bản kiến nghị chính sách nâng cao hiệu suất làm việc của giảng viên thông qua hành vi đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ. - 01 Sổ tay hướng dẫn nâng cao hiệu suất làm việc của giảng viên thông qua hành vi đổi mới sáng tạo.	TS. Nguyễn Thị Liên	420	420	0
Tổng cộng:					**2010**	**2010**	**0**

(Danh mục gồm 06 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Viện nghiên cứu thiết kế trường học

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu mô hình thư viện trường phổ thông đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018	Đề xuất mô hình cơ sở vật chất thư viện trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 bao gồm: Cơ cấu chức năng; Tổ chức không gian; Thiết bị nội thất; Thiết bị chuyên dùng; Phần mềm quản lý thư viện thư viện trường phổ thông đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018	1. Sản phẩm khoa học - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: 3. Sản phẩm ứng dụng - Bộ bản vẽ thiết kế mẫu thư viện trường phổ thông, danh mục/ số lượng thiết bị nội thất, thiết bị chuyên dùng. - Phần mềm quản lý thư viện; - Mô hình cơ sở vật chất thư viện trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018.	ThS Nguyễn Sỹ Nam	750	250	500
Tổng cộng:					**750**	**250**	**500**

(Danh mục gồm 01 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Vinh

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Một số định lý giới hạn đối với dãy và mảng các biến ngẫu nhiên trên không gian không cộng tính	- Thiết lập được một số tính chất ergodic và định lý ergodic trên không gian đo ứng với hàm tiềm năng đối với cấu trúc mảng nhiều chỉ số biến ngẫu nhiên. - Thiết lập được một số luật số lớn đối với dãy và mảng các biến ngẫu nhiên đa trị với các điều kiện phụ thuộc khác nhau và các dạng hội tụ khác nhau; ứng dụng vào các mô hình bootstrap trong thống kê. - Thiết lập được một số định lý giới hạn cho dãy và mảng các biến ngẫu nhiên trên không gian với hàm tiềm năng có tính cộng tính trên và cộng tính dưới.	1.Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WOS, xếp hạng: Q1 - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WOS, xếp hạng: Q2 - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 0,5 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công).	TS. Dương Xuân Giáp	550	550	0

2	Đánh giá, dự báo xói mòn đất ở khu vực tây Thanh - Nghệ - Tĩnh bằng công cụ GIS và Machine learning (ML)	Dự báo được nguy cơ xói mòn đất ở khu vực tây Thanh - Nghệ - Tĩnh bằng công nghệ GIS và ML và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững nông - lâm nghiệp cho khu vực tây Thanh - Nghệ - Tĩnh	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luân văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Bản đồ phân cấp và dự báo xói mòn đất ở khu vực khu vực tây Thanh - Nghệ - Tĩnh; - Các giải pháp phát triển bền vững nông - lâm nghiệp cho khu vực tây Thanh - Nghệ - Tĩnh	PGS.TS. Trần Thị Tuyến	580	580	0
3	Thiết kế hệ thống định vị và điều khiển chuyển động cho robot trong môi trường động sử dụng mạng nơron và logic mờ	- Xác định được chính xác vị trí robot dựa trên các cảm biến khác nhau như GPS, camera, cảm biến gia tốc, bộ mã hóa vòng quay và Lidar; - Đề xuất được các giải pháp sử dụng bộ lọc, logic mờ và các mô hình mạng nơron xây dựng bộ quan sát xử lý nhiễu từ các nguồn cảm biến và các giải pháp mới trên cơ sở kết hợp phương pháp tối ưu hóa cross-entropy với các thuật toán điều khiển chuyển động của robot trong môi trường động; - Đề xuất được thuật toán mới trên cơ sở kết hợp dữ liệu từ các nguồn cảm biến khác nhau để nâng cao độ chính xác vị trí của robot;	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 bài xếp hạng: Q1/Q2 và 01 bài 01 bài xếp hạng :Q3/Q4; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Giải pháp hữu ích (được nhấp nhận đơn). - 01 Mô hình robot sử dụng bộ định vị ứng dụng các thuật toán đã nghiên cứu cho đào tạo hoặc giải quyết bài toán định vị và điều khiển robot chuyển động thực tế trong môi trường động.	TS. Mai Thế Anh	650	650	0

4	Nghiên cứu các rào cản đối với phát triển tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam	- Làm rõ khung lý thuyết về rào cản đối với phát triển tín dụng xanh của ngân hàng thương mại. - Đánh giá được thực trạng phát triển tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. - Nhận diện được các rào cản và đánh giá được mức độ tác động của các rào cản đối với phát triển tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. - Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên. - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản, có chỉ số ISBN). 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo phân tích thực trạng phát triển tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. - Báo cáo phân tích các rào cản và đánh giá mức độ tác động của các rào cản đối với phát triển tín dụng xanh của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. - Bản đề xuất các giải pháp và khuyến nghị chính sách nhằm phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.	TS Trịnh Thị Hằng	350	350	0
5	Tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong dạy học Vật lí đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018	Xác định được khung lí thuyết về tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong dạy học môn Vật lí phổ thông; Đánh giá được thực trạng tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong dạy môn Vật lí ở trường phổ thông hiện nay; Đề xuất và thực nghiệm quy trình trình tổ chức dạy học và biện pháp tích hợp nội dung giáo dục phát triển bền vững trong môn Vật lí, chương trình giáo dục phổ thông 2018	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn WoS (Q3/Q4); - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo thực trạng tích hợp giáo dục phát triển bền vững trong dạy môn Vật lí ở trường phổ thông hiện nay; - Báo cáo quy trình, nội dung và biện pháp tích hợp nội dung phát triển bền vững trong dạy học môn Vật lí ở trường phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị	350	350	0

6	Phát triển năng lực giáo dục STEM cho sinh viên đại học ngành Giáo dục tiểu học theo tiếp cận CDIO	Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển năng lực giáo dục STEM cho sinh viên đại học ngành Giáo dục tiểu học theo tiếp cận CDIO. Đề xuất khung tiêu chí đánh giá năng lực giáo dục STEM của sinh viên ngành đại học ngành Giáo dục tiểu học. Đánh giá thực trạng phát triển năng lực giáo dục STEM cho sinh viên đại học ngành Giáo dục tiểu học theo tiếp cận CDIO ở trong và ngoài nước. Đề xuất nội dung, quy trình và các biện pháp phát triển năng lực giáo dục STEM cho sinh viên đại học ngành Giáo dục tiểu học theo tiếp cận CDIO.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của ACI; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 0.75 điểm trở lên; - 01 sách tham khảo phục vụ đào tạo sinh viên chuyên ngành Giáo dục tiểu học theo tiếp cận CDIO. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3 Sản phẩm ứng dụng: - Bộ tiêu chí đánh giá năng lực thực hiện giáo dục STEM của giáo viên tiểu học. - 01 Báo cáo về nội dung, quy trình và các biện pháp phát triển năng lực giáo dục STEM cho sinh viên đại học ngành Giáo dục tiểu học theo tiếp cận CDIO.	TS. Nguyễn Thị Phương Nhung	390	390	0

7	Phát triển năng lực khai thác học liệu số cho sinh viên ngành sư phạm các môn khoa học tự nhiên ở Việt Nam	Xây dựng được khung lí luận về năng lực khai thác học liệu số của sinh viên sư phạm, phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực khai thác học liệu số của sinh viên sư phạm các môn khoa học tự nhiên ở Việt Nam, từ đó đề xuất các biện pháp phát triển năng lực khai thác học liệu số cho sinh viên sư phạm các môn khoa học tự nhiên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số hiện nay.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của ACI. - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0.75 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 học viên cao học (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực khai thác học liệu số của sinh viên sư phạm các môn khoa học tự nhiên ở một số cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. - 01 Báo cáo khuyến nghị các biện pháp phát triển năng lực khai thác học liệu số cho sinh viên sư phạm các môn khoa học tự nhiên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số. - 01 Bộ tài liệu tập huấn cho cán bộ quản lý và giảng viên các trường đại học sư phạm về phát triển năng lực khai thác học liệu số của sinh viên sư phạm các môn khoa học tự nhiên.	TS. Trần Thị Gái	470	470	0
Tổng cộng:					**3340**	**3340**	**0**

(Danh mục gồm 07 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu đánh giá đặc tính, nguồn gốc của các bon trong bụi mịn PM2.5 ở miền Bắc Việt Nam	Đánh giá được đặc tính và nguồn gốc các bon trong bụi mịn PM2.5 ở miền Bắc Việt Nam và tác động của điều kiện khí tượng tới mức độ ô nhiễm thành phần các bon trong bụi mịn PM2.5	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ cơ sở dữ liệu về diễn biến PM2.5 theo thời gian và không gian tại miền Bắc; - 01 bộ cơ sở dữ liệu diễn biến nồng độ thành phần cacbon trong bụi PM2.5 tại khu công nghiệp ở miền Bắc; - 01 bộ cơ sở dữ liệu diễn biến nồng độ thành phần cacbon trong bụi PM2.5 tại khu đô thị ở miền Bắc	TS. Bùi Thị Hiếu	600	600	0

2	Phát triển bền vững kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc	- Đề xuất được các giải pháp phát triển kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc qua lựa chọn 05 dân tộc tại 05 tỉnh có số dân đông nhất theo hướng bền vững; - Đề xuất được các giải pháp quản lý phát triển bền vững kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài); - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ mẫu nhà ở của 05 dân tộc tại 05 tỉnh có số dân đông nhất phù hợp với điều kiện thu nhập, điều kiện sinh sống và hoạt động sinh kế cho gia đình; - 01 bản kiến nghị các giải pháp quản lý phát triển bền vững kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc; -01 bộ tài liệu hướng dẫn các lựa chọn mẫu nhà ở của 05 dân tộc tại 05 tỉnh có số dân đông nhất phù hợp với điều kiện thu nhập, điều kiện sinh sống và hoạt động sinh kế cho gia đình.	TS. Vũ Thị Hương Lan	550	550	0
3	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế và đánh giá vận hành nút giao thông sử dụng đèn tín hiệu trong thời gian thực	- Xây dựng được bộ dữ liệu gán nhãn phương tiện giao thông theo phân loại của Việt Nam; - Đề xuất được giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) tự động đếm lưu lượng phương tiện giao thông trong nút giao thông; - Đề xuất được mô hình thiết kế chu kì đèn và pha đèn tại nút giao thông thông qua mô hình mô phỏng giao thông VISSIM và AI.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ cơ sở dữ liệu 50.000 ảnh được gắn nhãn các phương tiện giao thông theo phân loại ở Việt Nam. - 01 Giải pháp AI tự động tính toán các thông số về giao thông dựa trên video quay tại các nút giao thông điều khiển bằng đèn tín hiệu. - 01 Bộ code lập trình giải pháp AI.	TS. Vũ Minh Tâm	600	600	0

4	Nghiên cứu xác định các thông số hợp lý của thiết bị công tác đào rãnh hẹp lắp trên máy cơ sở của máy làm đất có sẵn; - Thiết kế và chế tạo thử nghiệm thành công thiết bị công tác máy đào rãnh hẹp lắp đặt trên các loại máy đào một gầu, máy xúc lật cỡ vừa và nhỏ ở Việt Nam.	- Xác định được các thông số hợp lý của thiết bị công tác đào rãnh hẹp lắp trên máy cơ sở của máy làm đất có sẵn; - Thiết kế và chế tạo thử nghiệm thành công thiết bị công tác máy đào rãnh hẹp lắp đặt trên các loại máy đào một gầu, máy xúc lật cỡ vừa và nhỏ ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bằng độc quyền sáng chế (Chấp nhận đơn). - 01 Bộ bản vẽ thiết kế thiết bị công tác đào rãnh hẹp (chiều rộng 150-200mm, chiều sâu 600-1000mm). - 01 Thiết bị công tác đào rãnh hẹp chế tạo thử nghiệm (chiều rộng 150-200mm, chiều sâu 600-1000mm). - 01 Bộ hướng dẫn liên kết thiết bị công tác đào rãnh hẹp với máy cơ sở là máy xúc lật MS500. - 01 Bộ hướng dẫn vận hành sử dụng thiết bị đào rãnh hẹp.	ThS Nguyễn Tiến Nam	600	600	0
5	Phân tích kết cấu thanh và dầm có kích thước nano làm bằng vật liệu FGM và ứng dụng trong tính toán hệ micro/nano cơ điện tử	- Xây dựng được mô hình cơ học của kết cấu thanh và dầm có kích thước nano bằng vật liệu FGM; - Phân tích được tĩnh và dao động của kết cấu thanh và dầm nano FGM trong tính toán các hệ micro/nano cơ điện tử (MEMS/NEMS).	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo phân tích tĩnh và dao động của thanh, dầm nano FGM và ứng dụng trong tính toán các hệ micro/nano cơ điện tử (MEMS/NEMS) - 01 Mô hình cơ học của kết cấu thanh, dầm nano FGM sử dụng mô hình độ cứng động lực theo lý thuyết đàn hồi không cục bộ. - 01 Chương trình phân tích kết cấu nano FGM trong môi trường Matlab.	ThS. Trần Bình Định	600	600	0

6	Phân tích sự làm việc của kết cấu tấm nhiều lớp có gân gia cường, chịu ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, điện từ)	Đánh giá được tác động của một số yếu tố môi trường bao gồm tải trọng cơ học, nhiệt độ, độ ẩm, điện từ trường đến quá trình làm việc của kết cấu tấm nhiều lớp có hệ gân gia cường	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính tối thiểu 0,75 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Code chương trình tính toán kết cấu tấm nhiều lớp có hệ gân gia cường trên nền MATLAB, kết quả được kiểm chứng thông qua so sánh với các kết quả của một số tác giả khác công bố trên các tạp chí uy tín; - 01 Bộ số liệu phân tích ảnh hưởng của tải trọng cơ học, tải trọng nhiệt-ẩm, tải điện từ,… cũng như kích thước, hình dạng và số lượng gân đến ứng xử cơ học của kết cấu tấm có gân gia cường; - 01 Báo cáo đề xuất, kiến nghị về ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến phân tích đến khả năng làm việc của kết cấu tấm nhiều lớp có hệ gân gia cường.	TS. Vũ Văn Thẩm	600	600	0

7	Nghiên cứu tổng hợp hệ vật liệu quang xúc tác lai ghép liên hợp dạng Z có hoạt tính trong vùng khả kiến và ứng dụng để xử lý dư lượng kháng sinh trong môi trường nước	Tổng hợp vật liệu xúc tác quang lai ghép liên hợp dạng Z có hoạt tính quang xúc tác cao nhằm ứng dụng xử lý dư lượng kháng sinh (Tetracycline, Penicillins) trong nước.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn); - 01 quy trình chế tạo vật liệu xúc tác quang trên cơ sở oxit bán dẫn và g-C3N4; - 02 mẫu vật liệu xúc tác quang lai ghép liên hợp dạng Z, 5g mỗi loại.	TS. Chu Thị Thu Hiền	600	600	0
8	Nghiên cứu giải pháp tăng cường mối liên kết trong đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn về mối liên kết trong đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp. Từ đó đề xuất hệ thống giải pháp tăng cường mối liên kết đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ giữa hai chủ thể này trên địa bàn thành phố Hà Nội.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,5 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 học viên cao học (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo thực trạng mối liên kết đào tạo và chuyển giao công nghệ giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội hiện nay. - 01 Bản kiến nghị chính sách tăng cường hiệu quả liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ. - 01 sổ tay hướng dẫn về tăng cường mối quan hệ trong đào tạo và chuyển giao công nghệ giữa nhà trường và doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.	TS. Nguyễn Văn Đồng	450	450	0

9	Xây dựng mô hình đường cong nghề nghiệp và phát triển khung năng lực cần thiết đào tạo kỹ sư xây dựng trong bối cảnh 4.0 tại Việt Nam	Đánh giá thực trạng đường cong nghề nghiệp của kỹ sư Việt Nam và đề xuất mô hình phát triển đường cong nghề nghiệp của kỹ sư Việt Nam	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong danh mụ SCOPUS. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐCDGSNN tính 0.75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công) 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá hiệu quả việc áp dụng mô hình đường cong nghề nghiệp và khung năng lực cần thiết đào tạo kỹ sư xây dựng. - Báo cáo cơ sở lý luận về phát triển nghề nghiệp và khung năng lực cần thiết cho kỹ sư xây dựng trong nền công nghiệp 4.0; - Báo cáo đánh giá thực trạng và phân tích các xu hướng công nghệ mới như mô hình thông tin công trình (BIM), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ in 3D, internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), bản sao số (Digital Twins),… đối với ngành xây dựng. - Báo cáo xây dựng mô hình đường cong nghề nghiệp và Phát triển khung năng lực toàn diện cho kỹ sư xây dựng trong bối cảnh CMCN 4.0 tại Việt Nam.	PGS.TS. Nguyễn Quốc Toản	380	380	0
Tổng cộng:						**4980**	**4980**	**0**

(Danh mục gồm 09 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Nghiên cứu đánh giá đặc tính, nguồn gốc của các bon trong bụi mịn PM2.5 ở miền Bắc Việt Nam	Đánh giá được đặc tính và nguồn gốc các bon trong bụi mịn PM2.5 ở miền Bắc Việt Nam và tác động của điều kiện khí tượng tới mức độ ô nhiễm thành phần các bon trong bụi mịn PM2.5	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q2 (Scimago); - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm từ 0,5 trở lên;; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ cơ sở dữ liệu về diễn biến PM2.5 theo thời gian và không gian tại miền Bắc; - 01 bộ cơ sở dữ liệu diễn biến nồng độ thành phần cacbon trong bụi PM2.5 tại khu công nghiệp ở miền Bắc; - 01 bộ cơ sở dữ liệu diễn biến nồng độ thành phần cacbon trong bụi PM2.5 tại khu đô thị ở miền Bắc	TS. Bùi Thị Hiếu	600	600	0

2	Phát triển bền vững kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc	- Đề xuất được các giải pháp phát triển kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc qua lựa chọn 05 dân tộc tại 05 tỉnh có số dân đông nhất theo hướng bền vững; - Đề xuất được các giải pháp quản lý phát triển bền vững kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc.	1. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài); - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ mẫu nhà ở của 05 dân tộc tại 05 tỉnh có số dân đông nhất phù hợp với điều kiện thu nhập, điều kiện sinh sống và hoạt động sinh kế cho gia đình; - 01 bản kiến nghị các giải pháp quản lý phát triển bền vững kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc; -01 bộ tài liệu hướng dẫn các lựa chọn mẫu nhà ở của 05 dân tộc tại 05 tỉnh có số dân đông nhất phù hợp với điều kiện thu nhập, điều kiện sinh sống và hoạt động sinh kế cho gia đình.	TS. Vũ Thị Hương Lan	550	550	0
3	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế và đánh giá vận hành nút giao thông sử dụng đèn tín hiệu trong thời gian thực	- Xây dựng được bộ dữ liệu gán nhãn phương tiện giao thông theo phân loại của Việt Nam; - Đề xuất được giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) tự động đếm lưu lượng phương tiện giao thông trong nút giao thông; - Đề xuất được mô hình thiết kế chu kì đèn và pha đèn tại nút giao thông thông qua mô hình mô phỏng giao thông VISSIM và AI.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 bộ cơ sở dữ liệu 50.000 ảnh được gắn nhãn các phương tiện giao thông theo phân loại ở Việt Nam. - 01 Giải pháp AI tự động tính toán các thông số về giao thông dựa trên video quay tại các nút giao thông điều khiển bằng đèn tín hiệu. - 01 Bộ code lập trình giải pháp AI.	TS. Vũ Minh Tâm	600	600	0

4	Nghiên cứu xác định các thông số hợp lý của thiết bị công tác đào rãnh hẹp phục vụ thi công công trình hạ tầng kỹ thuật	- Xác định được các thông số hợp lý của thiết bị công tác đào rãnh hẹp lắp trên máy cơ sở của máy làm đất có sẵn; - Thiết kế và chế tạo thử nghiệm thành công thiết bị công tác máy đào rãnh hẹp lắp đặt trên các loại máy đào một gầu, máy xúc lật cỡ vừa và nhỏ ở Việt Nam.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Bằng độc quyền sáng chế (Chấp nhận đơn). - 01 Bộ bản vẽ thiết kế thiết bị công tác đào rãnh hẹp (chiều rộng 150-200mm, chiều sâu 600-1000mm). - 01 Thiết bị công tác đào rãnh hẹp chế tạo thử nghiệm (chiều rộng 150-200mm, chiều sâu 600-1000mm). - 01 Bộ hướng dẫn liên kết thiết bị công tác đào rãnh hẹp với máy cơ sở là máy xúc lật MS500. - 01 Bộ hướng dẫn vận hành sử dụng thiết bị đào rãnh hẹp.	ThS Nguyễn Tiến Nam	600	600	0
5	Phân tích kết cấu thanh và dầm có kích thước nano làm bằng vật liệu FGM và ứng dụng trong tính toán hệ micro/nano cơ điện tử	- Xây dựng được mô hình cơ học của kết cấu thanh và dầm có kích thước nano bằng vật liệu FGM; - Phân tích được tĩnh và dao động của kết cấu thanh và dầm nano FGM trong tính toán các hệ micro/nano cơ điện tử (MEMS/NEMS).	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng Q1/Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus;; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm tối thiểu 0,5. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh (bảo vệ thành công tối thiểu 01 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo phân tích tĩnh và dao động của thanh, dầm nano FGM và ứng dụng trong tính toán các hệ micro/nano cơ điện tử (MEMS/NEMS) - 01 Mô hình cơ học của kết cấu thanh, dầm nano FGM sử dụng mô hình độ cứng động lực theo lý thuyết đàn hồi không cục bộ. - 01 Chương trình phân tích kết cấu nano FGM trong môi trường Matlab.	ThS. Trần Bình Định	600	600	0

6	Phân tích sự làm việc của kết cấu tấm nhiều lớp có gân gia cường, chịu ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, điện từ)	Đánh giá được tác động của một số yếu tố môi trường bao gồm tải trọng cơ học, nhiệt độ, độ ẩm, điện từ trường đến quá trình làm việc của kết cấu tấm nhiều lớp có hệ gân gia cường	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WoS, xếp hạng: Q1/Q2; - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính tối thiểu 0,75 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Code chương trình tính toán kết cấu tấm nhiều lớp có hệ gân gia cường trên nền MATLAB, kết quả được kiểm chứng thông qua so sánh với các kết quả của một số tác giả khác công bố trên các tạp chí uy tín; - 01 Bộ số liệu phân tích ảnh hưởng của tải trọng cơ học, tải trọng nhiệt-ẩm, tải điện từ,... cũng như kích thước, hình dạng và số lượng gân đến ứng xử cơ học của kết cấu tấm có gân gia cường; - 01 Báo cáo đề xuất, kiến nghị về ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến phân tích đến khả năng làm việc của kết cấu tấm nhiều lớp có hệ gân gia cường.	TS. Vũ Văn Thẩm	600	600	0

7	Nghiên cứu tổng hợp hệ vật liệu quang xúc tác lai ghép liên hợp dạng Z có hoạt tính trong vùng khả kiến và ứng dụng để xử lý dư lượng kháng sinh trong môi trường nước	Tổng hợp vật liệu xúc tác quang lai ghép liên hợp dạng Z có hoạt tính quang xúc tác cao nhằm ứng dụng xử lý dư lượng kháng sinh (Tetracycline, Penicillins) trong nước.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS, Q1/Q2; - 01 bài báo được đăng (hoặc chấp nhận đăng) trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài; 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn); - 01 quy trình chế tạo vật liệu xúc tác quang trên cơ sở oxit bán dẫn và g-C3N4; - 02 mẫu vật liệu xúc tác quang lai ghép liên hợp dạng Z, 5g mỗi loại.	TS. Chu Thị Thu Hiền	600	600	0
8	Nghiên cứu giải pháp tăng cường mối liên kết trong đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn về mối liên kết trong đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp. Từ đó đề xuất hệ thống giải pháp tăng cường mối liên kết đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ giữa hai chủ thể này trên địa bàn thành phố Hà Nội.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính từ 0,5 điểm trở lên. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 học viên cao học (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài). 3. Sản phẩm ứng dụng: - 01 Báo cáo thực trạng mối liên kết đào tạo và chuyển giao công nghệ giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội hiện nay. - 01 Bản kiến nghị chính sách tăng cường hiệu quả liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ. - 01 sổ tay hướng dẫn về tăng cường mối quan hệ trong đào tạo và chuyển giao công nghệ giữa nhà trường và doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.	TS. Nguyễn Văn Đồng	450	450	0

9	Xây dựng mô hình đường cong nghề nghiệp và phát triển khung năng lực cần thiết đào tạo kỹ sư xây dựng trong bối cảnh 4.0 tại Việt Nam	Đánh giá thực trạng đường cong nghề nghiệp của kỹ sư Việt Nam và đề xuất mô hình phát triển đường cong nghề nghiệp của kỹ sư Việt Nam	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong danh mụ SCOPUS. - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐCDGSNN tính 0.75 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công) 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá hiệu quả việc áp dụng mô hình đường cong nghề nghiệp và khung năng lực cần thiết đào tạo kỹ sư xây dựng. - Báo cáo cơ sở lý luận về phát triển nghề nghiệp và khung năng lực cần thiết cho kỹ sư xây dựng trong nền công nghiệp 4.0; - Báo cáo đánh giá thực trạng và phân tích các xu hướng công nghệ mới như mô hình thông tin công trình (BIM), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ in 3D, internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), bản sao số (Digital Twins),… đối với ngành xây dựng. - Báo cáo xây dựng mô hình đường cong nghề nghiệp và Phát triển khung năng lực toàn diện cho kỹ sư xây dựng trong bối cảnh CMCN 4.0 tại Việt Nam.	PGS.TS. Nguyễn Quốc Toản	380	380	0
Tổng cộng:					**4980**	**4980**	**0**

(Danh mục gồm 09 đề tài)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026

Tổ chức chủ trì: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số 1725 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đề tài	Mục tiêu	Sản phẩm	Chủ nhiệm	Kinh phí thực hiện		
					Tổng	NSNN	Khác
1	Xây dựng tiêu chí, chỉ số đánh giá việc thực hiện Quyền trẻ em trong cơ sở GDMN	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn; Xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá việc thực hiện quyền trẻ em trong cơ sở GDMN	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của ACI; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá việc thực hiện Quyền trẻ em trong cơ sở GDMN; - Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống tiêu chí, chỉ số để đánh giá việc thực hiện Quyền trẻ em trong Chương trình giáo dục và hoạt động giáo dục trẻ em ở cơ sở GDMN.	TS. Vũ Thị Ngọc Minh	300	300	0

2	Nghiên cứu xây dựng nội dung giáo dục thể chất dành cho cho học sinh khuyết tật trí tuệ đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018	Đề xuất nội dung giáo dục thể chất dành cho đối tượng học sinh khuyết tật trí tuệ đáp ứng Chương trình môn Giáo dục thể chất 2018	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của ACI; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng - Khung nội dung giáo dục thể chất được điều chỉnh phù hợp với học sinh khuyết tật trí tuệ	ThS Lý Quốc Biên	300	300	0
3	Phát triển kỹ năng học tập cho học sinh tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số	Xác định hệ thống kỹ năng học tập cần có ở học sinh tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số, mức độ kỹ năng học tập và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng học tập của các em; Đề xuất một số biện pháp phát triển kỹ năng học tập cho học sinh tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của WOS (Q3/Q4); - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ (luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo: Hệ thống kỹ năng học tập cho học sinh tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số; - Báo cáo: Một số biện pháp nhằm phát triển kỹ năng học tập cho học sinh tiểu học trong bối cảnh chuyển đổi số.	ThS Nguyễn Thị Mai	350	350	0

4	Xây dựng chương trình giáo dục bổ trợ phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ có rối loạn phát triển trong trường mầm non hòa nhập	Xây dựng cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về việc phát triển KNGT cho trẻ RLPT Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp,hình thức tổ chức và điều kiện thực hiện phát triển KNGT theo hướng bổ trợ cho trẻ RLPT trong trường mầm non hòa nhập	1. Sản phẩm khoa học - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong danh mục ACI; - 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính điểm (từ 0.5 điểm trở lên). 2. Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 thạc sĩ luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công). 3. Sản phẩm ứng dụng: - Khung chương trình giáo dục bổ trợ phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ có rối loạn phát triển trong trường mầm non hòa nhập; - Hướng dẫn thực hiện khung chương trình giáo dục bổ trợ phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ có rối loạn phát triển trong trường mầm non hòa nhập.	ThS Nguyễn Thị Hằng	300	300	0
5	Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học môn KHTN	Đề xuất một số giải pháp ứng dụng AI và xác định những điều kiện đảm bảo nhằm ứng dụng AI trong dạy học môn KHTN một cách hiệu quả.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước thuộc HĐGSNN cho 1 điểm - 01 sách tham khảo theo hướng nghiên cứu của đề tài. 2. Sản phẩm đào tạo: 01 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo thực trạng ứng dụng AI trong dạy học môn KHTN tại các trường THCS ở Việt Nam hiện nay. - Báo cáo đề xuất cách thức ứng dụng AI trong dạy học môn KHTN cấp THCS. - Báo cáo đề xuất điều kiện đảm bảo cho việc ứng dụng AI trong dạy học môn KHTN cấp THCS.	ThS. Phan Thị Bích Lợi	360	360	0

6	Đánh giá mức độ về sự sẵn sàng của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đối với chuyển đổi số tại các nhà trường Trung học phổ thông ở Việt Nam	Xác định mức độ sẵn sàng của GV và CBQL các nhà trường Trung học phổ thông ở Việt Nam đối với chuyển đổi số và đề xuất một số giải pháp.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính đến 01 điểm; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài và được bảo vệ thành công. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá thực trạng mức độ sẵn sàng của GV và CBQL các nhà trường Trung học phổ thông ở Việt Nam đối với chuyển đổi số; - Đề xuất giải pháp nâng cao tiềm lực của GV và CBQL sẵn sàng cho chuyển đổi số trong nhà trường THPT	TS. Đặng Thị Thu Huệ	360	360	0
7	Tiếp cận giáo dục đại học đối với người dân các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam - thực trạng và giải pháp	Đề xuất các giải pháp thúc đẩy tiếp cận giáo dục đại học cho người dân các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học có trong chỉ mục trích dẫn của Scopus; - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục hội đồng chức danh giáo sư nhà nước; 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá thực trạng tiếp cận giáo dục đại học của người dân các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam; - Giải pháp đẩy mạnh tiếp cận giáo dục đại học đối với người dân ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam	ThS. Nguyễn Thu Hà	380	380	0

8	Nghiên cứu đề xuất khung năng lực số cuả công dân đáp ứng yêu cầu xã hội học tập	Nghiên cứu đề xuất khung năng lực số cuả công dân và đánh giá công dân số	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài được chấp nhận đăng trên tạp chí quốc tế có trong chỉ mục trích dẫn của SCOPUS. - 02 đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN tính 01 điểm. 2. Sản phẩm đào tạo: Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài hoặc 01 học viên cao học bảo vệ thành công. 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá thực trạng năng lực số của công dân. - Bản đề xuất năng lực số của công dân. - Bản đề xuất các tiêu chí, quy trình đánh giá công dân số.	TS. Lê Ngọc Diệp	380	380	0
9	Chính sách huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục mầm non và phổ thông: Thực trạng và giải pháp	Đề xuất được các giải pháp tăng cường huy động các nguồn lực cho giáo dục mầm non và phổ thông	1. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học được chấp nhận đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục HĐCDGSNN 2. Sản phẩm đào tạo: 01 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo đánh giá hiệu quả, kết quả và hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện chính sách về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trong giáo dục mầm non và phổ thông đó phân tích rõ nguyên nhân, chỉ ra các bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai	ThS. Đinh Văn Thái	360	360	0
Tổng cộng:					**3090**	**3090**	**0**

(Danh mục gồm 09 đề tài)